TẠP CHÍ Thanhtra
CƠ QUAN CỦA THANH TRA CHÍNH PHỦ
WWW.THANHTRAVIETNAM.VN

Số 05 - 2020
NĂM THỨ 42
ISSN 2354 - 1121

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP:
TS. Đặng Công Huẩn
Phó Tổng Thanh tra Chính phủ
Chủ tịch Hội đồng Biên tập
Bùi Ngọc Lam
Phó Tổng Thanh tra Chính phủ

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP PHỤ TRÁCH:
Ths. Nguyễn Thị Hoa

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP:
Ths. Đỗ Mạnh Hùng
Trần Đắc Xuyên

TOÀ SOẠN:
ĐC: 220 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
Tạp chí điện tử: ThanhtraVietNam.vn
Đường dây nóng: 091.863.5289

- **Phòng Trị sự:**
ĐT: 080.49063 / Fax: 080.49065
E-mail: phongtrisu.TCTT@gmail.com
Kế toán, tài vụ - ĐT: 080.49069
- **Phòng Phóng viên & Biên tập:**
ĐT: 080.49073
E-mail: tapchithanhtrabbt@gmail.com
- **Phòng Truyền thông và Phát hành:**
ĐT: 080.49082 / 080.49070
Email: phongtruyenthongtctt@gmail.com
- **Văn phòng Đại diện khu vực phía Nam:**
ĐC: Số 35 Hồ Học Lãm, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 080.83224 / Fax: 080.84622
Email: tapchithanhtra496@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ:
407/GP-BTTTT, ngày 8/8/2016

BÌA 1: Ảnh chụp Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1965

ẢNH BÌA 1: TTXVN

THIẾT KẾ: Nguyễn Tạo

IN TẠI: Công ty TNHH In và Quảng cáo Tân Thành Phát

NỘP LƯU CHIỂU: Tháng 5/2020

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước

Giá: 30.000 đồng

MỤC LỤC

CHÍNH LUẬN

3 Nguyễn Văn Thanh: Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh: Tiếp bước ngọn cờ đại đoàn kết dân tộc của Bác Hồ

5 Vũ Phạm Toàn Thắng: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

7 TS. Đinh Văn Minh: Một số nội dung của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi - Nhìn từ góc độ thực tiễn

10 Điệp Văn Chiến: Một số kinh nghiệm xử lý chồng chéo trong thanh tra qua thực hiện Chỉ thị 20 của Thủ tướng và Nghị quyết 35 của Chính phủ tại Quảng Ninh

13 Đào Văn Thanh: Hai năm thực hiện Chỉ thị 20/CT-TTg tại Bộ NN&PTNT: Thực trạng và kiến nghị

16 TS.TTVC Trịnh Văn Toàn: Nâng cao đạo đức công vụ, nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ thanh tra góp phần siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính

19 Ths. Lê Thị Thúy: Một vài đề xuất nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trong thời gian tới

23 Ths. Lê Quang Kiệm: Một số giải pháp xử lý hành vi "nhũng nhiễu", "tham nhũng vặt", từ thực tiễn tại tỉnh Đồng Nai

27 TS. Trần Tuyết Mai: Các hình thức chịu trách nhiệm; mức độ, biện pháp xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước (Tiếp theo và hết)

30 **TS. Nguyễn Thị Hồng Thúy:** Tố cáo tiếp và giải quyết tố cáo tiếp - Thực trạng pháp luật và một số kiến nghị hoàn thiện

33 **Ths. Giảng viên Đào Minh Tuân:** Bàn về thanh tra, kiểm tra trách nhiệm trong quản lý

37 **Ths. Dương Văn Quý:** Hoàn thiện Dự thảo Thông tư Quy định về tổ chức và hoạt động của Đoàn thanh tra

41 **TS. Nguyễn Xuân Văn:** Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong xây dựng Chính phủ điện tử ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

❑ VĂN HÓA - XÃ HỘI

44 **Trần Thương Tính:** Tháng Năm - miền nhớ ngày thơ...

45 Truyện ngắn của **Nguyễn Chí Ngoan:** Phía bên kia rào...

49 **Trần Văn Thiên:** Thương những mùa xoài...

❑ TÌM HIỂU & GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

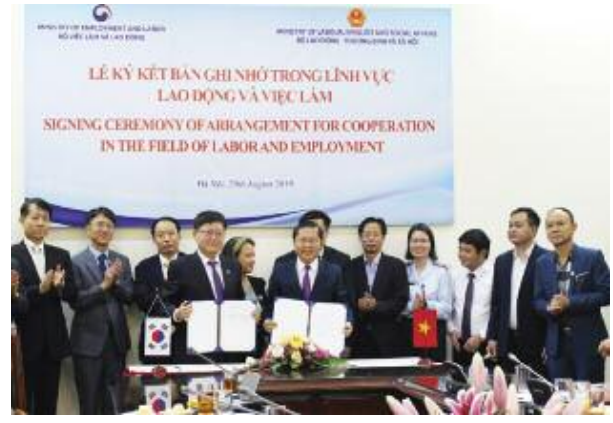

50 **K. Dung:** Tìm hiểu về thẩm quyền xử phạt của lực lượng thanh tra chuyên ngành lao động, BHXH theo quy định của Nghị định 28/2020/NĐ-CP

52 **Quỳnh An:** Văn bản mới ban hành

❑ KINH NGHIỆM NƯỚC NGOÀI

55 **TS. Nguyễn Thị Dung:** Hoạt động nghiên cứu khoa học của Nghị viện một số nước trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam

Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh:

Tiếp bước ngọn cờ đại đoàn kết dân tộc của Bác Hồ

✍ Nguyễn Văn Thanh

Ảnh tư liệu. Nguồn: Internet

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đoàn kết càng rộng rãi, đoàn kết càng chặt chẽ thì thắng lợi càng to, thành tích càng lớn. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc là nội dung mang tính chiến lược, xuyên suốt trong tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đặc biệt, trong bối cảnh đất nước đang chuyển mình mạnh mẽ để đón nhận những cơ hội cùng thách thức lớn của quá trình hội nhập quốc tế, bài học đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng mang tính thời sự, có ý nghĩa quan trọng.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh: "Là một Đảng lãnh đạo, Đảng ta cần phải mạnh mẽ, trong sạch, kiểu mẫu. Toàn Đảng phải tư tưởng nhất trí, hành động nhất trí, đoàn kết nhất trí mới làm tròn nhiệm vụ của Đảng"(1). Theo Người, cách mạng muốn thành công phải có lực lượng, lực lượng đó phải đủ mạnh để chiến thắng kẻ thù và xây dựng thành công xã hội mới. Muốn có lực lượng phải thực hành đại đoàn kết, vì "đoàn kết là lực lượng". Còn nhớ, khi nước ta vừa giành được độc lập, vận mệnh dân tộc đứng trước tình thế "ngàn cân treo sợi tóc", Người đã chỉ rõ: "Dân tộc ta suy hay thịnh, mất hay còn, chính ở trong lúc này. Không đoàn kết thì suy và mất. Có đoàn kết thì thịnh và còn"(2).

Trong thư gửi Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam tại Pleiku (Gia Lai), ngày 19/4/1946, Bác nêu rõ: "Giang sơn và Chính phủ là giang sơn và Chính phủ chung của chúng ta. Vậy nên tất cả các dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ Chính phủ ta"(3). Đoàn kết rộng rãi không những là yêu cầu tất yếu của cách mạng Việt Nam mà còn là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta, một tầm nhìn về tương lai của dân tộc. Vì thế, trong lời phát biểu của Bác khi ra mắt Đảng Lao động Việt Nam ngày 03/3/1951, Bác đã nêu 8 chữ: "Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc"(4) là mục đích của Đảng và Đảng thực hiện "đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc", "đoàn kết để xây dựng nước nhà", cho nên phải "đoàn kết rộng rãi và lâu dài", "đoàn kết rộng rãi, chặt chẽ, đồng thời phải củng cố" và "ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ"(5).

Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu yêu cầu của đoàn kết là phải đoàn kết rộng rãi và chặt chẽ, đoàn kết thật sự cả chiều sâu, có hiệu quả, không phải đoàn kết ngoài miệng, mà đoàn kết bằng việc làm, đoàn kết bằng tinh thần, đoàn kết thực sự. Trong bài nói chuyện với cán bộ tỉnh Hà Tây ngày 10/2/1967, Người nhắc nhở cán bộ "từ tỉnh đến huyện, đến xã phải đoàn kết, đoàn kết thật sự, làm sao tự mình nêu gương và giáo dục cho đảng viên, đoàn viên, cán bộ giữ gìn, phát triển đạo đức cách mạng(6). Người giải thích: "Đoàn kết thực sự nghĩa là mục đích nhất trí và lập trường cũng phải nhất trí. Đoàn kết thực sự nghĩa là vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân"(7). Về mối quan hệ giữa phê bình, tự phê bình và đoàn kết, Người giải thích: Phê bình, tự phê bình tốt nghĩa là xuất phát từ đoàn kết mà phê bình và tự phê bình, phê bình và tự phê bình để đi đến đoàn kết hơn nữa.

Trong bản Di chúc lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: "Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đoàn kết là một truyền

thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình"[8].

Nhờ có chiến lược đại đoàn kết đúng đắn của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, kể từ khi Đảng ta ra đời (3/2/1930) đến nay, cách mạng nước ta 90 năm qua đã gặt hái được thắng lợi trong đấu tranh giành chính quyền, trong đấu tranh dựng nước, giữ nước và đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đặc biệt, trải qua 35 năm đổi mới đất nước (kể từ năm 1986 đến nay), các nghị quyết của Đảng đã không ngừng đi vào cuộc sống, từng bước đổi mới và khẳng định những nội dung đúng đắn của đường lối đại đoàn kết toàn dân tộc, nhằm chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu. Sự đoàn kết, thống nhất, phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng giữa Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được tăng cường. Tình hình chính trị, xã hội đất nước ổn định; quốc phòng, an ninh không ngừng được củng cố, kiên quyết, kiên trì giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và hiệu quả, góp phần nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Trong tình hình hiện nay, kẻ xấu đã và đang tìm trăm mưu ngàn kế hòng phá hoại sự đoàn kết thống nhất của Đảng ta cũng như mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Bởi vậy, tư tưởng đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh cần được quán triệt sâu sắc và không thể để một phút lơ là tinh thần cảnh giác cách mạng.

Năm 2020, với chuyên đề "*Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*", hơn bao giờ hết, các cấp ủy cần tiếp tục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc. Bởi đại đoàn kết là sự nghiệp của cả dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là Đảng Cộng sản Việt Nam, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức; trong đó, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Đó là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu, là nhân tố bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đặc biệt, hiện nay trong bối cảnh Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, khi Đảng ta đang đứng trước thời điểm phải lựa chọn những người xứng đáng, vừa có tài, vừa có đức để đảm nhận trọng trách lãnh đạo đất nước, thì chúng ta càng phải phát huy truyền thống đoàn kết thống nhất. Đây là trách nhiệm lớn, mà trước hết là của tập thể, cá nhân lãnh đạo từ Trung ương đến từng cơ sở để thực hiện tâm niệm của Bác Hồ: "Đoàn kết nhất trí thì chúng ta nhất định xây dựng được nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, tự do, giàu mạnh"[9]./.

Chú thích:

(1), (2) - Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb.CTQG, H.2011, t.7 (tr.415), t.4 (tr.55);

(3) - Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.4, tr.249;

(4) - Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.7, tr.49;

(5) - Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.9, tr.224;

(6) - Hồ Chí Minh: Những sự kiện, Nxb Thông tin lí luận, H.1987, tr.380;

(7) - Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.11, tr.362;

(8) - Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.15, tr. 622;

(9) - Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.10, tr.576.

Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

Vũ Phạm Toàn Thắng

Khác với các bậc tiền bối yêu nước ở đầu thế kỉ XX, khi ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đến thẳng chính quốc thực dân, nơi cội nguồn của những kẻ thống trị đang đô hộ lên Tổ quốc của Người.

Bằng thực tế trải nghiệm bôn ba năm châu bốn bể, Người đã tìm đến được với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm thấy con đường giải phóng dân tộc khỏi ách nô lệ, lầm than. Hơn thế, con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh hướng tới là con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Do đó, sau khi giành được độc lập, một nửa đất nước được giải phóng vào năm 1954, Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã nhanh chóng định ra con đường cách mạng của dân tộc Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo. Sau vài năm khôi phục và cải tạo kinh tế xã hội, vào năm 1960, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 3, Đảng ta đã định ra đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, đó là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và thực hiện đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chúng ta phải trải qua một thời kì quá độ để đưa nước ta từ sản xuất nhỏ lạc hậu đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu này đặt ra cho Đảng và nhân dân ta rất nhiều nhiệm vụ từ thực hiện cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kĩ thuật, cho đến cách mạng văn hóa tư tưởng...

Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

Nhưng mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa xã hội là gì? Nội dung lý luận khoa học đó đã được các vị cách mạng tiền bối C.Mác, Ăngghen, Lênin vạch ra và luận giải. Song bằng thực tế trải nghiệm qua đấu tranh, qua tiếp cận với quần chúng nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải thích về chủ nghĩa xã hội với nhân dân của mình một cách dễ hiểu như tự nhiên của hơi thở. Người nói chủ nghĩa xã hội là cuộc sống cho đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành, mọi người sống bình đẳng, lành mạnh, hạnh phúc.

Để nhấn mạnh thêm mục tiêu và bản chất của chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải thích cụ thể: Chúng ta đấu tranh giành độc lập, tự do, nhưng nếu tự do mà không đem lại cơm no áo ấm cho mọi nhà, không mang lại hạnh phúc cho các thanh, thiếu niên nhi đồng, cho các cụ già, phụ nữ... thì đó không phải là độc lập tự do mà Đảng và nhân dân ta mong muốn. Ý tưởng này đi suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Và ngay cả khi dừng bút trong văn bản cuối đời, tại bản Di chúc lịch sử, Hồ Chủ tịch vẫn nhắc lại mục tiêu cao cả mà Người theo đuổi xây dựng cho dân tộc Việt Nam. Đó là một chủ nghĩa xã hội hiện thực đáp ứng được nhu cầu, ước vọng

của nhân dân: ***Chủ nghĩa xã hội là độc lập, tự do, là hạnh phúc của nhân dân, là cơm no áo ấm cho đồng bào***. Đó là một chủ nghĩa xã hội thật dung dị nhưng vô cùng thiết thực cho đất nước chúng ta và các thế hệ con cháu mai sau về một nước Việt Nam hòa bình, độc lập tự do và hạnh phúc cả về tinh thần và vật chất.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về các biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Để xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng ta và Bác Hồ đã vạch ra các biện pháp rất cụ thể xuất phát từ hoàn cảnh nước ta còn nghèo và lạc hậu, lại phải gánh vác cả hai nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đồng thời tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân để đánh đuổi kẻ thù xâm lược ở miền Nam giành độc lập, tự do, thống nhất đất nước.

Khi miền Bắc bước vào thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta và Bác Hồ đã chỉ rõ phải tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: Cách mạng quan hệ sản xuất, Cách mạng khoa học kĩ thuật, Cách mạng văn hóa tư tưởng... Và thực tế, những cuộc cách mạng này đã làm diện mạo xã hội đất nước ta có rất nhiều thay đổi theo một xu thế tích cực, chẳng những đáp ứng được nhu cầu của miền Bắc xã hội chủ nghĩa mà còn chi viện tích cực cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước vào năm 1975.

Tuy nhiên, khi nói về vai trò và nhiệm vụ cách mạng trong từng giai đoạn cụ thể, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh đến yếu tố con người, coi đó là yếu tố cơ bản quyết định sự thành bại của cách mạng, Người nói: Muốn có chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa.

Nhấn mạnh yếu tố và vai trò của con người trong mọi lĩnh vực hoạt động của đất nước, Hồ Chí Minh cho rằng những người giác ngộ cách mạng có lý tưởng, ước mơ hiện thực xã hội chủ nghĩa, được đào tạo rèn luyện "vừa hồng vừa chuyên" là con người xã hội chủ nghĩa. "Hồng" là muốn nói vững về chính trị, là tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân, luôn rèn luyện đạo đức, tác phong, lối sống giản dị chan hòa với quần chúng nhân dân, tránh xa những thói hư, tật xấu. "Chuyên" là muốn nói về sự hiểu biết và thành thạo trong công tác, lao động sản xuất, là sự am tường về khoa học kĩ thuật, quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Muốn có lớp người này, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh, Đảng phải tổ chức giáo dục, bồi dưỡng, phát huy dân chủ, khơi dậy trong quần chúng nhân dân những phong trào thi đua yêu nước, bồi dưỡng và nhân rộng các tập thể, cá nhân tiên tiến mẫu mực, lấy đó tạo đà cho các phong trào thi đua được phát triển, mở rộng. Bản thân Hồ Chí Minh rất quan tâm đến lớp người này, Người thường xuyên theo dõi, động viên kịp thời những công dân, thiếu nhi làm được nhiều việc tốt và có ý kiến để nhân rộng các điển hình này thành những phong trào thi đua yêu nước.

Với Hồ Chí Minh, quần chúng khi được khơi dậy ý chí cách mạng sẽ trở nên có sức mạnh vô cùng to lớn. Và thực tế đã chứng minh điều đó, những phong trào thi đua yêu nước của bà con nông dân ở các hợp tác xã nông nghiệp (dù kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt chưa cao) đã tạo ra một khối lượng lương thực, thực phẩm đảm bảo cho miền Bắc xã hội chủ nghĩa và chi viện cho quân dân miền Nam đánh Mỹ.

Cũng như thế, phong trào thi đua yêu nước ở các xí nghiệp, nhà máy, hầm lò, trong các hợp tác xã công nghiệp, thương nghiệp, trong các trường học đã tạo nên một khí thế mới, chẳng những nâng cao được ý thức trách nhiệm, tinh thần cách mạng của người dân, công nhân, học sinh, bộ đội, mà còn là một minh chứng về sức mạnh của quần chúng nhân dân, của một dân tộc khi được giác ngộ cách mạng, đoàn kết để giữ gìn bảo vệ và xây dựng đất nước.

Tóm lại, trong muôn vàn biện pháp, để tổ chức thực hiện công cuộc xây dựng đất nước ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam những năm 60, Đảng ta và Bác Hồ luôn chú trọng đến yếu tố con người, chú trọng khơi dậy sức mạnh của quần chúng Nhân dân, coi đó là mấu chốt cho sự thành bại của cách mạng. Nhờ khơi dậy lòng yêu nước của toàn dân, phát huy được tinh thần dân chủ, tạo nên một khối đoàn kết trong một tổ chức mặt trận chặt chẽ, Đảng ta và Bác Hồ đã lãnh đạo thành công công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước vào năm 1975 và hiện nay đang kiên trì đường lối, chủ trương thực hiện mục tiêu xây dựng đất nước từng bước tiệm cận (định hướng) đến mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Có thể nói, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội có ý nghĩa giá trị to lớn trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế giai đoạn hiện nay. Việt Nam đã tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội hơn 60 năm (từ năm 1960 đến nay); trong đó, có 34 năm phát triển kinh tế thị trường (từ năm 1986 đến nay). Tuy nhiên, tư duy nhận thức về xây dựng chủ nghĩa xã hội còn nhiều khiếm khuyết. Hiện nay, một số nhà nghiên cứu khoa học, lãnh đạo chính trị, xã hội chưa nhận thức rõ thực chất của các từ ngữ, khái niệm có liên quan đến xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế.

Theo đó, chúng ta cần đổi mới tư duy về xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đã nhiều năm nay, một số nhà khoa học, lãnh đạo chính trị, xã hội ở Việt Nam thường chỉ nói tới xây dựng chủ nghĩa xã hội mà không nói tới thực hiện chủ nghĩa xã hội; tức là, chủ nghĩa xã hội chỉ được nhận thức về mặt xây dựng mục tiêu (tính chất), chứ không được nhận thức về mặt phương pháp (bản chất) và nguyên tắc (thực chất) thực hiện, nhằm

bảo đảm đạt được mục tiêu. Do vậy, đổi mới tư duy về xây dựng chủ nghĩa xã hội, tức là cần nhận thức đúng đắn rằng, đây chính là xây dựng và thực hiện mục đích (mục tiêu) phát triển của chủ nghĩa xã hội, hay xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển hướng tới một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới như điều mong muốn cuối cùng của Hồ Chí Minh trong Di chúc. Điều đó có nghĩa là, cần xây dựng một chủ nghĩa xã hội phát triển cũng tương tự như tiếp bước theo một con đường phát triển theo quy luật khách quan. Trong con đường này, xã hội phát triển được coi là mục tiêu của cộng đồng quốc gia, dân tộc, còn chủ nghĩa xã hội phát triển được coi là phương pháp dân chủ, nguyên tắc pháp quyền để thực hiện nhằm bảo đảm đạt được mục tiêu xã hội phát triển. Nói cách khác, xã hội Việt Nam muốn phát triển nhanh và bền vững thì cần phải xây dựng thể chế chính trị - xã hội pháp quyền dân chủ, nhằm thực hiện từng bước các mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện như Điều 3 Hiến pháp Việt Nam năm 2013 đã nêu ra./.

Một số nội dung CỦA LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CẦN SỬA ĐỔI - Nhìn từ góc độ thực tiễn

TS. Đinh Văn Minh

Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thanh tra Chính phủ

Đại biểu Quốc hội biểu quyết thông qua một dự án luật tại Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIV. *Ảnh: Internet*

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sau đây gọi là Luật năm 2015) là một văn bản hết sức quan trọng, làm cơ sở để xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đáp ứng yêu cầu đổi mới đất nước trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng và cuộc cách mạng 4.0 theo đường lối, chủ trương của Đảng.

Qua gần 5 năm thi hành Luật năm 2015, công tác xây dựng pháp luật ở nước ta đã có chuyển biến tích cực, chất lượng văn bản pháp luật đã được nâng cao hơn, nhiều văn bản được ban hành để kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước và góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế -

xã hội của đất nước. Tuy nhiên, quá trình thi hành Luật năm 2015 trong thời gian qua cho thấy một số hạn chế cần phải sửa đổi, bổ sung cho hợp lý. Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật năm 2015 hiện nay đang được Quốc hội xem xét và thông qua trong thời gian tới. Một trong những vấn đề thu hút sự quan tâm lớn trong sửa đổi lần này là xác định đầy đủ, rõ ràng vai trò, trách nhiệm của Chính phủ trong toàn bộ quy trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua các dự án luật, pháp lệnh theo hướng phân công hợp lý, bảo đảm kiểm soát quyền lực, trách nhiệm đến cùng của Chính phủ trong việc soạn thảo, tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện cho đến khi Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua dự án luật, pháp lệnh do Chính phủ chủ trì soạn thảo, trình.

Thực tiễn xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật do Thanh tra Chính phủ chủ trì những năm qua cho thấy một số khó khăn, vướng mắc trong luật năm 2015 cần nghiên cứu để sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

Trước hết, có thể khẳng định rằng, mặc dù theo quy định của Hiến pháp, nhiều chủ thể có thể có quyền trình dự án luật hoặc sáng kiến luật, nhưng tuyệt đại đa số các đề nghị xây dựng Luật là từ Chính phủ. Đó là điều dễ hiểu bởi vì pháp luật sinh ra từ nhu cầu cuộc sống. Chính phủ là cơ quan quản lý mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội đất nước nên nhu cầu đưa ra các quy phạm để điều chỉnh các quan hệ xã hội nảy sinh, nhất là trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển là vô cùng lớn. Và chính các cơ quan quản lý trong các lĩnh vực sẽ được giao xây dựng các văn bản đó theo sự chỉ đạo của Chính phủ. Vì vậy, Chính phủ là cơ quan có vai trò cực kỳ quan trọng trong xây dựng các văn bản pháp luật. Những e ngại rằng việc giao cho các cơ quan quản lý chủ trì soạn thảo sẽ dẫn đến tình trạng quan tâm đến yếu tố thuận tiện cho quản lý hơn là thuận lợi cho sự phát triển. Mặt khác, việc thực hiện các quyền và lợi ích của các chủ thể chịu sự điều chỉnh của văn bản pháp luật là có thể hiểu được nhưng sẽ được xử lý trong quá trình thảo luận thông qua tại Quốc hội với sự phản biện của cả xã hội (đối với các đạo luật và pháp lệnh) hoặc thông qua hoạt động giám sát của Quốc hội đối với quá trình triển khai thực hiện luật và việc thực hiện quyền lập quy của Chính phủ (đối với các nghị định và văn bản dưới luật). Chính phủ đề xuất và chịu trách nhiệm đề xuất, trực tiếp chỉ đạo việc soạn thảo và khi luật được thông qua cũng sẽ là cơ quan chủ yếu triển khai thực hiện đạo luật. Nói như vậy để thấy rằng, trong quy trình xây dựng pháp luật, vai trò của Chính phủ là không thể phủ nhận. Từ trước đến nay, chỉ mới có một sáng kiến luật từ Đại biểu Quốc hội về xây dựng Luật Hành chính (hoặc Luật Hành chính công) nhưng đã phải dừng lại vì thiếu tính thuyết phục cả về lý luận và thực tiễn.

Trong quy trình xây dựng pháp luật hiện nay, những quy định của Luật năm 2015 có nhiều điểm không phù hợp, thậm chí làm chậm quá trình đưa ra các quy phạm pháp luật để kịp thời đáp ứng tình hình do nhu cầu quản lý, cụ thể:

Tính chậm trễ trong giai đoạn đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Hiện nay, việc xây dựng một văn bản pháp luật trải qua hai giai đoạn gần giống nhau: Đề xuất chính sách, soạn thảo và thông qua luật. Giai đoạn lập đề nghị xây dựng văn bản luật có 5 bước, mỗi bước lại gồm nhiều công việc đòi hỏi thời gian, nguồn lực thực hiện với những yêu cầu cụ thể để chứng minh cho sự cần thiết về những vấn đề đang đặt ra và dự kiến các chính sách sẽ được xây dựng trong văn bản sắp tới (hoặc là ban hành mới, hoặc là một văn bản sửa đổi, bổ sung).

Mặc dù rất cố gắng nhưng việc đưa ra quá nhiều yêu cầu đối với cơ quan đề nghị đã khiến cho việc thực hiện một số công việc mang tính hình thức, chủ yếu là cho đầy đủ thủ tục (tổng kết thực tiễn, đánh giá tác động kinh tế xã hội, đánh giá tác động về giới, xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương, các đối tượng chịu sự tác động...). Ngay cả những văn bản mà quá trình thực hiện nảy sinh nhiều khó khăn vướng mắc, Chính phủ yêu cầu cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực sớm nghiên cứu, đưa vào chương trình đề nghị ban hành hoặc sửa đổi bổ sung... thì vẫn phải làm theo quy trình tốn nhiều thời gian công sức mà đáp án đã có trước. Những công việc đó rất cần thiết nhưng chỉ nên thực hiện khi bắt tay vào soạn thảo luật và trình trước Quốc hội để thuyết phục Quốc hội chấp thuận và thông qua luật. Quy định về đề nghị xây dựng văn bản thực sự đã làm chậm lại quá trình ban hành một văn bản pháp luật trong khi nhu cầu điều chỉnh một vấn đề đang trở nên cấp bách. Pháp luật vốn đã luôn đi sau thực tiễn, việc đưa ra các quy trình không cần thiết sẽ làm cho nó chậm trễ hơn và mất đi ý nghĩa, dù có tính ổn định và cả dự liệu sau này.

Về giai đoạn trình dự án luật ra Quốc hội

Trong giai đoạn dự án luật đã được Chính phủ thông qua và nhất trí trình ra Quốc hội thảo luận xem xét, văn bản đó sẽ được giao cho một Ủy ban tiến hành thẩm tra (về trình tự, thủ tục, về nội dung, tính hợp hiến...). Trong giai đoạn này, có sự phối hợp chặt chẽ giữa Chính phủ, cụ thể là cơ quan được Chính phủ giao chủ trì soạn thảo văn bản và các cơ quan của Quốc hội (Ủy ban có trách nhiệm thẩm tra, các vụ chuyên môn của Văn phòng Quốc hội...). Đây là việc cần thiết và trên thực tế rất có hiệu quả để bảo đảm chất lượng

của các dự án trình ra Quốc hội. Tuy nhiên, vấn đề sẽ nảy sinh khi cơ quan chủ trì soạn thảo và các cơ quan của Quốc hội không đạt được sự đồng thuận. Vậy trong trường hợp này, văn bản có thể trình ra Quốc hội để xem xét hay không? Điều này từng xảy ra năm 1995, tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa IX, Chính phủ trình Dự án Luật Tòa án hành chính, sau khi Ủy ban Thường vụ có ý kiến đề nghị chọn phương án khác, Thường trực Chính phủ đã họp và vẫn giữ quan điểm của mình và cuối cùng, giải pháp là trình ra Quốc hội tất cả các phương án để Quốc hội lựa chọn. Tương tự như vậy, Dự án Luật Phòng, chống tham nhũng (sửa đổi) 2018, về vấn đề xử lý tài sản không kê khai hoặc kê khai nhưng không được giải trình hợp lý, do không có sự thống nhất nên đã có đến 6 phương án được đưa ra để Quốc hội lựa chọn. Đây là điều không nên có và thể hiện một sự không rõ ràng vai trò và trách nhiệm của Chính phủ đối với dự án luật do mình chuẩn bị. Điều này xuất phát từ quan niệm luật của ai? Ai làm luật?

Theo quy định của Hiến pháp, Quốc hội là cơ quan "làm luật và sửa đổi luật" và như vậy luật là của Quốc hội và khi trình ra Quốc hội thì không còn là dự án luật của Chính phủ nữa mà khi đó thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Quốc hội sẽ cho ý kiến trực tiếp và biểu quyết thông qua đạo luật "của mình", trong đó rất có thể có những nội dung được thay đổi khác với mục đích và ý tưởng ban đầu của Chính phủ được xây dựng trên cơ sở thực tiễn quản lý. Vì là luật của Quốc hội và đã nằm trong chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nên sẽ thuận lợi cho việc thông qua để bảo đảm "hoàn thành nhiệm vụ" của Quốc hội theo đúng chương trình. Tuy nhiên, cũng chính vì vậy mà dẫn đến nguy cơ một số quy định không sát với thực tế, thiếu tính khả thi, gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

Thiết nghĩ, Chính phủ phải là cơ quan có quyền hạn và trách nhiệm đến cùng về dự án luật của mình đến khi trình ra Quốc hội. Khi đó, Quốc hội xem xét, thảo luận và biểu quyết thông qua hoặc không thông qua dự luật do Chính phủ trình. Thực chất, Quốc hội "thông qua luật" không hoàn toàn là "làm luật" theo cách làm văn tập thể. Trách nhiệm chính trong việc xây dựng văn bản pháp luật thuộc về Chính phủ, cơ quan soạn thảo và trình dự án luật. Như vậy, có thể sẽ khó khăn hơn nhưng khi được thông qua, đạo luật đó bảo đảm tính thực tiễn và khả thi trong quá trình triển khai thực hiện. Vai trò của Quốc hội được thể hiện chủ yếu ở việc thông qua hay không thông qua luật. Hiện nay, hầu hết các đạo luật khi Quốc hội đã đưa ra biểu quyết đều được thông qua, ngay cả khi còn có những vấn đề chưa thực sự được giải quyết triệt để. Hệ quả là chất lượng các đạo luật không cao, thậm chí có những đạo luật chưa có hiệu lực đã phải sửa đổi (Bộ Luật Hình sự 2015, Điều 60 Luật Bảo hiểm xã hội 2014).

Về hướng dẫn thi hành luật

Sau khi luật được thông qua, việc ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành là công việc cần thiết. Tuy nhiên, ở đây lại xuất hiện vướng mắc khác từ trong quy định của Luật năm 2015. Nếu như trước kia Chính phủ có thể quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành tất cả các điều khoản của luật mà Chính phủ thấy là cần thiết cho việc thi hành luật thì theo quy định hiện hành Chính phủ chỉ được phép quy định chi tiết và hướng dẫn những điều khoản đã được chỉ rõ ngay trong đạo luật. Quy định này có thể xuất phát từ sự e ngại về việc các cơ quan hành pháp sẽ ban hành những văn bản nhằm thi hành luật nhưng lại quan tâm nhiều hơn đến nhu cầu quản lý và đưa ra những quy định thuận lợi cho hoạt động quản lý của mình, thậm chí là không đúng với tinh thần của luật, ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

Thực tế cho thấy, trong bối cảnh chất lượng các đạo luật chưa thực sự bảo đảm, bản thân đạo luật khi thông qua cũng chưa dự liệu được hết các tình huống trên thực tế vốn hết sức đa dạng phức tạp nên quá trình thực hiện đặt ra rất nhiều nhu cầu cần quy định chi tiết và hướng dẫn mới có thể thực hiện được. Theo quy định của Hiến pháp, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất và với tư cách đó Chính phủ có quyền thực hiện các biện pháp mà Chính phủ thấy cần thiết để bảo đảm thi hành đạo luật đã được Quốc hội thông qua và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền hạn trách nhiệm của mình. Để bảo đảm văn bản của Chính phủ không trái luật, Quốc hội thực hiện quyền giám sát của mình ngay trong quá trình xem xét các dự án luật do Chính phủ trình và việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ. Quốc hội có quyền bãi bỏ các văn bản của Chính phủ nếu thấy không phù hợp với Hiến pháp và pháp luật.

Vì vậy, cần xem xét lại cách quy định như hiện nay khi chỉ cho phép Chính phủ quy định chi tiết những điều khoản được xác định ngay trong luật. Thực tế xây dựng các văn bản hướng dẫn đã gặp không ít khó khăn từ quy định này và để không bị "bó tay" trước yêu cầu thực tiễn đặt ra trong quá trình triển khai luật, các nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành đôi khi được gọi với tên gọi là "nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật...", trong đó *biện pháp thi hành luật* chính là những nội dung cần hướng dẫn nhưng không được xác định trong luật./.

Một số kinh nghiệm xử lý chồng chéo trong thanh tra

QUA THỰC HIỆN CHỈ THỊ 20 CỦA THỦ TƯỚNG VÀ NGHỊ QUYẾT 35 CỦA CHÍNH PHỦ TẠI QUẢNG NINH

Điệp Văn Chiến

Chánh Thanh tra tỉnh Quảng Ninh

Tỉnh Quảng Ninh có vị trí địa chiến lược về chính trị, kinh tế, quân sự và đối ngoại; nằm trong tam giác kinh tế trọng điểm vùng Đông Bắc Bộ với tài nguyên du lịch đặc sắc của cả nước, cũng như có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng, có nhiều loại đặc thù, trữ lượng lớn, chất lượng cao mà nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước không có được như: Than đá, cao lanh, đất sét, cát thủy tinh, đá vôi.... Tỉnh Quảng Ninh đã phát huy mạnh mẽ các thế mạnh đó, tạo động lực phát triển kinh tế một cách bền vững.

Năm 2019, Quảng Ninh tiếp tục là địa phương dẫn đầu, và là năm thứ 3 liên tiếp nhận cúp quán quân trong bảng xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Trong đó, chỉ số chi phí không chính thức do Thanh tra tỉnh là đầu mối đứng trong top những tỉnh có điểm số cao nhất. Kết quả trên tiếp tục thể hiện sự hài lòng của doanh nghiệp đối với công tác phục vụ hành chính công của tỉnh nói chung và công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp nói riêng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Đạt được những kết quả trên có phần đóng góp quan trọng của công tác xử lý chồng chéo trong xây dựng kế hoạch thanh tra và hoạt động thanh tra qua thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp đến năm 2020 và Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp.

Chủ động tham mưu, xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra

Việc thanh tra, kiểm tra đối với các doanh nghiệp chủ yếu thuộc lĩnh vực thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đã được quy

định tại Khoản 3, Điều 3 Luật Thanh tra: "Thanh tra chuyên ngành là hoạt động thanh tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo ngành, lĩnh vực đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật chuyên ngành, quy định về chuyên môn - kỹ thuật, quy tắc quản lý thuộc ngành, lĩnh vực đó" và được các cơ quan quản lý Nhà nước có chức năng thanh tra, kiểm tra chuyên ngành thực hiện.

Theo đó, hàng năm, các cơ quan quản lý Nhà nước có chức năng thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp lập kế hoạch và phê duyệt kế hoạch thanh tra theo quy định tại Khoản 1, Điều 24, Luật Thanh tra. Cụ thể: Xây dựng kế hoạch thanh tra trình Giám đốc sở phê duyệt; tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra thuộc trách nhiệm của Thanh tra sở; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch thanh tra của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc sở".

Tuy nhiên, qua thực tiễn các năm thực hiện, có sự chồng chéo giữa các đoàn thanh tra trên cùng một doanh nghiệp, thậm chí trùng cả nội dung thanh tra, kiểm tra đã gây rất nhiều khó khăn cho doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh của đơn vị, đồng thời, dễ nảy sinh hành vi nhũng nhiễu của các đoàn thanh tra, kiểm tra trong quá trình thực hiện. Dẫn đến hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra hạn chế và tác động xấu đến môi trường kinh doanh cũng như năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Để khắc phục các tồn tại trên đồng thời thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 cũng như tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, Thanh tra tỉnh Quảng Ninh cùng các ngành trong tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1590/2016/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 về Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh trong việc quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập và Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh trong việc quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập. Trong đó: Thanh tra tỉnh được UBND tỉnh giao là cơ quan đầu mối trong việc xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở tổng hợp về yêu cầu thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố để trình UBND tỉnh phê duyệt theo nguyên tắc: "Một năm không quá một lần thanh tra, kiểm tra đối với một doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi phát hiện có các hành vi vi phạm pháp luật".

Thực hiện nhiệm vụ được giao, hàng năm, Thanh tra tỉnh chủ động ban hành các văn bản về việc xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn gửi các đơn vị, sở, ngành và địa phương của tỉnh. Trong đó, yêu cầu về công tác khảo sát lựa chọn đơn vị được thanh tra, kiểm tra hàng năm theo kế hoạch không lựa chọn các doanh nghiệp trong 02 năm liền kề đã có hoạt động thanh tra, kiểm tra nhưng không phát hiện sai phạm (đơn vị chấp hành tốt chính sách pháp luật), lựa chọn các đơn vị có dấu hiệu vi phạm vào kế hoạch thanh tra, kiểm tra. Ngoài ra, Thanh tra tỉnh đề nghị các đơn vị tăng cường nắm tình hình theo chức năng quản lý theo ngành, lĩnh vực để thanh tra đột xuất, thường xuyên, trực tiếp, không báo trước đối với các lĩnh vực dễ nảy sinh tiêu cực và dư luận quan tâm (đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm…) và khi phát hiện dấu hiệu sai phạm rõ ràng.

Trên cơ sở số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp dự kiến của các đơn vị, Thanh tra tỉnh tổng hợp, rà soát, sắp xếp lại các cuộc thanh tra, kiểm tra không có chồng chéo và sắp xếp các cuộc thanh tra, kiểm tra có sự chồng chéo (từ 02 đơn vị trở lên lập kế hoạch). Đồng thời, xử lý theo nguyên tắc đối với các cuộc thanh tra, kiểm tra có sự chồng chéo về đối tượng nhưng không trùng về nội dung, Thanh tra tỉnh chuyển thành các cuộc kiểm tra liên ngành và dự kiến giao đơn vị chủ trì. Qua rà soát, sắp xếp ngay từ bước lập kế hoạch, Thanh tra tỉnh đã xử lý 935 trường hợp có sự chồng chéo giữa các sở, ban, ngành và địa phương trong tỉnh. (Năm 2017: 278 trường hợp; năm 2018: 398 trường hợp; năm 2019: 259 trường hợp). Sau khi đã tổng hợp, sắp xếp các cuộc thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, Thanh tra tỉnh báo cáo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh hàng năm để các ngành, địa phương căn cứ quyết định được phê duyệt tổ chức triển khai thực hiện.

Đồng thời, căn cứ kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt, Thanh tra tỉnh đã có văn bản (gửi kèm quyết định phê duyệt của UBDN tỉnh) gửi các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có chức năng thanh tra, kiểm tra như: Cục Thuế tỉnh; Cục Hải quan tỉnh; Công an tỉnh; Công an Phòng cháy, chữa cháy tỉnh; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Cục Quản lý Thị trường tỉnh) để tiến hành tự rà soát lại kế hoạch thanh tra, kiểm tra chuyên ngành hàng năm của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc lĩnh vực của ngành, chủ động báo cáo, điều chỉnh lại kế hoạch cho phù hợp (nếu có) để tránh chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp hoặc phối hợp với đơn vị được giao chủ trì của tỉnh để tiến hành thanh tra, kiểm tra liên ngành.

Phát hiện, xử lý hàng trăm trường hợp chồng chéo

Trong quá trình thực hiện kế hoạch hàng năm được phê duyệt, đồng thời qua rà soát các văn bản báo cáo của các sở, ngành và địa phương thì vẫn còn xảy ra trường hợp chồng chéo trong lĩnh vực thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp.

Khi phát hiện có chồng chéo, Thanh tra tỉnh đã xử lý kịp thời (chủ yếu có sự chồng chéo giữa các cuộc thanh tra, kiểm tra các sở, ngành, địa phương thuộc tỉnh với các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các cơ quan thuộc bộ, ngành Trung ương có chức năng thanh tra, kiểm tra). Kết quả gần 03 năm (năm 2017, 2018 và 06 tháng đầu năm 2019), Thanh tra tỉnh đã xử lý chồng chéo 246 trường hợp (Năm 2017, xử lý 168 trường hợp; năm 2018 là 30 trường hợp, 06 tháng năm 2019 là 48 trường hợp).

Việc xử lý đối với các trường hợp phát hiện có sự chồng chéo theo hướng, căn cứ quy định tại các Điều 16, 19, 22, 25 Luật Thanh tra năm 2010; Chánh Thanh tra tỉnh chủ trì xử lý việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian giữa các Thanh tra sở, giữa Thanh tra sở với Thanh tra huyện; chủ trì phối hợp với Chánh Thanh tra bộ xử lý việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian trên địa bàn tỉnh. Trên thực tế, khi phát hiện việc chồng chéo các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra chuyên ngành của các bộ, ngành, Thanh tra tỉnh chủ động đề nghị các đơn vị, sở, ngành, địa phương thuộc tỉnh không thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, điều chỉnh giảm kế hoạch đối với các doanh nghiệp có hiện tượng chồng chéo để thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Thủ tướng và UBND tỉnh.

Một vài kiến nghị

Bên cạnh những kết quả đạt được, qua thực tế triển khai Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ và Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ, một số khó khăn, vướng mắc cũng đã xuất hiện, cụ thể: Việc kiểm soát kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các bộ, ngành và các cơ quan Trung ương vẫn còn hạn chế và khó nắm bắt thông tin trong quá trình xây dựng kế hoạch cũng như để thực hiện việc điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp. Việc phối hợp với một số đơn vị trong xử lý chồng chéo còn chưa chặt chẽ.

Đối với cuộc thanh tra, kiểm tra liên ngành có nhiều nội dung của nhiều cơ quan, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực không có mối liên quan đến nhau (ví dụ kiểm tra việc chấp hành các quy định về thuế và kiểm tra hoạt động khoáng sản, vật liệu nổ công nghiệp...) đòi hỏi vị trí Trưởng đoàn phải am hiểu các lĩnh vực để điều hành một cuộc kiểm tra liên ngành có hiệu quả nên có phần tạo áp lực cho đơn vị được phân công chủ trì đoàn liên ngành, phần nào ảnh hưởng đến kết quả kiểm tra, thanh tra.

Ngoài ra, việc phân tách, rà soát, sắp xếp các cuộc thanh tra, kiểm tra dự kiến của các đơn vị khi xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp hàng năm rất khó khăn và mất thời gian, do số lượng dự kiến là rất lớn, đồng thời, các dữ liệu đầu vào thường không chuẩn, thống nhất giữa các đơn vị.

Chưa hết, việc kiểm soát kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các bộ, ngành và các cơ quan Trung ương vẫn còn hạn chế và khó nắm bắt thông tin trong quá trình xây dựng kế hoạch, cũng như để thực hiện việc điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp

Để tiếp tục tăng cường triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ cũng như Chỉ thị số 20/CT-TTg của Thủ tướng, cần tiếp tục kiểm tra, kiểm soát tốt các cuộc thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, giảm thiểu tối đa sự chồng chéo các cuộc thanh tra và kiểm tra.

Đồng thời, tăng cường tiếp nhận xác minh và xử lý kịp thời, nghiêm túc các thông tin của doanh nghiệp liên quan đến các hành vi gây khó khăn, nhũng nhiễu và tham nhũng đối với các doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, cần nghiên cứu đề xuất Thanh tra Chính phủ xây dựng được phần mềm kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp hàng năm của tỉnh cũng như phạm vi toàn quốc. Đặc biệt, kết nối được với các bộ, ngành Trung ương để kịp thời phát hiện, xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp ngay từ bước lập kế hoạch, giảm thiểu tối đa việc chồng chéo khi đã đưa kế hoạch hàng năm vào thực hiện./.

Tình son

Kỷ niệm 130 năm ngày sinh Bác Hồ

Bút son Bác gửi lời non nước
Liêm chính kiệm cần hiến dâng đời
Gương sáng Bác trao soi sáng tỏ
Ấm no hạnh phúc tỏa nơi nơi!
Tự do khởi nghiệp dân tiến bước
Thống nhất giang sơn rạng đất trời
Dân chủ hòa bình đều trọn vẹn
Đi xa Bác để tình son ngời!

Phúc Khánh

Hai năm thực hiện Chỉ thị 20/CT-TTg tại Bộ NN&PTNT: Thực trạng và kiến nghị

Đào Văn Thanh
Phó Chánh Thanh tra Bộ NN&PTNT

Ngày 17/5/2017, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Chỉ thị số 20/CT-TTg về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp.

Sau hai năm thực hiện Chỉ thị 20/CT-TTg, việc thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) đã có bước chuyển biến mạnh mẽ, góp phần tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và hướng đến các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của Chính phủ.

Ảnh: ST

Điều chỉnh tần xuất kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông lâm thủy sản

Hệ thống các cơ quan thuộc Bộ NN&PTNT gồm Thanh tra bộ và 09 cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, gồm các Tổng cục: Lâm nghiệp, Thủy sản, Thủy lợi và các Cục: Chăn nuôi, Thú y, Trồng trọt, Bảo vệ thực vật, Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản, Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn.

Hoạt động thanh tra của Thanh tra bộ và các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành tuân thủ các quy định của Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn. Đặc biệt là Nghị định số 47/2015/NĐ-CP ngày 14/5/2015 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành NN&PTNT và Thông tư số 33/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2016 quy định về trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra chuyên ngành và trang phục, thẻ công chức thanh tra chuyên ngành NN&PTNT.

Đối tượng thanh tra hành chính của Bộ là các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ. Đối tượng thanh tra chuyên ngành của Bộ chủ yếu là các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, buôn bán vật tư nông nghiệp, thực phẩm.

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017, lãnh đạo Bộ NN&PTNT đã ban hành Văn bản số 7582/BNN-TTr ngày 12/9/2017 gửi các Tổng cục, Cục thuộc Bộ, sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương đề nghị tổ chức quán triệt sâu sắc tới các cơ quan, đơn vị có chức năng thanh tra, kiểm tra chuyên ngành NN&PTNT thuộc phạm vi quản lý về mục đích, yêu cầu, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, phạm vi, phương thức, nguyên tắc hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành và đạo đức công vụ. Đồng thời, chỉ đạo xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định của pháp luật, tránh trùng lặp, chồng chéo (trước mắt là kế hoạch thanh tra, kiểm tra từ nay đến cuối năm và năm 2018). Không tiến hành thanh tra, kiểm tra quá 1 lần/năm đối với mỗi cơ sở, trừ trường hợp thanh tra lại hoặc thanh tra đột xuất. Khi kết thúc thanh tra, kiểm tra tại mỗi cơ sở phải có báo cáo kết quả, kết luận bằng văn bản về nội dung được thanh tra, kiểm tra.

Đối với những cơ sở cần thanh tra, kiểm tra mà có nhiều lĩnh vực hoạt động, nội dung liên quan đến trách nhiệm quản lý của nhiều cơ quan, đơn vị thì phải phối hợp để xử lý, tránh chồng chéo. Việc ra

quyết định thanh tra, kiểm tra đột xuất tại cơ sở phải căn cứ trên các dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng.

Bên cạnh đó, điều chỉnh tần xuất kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý để đảm bảo phù hợp với Chỉ thị số 20/CT-TTg.

Đồng thời, tăng cường hoạt động giám sát, nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm hoặc thu nhập được những chứng cứ vi phạm cụ thể của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, thì kịp thời tổ chức đoàn thanh tra, kiểm tra đột xuất để phát hiện và xử lý vi phạm theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, lãnh đạo Bộ NN&PTNT cũng đã ban hành Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ NN&PTNT và Thông tư số 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT, trong đó có nội dung thay đổi đảm bảo tần xuất thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp không quá 01 lần/ năm.

Nhiều giải pháp hiệu quả, thiết thực hạn chế chồng chéo trong hoạt động thanh tra

Trong xây dựng, phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra; hướng dẫn xây dựng, phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra, hàng năm, căn cứ vào định hướng thanh tra đã được Thủ tướng Chính phủ duyệt, văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra bộ ban hành văn bản gửi sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương, các Tổng cục, Cục thuộc Bộ hướng dẫn xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra chuyên ngành NN&PTNT, trong đó: Hướng dẫn các nội dung thanh tra trọng tâm đối với từng lĩnh vực. Đề nghị sở NN&PTNT các tỉnh, TP tổ chức hoạt động thanh tra, kiểm tra phải đảm bảo đúng Chỉ thị 20/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tránh tình trạng kiểm tra, thanh tra chồng chéo; trên tinh thần triển khai có hiệu quả Nghị quyết 35/2016/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp tới năm 2020. Đề nghị dành khoảng 50 % nguồn lực để thực hiện các đoàn thanh tra đột xuất bên cạnh việc triển khai các đoàn thanh tra theo kế hoạch. Đối với những cơ sở cần thanh tra, kiểm tra mà có nhiều lĩnh vực hoạt động, nội dung liên quan đến trách nhiệm quản lý của nhiều cơ quan, đơn vị thì phải phối hợp để xử lý, tránh chồng chéo nhất là phối hợp với lực lượng công an, quản lý thị trường.

Đặc biệt, khi xây dựng kế hoạch thanh tra năm 2020, Bộ đã có Văn bản số 7506/BNN-TTr ngày 09/10/2019 gửi Tổng cục trưởng, Cục trưởng các Tổng cục, Cục thuộc Bộ và Văn bản số 819/TTr ngày 02/10/2019 gửi sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn nội dung xây dựng kế hoạch thanh tra chuyên ngành NN&PTNT năm 2020, trong đó hướng dẫn toàn hệ thống thanh tra ngành NN&PTNT không xây dựng kế hoạch thanh tra chủ động đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất, buôn bán vật tư nông nghiệp; tập trung vào thanh tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm.

Đồng thời, tổ chức họp thẩm định dự thảo kế hoạch thanh tra của các Tổng cục, Cục thuộc Bộ, đảm bảo không xảy ra chồng chéo giữa các cơ quan có chức năng thanh tra thuộc Bộ. Do đó, kế hoạch thanh tra hàng năm của Bộ đảm bảo chấp hành nghiêm túc Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp.

Đối với công tác phối hợp với các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán trong việc xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra, hàng năm, khi xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra, Thanh tra Bộ NN&PTNT đều tham dự cuộc họp về rà soát, tránh chồng chéo trong việc xây dựng kế hoạch thanh tra, gồm Thanh tra Chính phủ và Thanh tra các bộ: Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo… Nếu có sự chồng chéo trong dự thảo kế hoạch thanh tra giữa các bộ, các bên sẽ thống nhất để một đơn vị tiến hành thanh tra.

Đáng chú ý, chỉ đạo tiến hành các cuộc thanh tra theo đúng kế hoạch thanh tra đã phê duyệt, đảm bảo đúng nội dung thanh tra, thời hạn thanh tra, không làm cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp. Công tác giám sát đoàn thanh tra được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo các đoàn thanh tra khi tiến hành thanh tra thực hiện đúng trình tự, thủ tục, quy định pháp luật về thanh tra.

Về công tác kiểm tra việc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra trong phạm vi quản lý Nhà nước của mình, hàng năm, Thanh tra bộ tiến hành 01 cuộc kiểm tra việc thực hiện kế hoạch thanh tra của các Tổng cục, Cục thuộc Bộ. Ngoài ra, định kỳ 06 tháng, Thanh tra bộ tổ chức hội nghị với các Tổng cục, Cục thuộc Bộ về công tác thanh tra chuyên ngành, trong đó có nội dung về việc thực hiện kế hoạch thanh tra của các đơn vị thuộc Bộ.

Chính nhờ những biện pháp như trên mà nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra đã được xử lý chồng chéo kịp thời, cụ thể: Năm 2018, kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ có 04 cuộc chồng chéo với Kiểm toán Nhà nước và 01 cuộc chồng chéo với Thanh tra Chính phủ, đó là: Đoàn kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước theo Quyết định số 1349/QĐ-KTNN ngày 07/6/2018 kiểm toán công tác tài chính tại Bộ NN&PTNT đã đưa ra danh sách các đơn vị thuộc Bộ và các dự án sẽ tiến hành kiểm toán. Mặc dù kế hoạch thanh tra của Bộ đã ban hành ngày 17/11/2017, tuy nhiên Kiểm toán Nhà nước vẫn tiến hành kiểm toán chồng chéo 02 cuộc với kế hoạch thanh tra 2018 của Bộ. Cuộc chồng chéo với Thanh tra Chính phủ, do đoàn của Thanh tra Chính phủ đang tiến hành thanh tra tại các đơn vị chứng nhận chất lượng, hợp quy sản phẩm hàng hóa, trong đó có các phòng thử nghiệm, phân

tích về phân bón do Bộ NN&PTNT chỉ định. Do vậy, theo quy định, Thanh tra Chính phủ sẽ tiến hành thanh tra.

Năm 2019, kế hoạch thanh tra của Bộ có 02 cuộc chồng chéo với các cơ quan thanh tra, kiểm toán tại địa phương. Hiện nay, một số bộ khi xây dựng kế hoạch thanh tra tại các địa phương không có đối tượng thanh tra cụ thể, khi tiến hành thanh tra mới chọn một số đơn vị, dự án để tiến hành thanh tra. Đối với kế hoạch thanh tra của các cơ quan thanh tra ở địa phương, hiện nay chưa có quy định rõ ràng cũng như cơ chế để phối hợp khi xây dựng kế hoạch thanh tra để tránh chồng chéo.

Cần phân định phạm vi, đối tượng thanh tra của từng bộ, ngành

Với những kết quả đạt được bước đầu và nhiều tồn tại dần lộ diện sau 2 năm thực hiện Chỉ thị 20/CT-TTg, ngành Thanh tra NN&PTNT có một số đề nghị như sau:

Thứ nhất, Thanh tra Chính phủ có hướng dẫn cụ thể cơ chế, cách thức để các bộ, ngành, địa phương hàng năm thống nhất dự thảo kế hoạch thanh tra nhằm tránh chồng chéo giữa kế hoạch thanh tra giữa các bộ, địa phương.

Thứ hai, việc quy định không thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch quá 01 lần/ năm đối với doanh nghiệp dẫn tới khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch thanh tra. Hiện nay chưa có cơ chế, hướng dẫn để cơ quan thanh tra nắm được thông tin doanh nghiệp năm tới có cơ quan thanh tra, kiểm tra nào đưa vào kế hoạch thanh tra, kiểm tra hay chưa. Mặt khác, cũng có thể có tình trạng doanh nghiệp chủ động mời một cơ quan thanh tra, kiểm tra nào đó đưa doanh nghiệp vào kế hoạch thanh tra, kiểm tra để né tránh các cơ quan thanh tra, kiểm tra khác. Nhiều đoàn kiểm tra chỉ kiểm tra trong thời gian một ngày, thậm chí một buổi. Do vậy, kiến nghị chỉ quy định tránh chồng chéo khi thanh tra theo kế hoạch, không quy định đối với kiểm tra.

Thứ ba, tình trạng một số bộ, ngành khi xây dựng kế hoạch thanh tra chỉ ghi chung đối tượng thanh tra là bộ, tỉnh. Khi đoàn thanh tra tiến hành thanh tra mới có danh sách cụ thể các đơn vị trực thuộc, dự án sẽ tiến hành thanh tra. Điều này cũng là nguyên nhân gây ra tình trạng chồng chéo trong hoạt động thanh tra và tùy ý lựa chọn đơn vị, dự án khi tiến hành thanh tra. Kiến nghị Thanh tra Chính phủ quy định trong kế hoạch thanh tra phải ghi cụ thể tên đối tượng thanh tra đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân.

Thứ tư, quy định về đối tượng thanh tra chuyên ngành rất rộng và chưa cụ thể, là một trong những nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng chồng chéo trong công tác thanh tra hiện nay. Do vậy, kiến nghị Thanh tra Chính phủ ban hành quy định phân định rõ phạm vi thanh tra, đối tượng thanh tra của các bộ, ngành, địa phương để hạn chế tình trạng chồng chéo trong công tác thanh tra, giảm sự phiền hà cho đối tượng thanh tra. Ví dụ, các cơ quan, đơn vị thuộc bộ nào thì chỉ bộ chủ quản tiến hành thanh tra theo kế hoạch. Các bộ khác chỉ tiến hành thanh tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm hoặc khi có chỉ đạo của Chính phủ.

Cuối cùng, hiện nay, một dự án đầu tư xây dựng có tình trạng rất nhiều đoàn thực hiện thanh tra, kiểm toán (qua các giai đoạn), gây không ít phiền hà cho cơ sở. Vì vậy, cần có sự nghiên cứu, hướng dẫn, quy định cụ thể về việc thanh tra đối với các dự án đầu tư xây dựng. Ví dụ, phạm vi thanh tra của các bộ (theo thẩm quyền) đối với các dự án đầu tư xây dựng của bộ khác đến đâu… Đề nghị Thanh tra Chính phủ ban hành văn bản quy định về xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra, trong đó quy định rõ thẩm quyền thanh tra các dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, nguồn vốn ODA, trái phiếu Chính phủ… do cơ quan có thẩm quyền quyết định dự án đầu tư đó tiến hành thanh tra./.

Tháng Năm

Trên cao ve sầu gọi
Giục phượng hồng đơm bông
Ơ kìa, từng cánh bướm
Bay lượn khắp sân trường

Lưu bút gửi yêu thương
Trong từng dòng mực tím
Lối về ngày bịn rịn
Mùa chia tay thật gần…

Thóc đã giòn ngoài sân
Nhớ hạt cơm thơm dẻo
Dáng mẹ gầy tần tảo
Mùa về trong mắt vui

Năm tháng xưa bùi ngùi
Mái nhà tranh xao xác
Vườn quê hoa bí trổ
Cỏ dại vương đầy chân

Người ở xa bâng khuâng
Lòng mênh mang đợi chờ
Tháng Năm xưa chợt nhớ
Những yêu thương dại khờ!

Cao Văn Quyền

Nâng cao đạo đức công vụ, nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ thanh tra góp phần siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính

TS. TTVC Trịnh Văn Toàn
Phó Hiệu trưởng Trường Cán bộ Thanh tra

Thời gian qua, đã có tình trạng một số cán bộ thanh tra không chấp hành nghiêm nội quy, quy chế của ngành Thanh tra và Thanh tra Chính phủ, vi phạm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của ngành. Để chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế, yếu kém của cán bộ thanh tra, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, phòng ngừa vi phạm, nâng cao hiệu quả hoạt động công vụ và uy tín của người làm công tác thanh tra và ngành Thanh tra, Tổng Thanh tra Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 769/CT-TTCP ngày 17/5/2019 về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với công chức, viên chức ngành Thanh tra.

Hiệu trưởng Trường Cán bộ Thanh tra Vũ Văn Chiến phát biểu tại Hội nghị Đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân công chức, viên chức Trường Cán bộ Thanh tra năm 2019. Ảnh: PV

Qua 01 năm thực hiện Chỉ thị số 769/CT-TTCP tại các bộ, ngành và địa phương với nhiều giải pháp được thực hiện như: Rà soát, sửa đổi quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị theo hướng rõ ràng và minh bạch hơn, có cơ chế kiểm soát đối với cán bộ thực thi công vụ; quán triệt Quy tắc ứng xử của cán bộ thanh tra; chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm và nâng cao đạo đức nghề nghiệp của người đứng đầu, của cán bộ trong thi hành công vụ; tổ chức thêm đường dây nóng và hộp thư điện tử để tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh, khiếu nại, tố cáo về hành vi những nhiễu, gây phiền hà đối với người dân, doanh nghiệp... Ngành Thanh tra đã hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, cơ bản đáp ứng được yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của lãnh đạo các bộ, ngành và địa phương, góp phần củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, tạo sự ổn định chính trị - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy phát triển...

Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế nhất định như: Một số cuộc thanh tra có chất lượng chưa cao, còn chậm tiến độ khi xây dựng báo cáo kết quả và kết luận thanh tra… Những hạn chế này do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân liên quan đến những hạn chế, yếu kém về đạo đức công vụ, nghiệp vụ chuyên môn của cán bộ thanh tra. Trong phạm vi bài viết này, tác giả nêu một số khía cạnh liên quan đến đạo đức công vụ, nghiệp vụ chuyên môn của cán bộ trong triển khai một cuộc thanh tra:

1. Quan tâm đến việc nắm tình hình và xác định nội dung thanh tra:

Việc nắm tình hình trước khi quyết định thanh tra là cần thiết trong những trường hợp như: Cuộc thanh tra về việc thực hiện một chủ trương, chính sách hay lĩnh vực công tác lớn, phải tiến hành trên diện rộng, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành; cuộc thanh tra phức tạp, liên quan đến nhiều đầu mối, nhiều cấp quản lý có trách nhiệm liên quan; để kết luận, đánh giá cần có sự tham gia của nhiều cơ quan chức năng. Việc nắm tình hình có thể thực hiện bằng nhiều phương pháp theo quy định pháp luật về thanh tra, trong đó có nội dung được quy định tại Điều 16, Thông tư số 05/2014/TT-TTCP ngày 16/10/2014 của Thanh tra Chính phủ. Khi triển khai thanh tra làm tốt được nội dung này sẽ khắc phục được việc: Gia hạn thời gian thanh tra, bổ sung thành viên Đoàn thanh tra, chồng chéo trong thanh tra (như với các cơ quan kiểm toán, kiểm tra, thanh tra khác).

Tuy nhiên, cần phải có chế độ kiểm tra, giám sát đối với công tác nắm tình hình để không xảy ra tình trạng sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho cơ quan, tổ chức, cá nhân được yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu; yêu cầu cung cấp những thông tin không thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao; nhận hối lộ của đơn vị để không đề xuất thanh tra về nội dung nào đó...

Bên cạnh đó, khi ban hành Quyết định thanh tra và Kế hoạch tiến hành thanh tra cần xác định đúng nội dung thanh tra, đảm bảo nội dung thanh tra trọng tâm, trọng điểm, vì từ nội dung thanh tra, người ra quyết định thanh tra sẽ xác định chọn Trưởng đoàn thanh tra, cùng Trưởng đoàn xem xét: Về thành phần Đoàn thanh tra, thời kỳ thanh tra, thời gian thanh tra, lựa chọn phương pháp thanh tra, tổ chức tiến hành thanh tra theo nhóm hoặc từng thành viên Đoàn thanh tra để cuộc thanh tra đạt hiệu quả cao nhất.

2. Bồi dưỡng và lựa chọn Trưởng đoàn, thành viên Đoàn thanh tra:

Đồng chí A Vượng - Chánh Thanh tra tỉnh Kon Tum phát biểu chỉ đạo Hội nghị Công chức và người lao động Thanh tra tỉnh năm 2020. Ảnh minh họa: Internet

Trưởng đoàn thanh tra được ví như người nhạc trưởng, là người lãnh đạo, quản lý Đoàn thanh tra, có quyền quyết định nội dung, phương pháp thanh tra, tổ chức thực hiện cuộc thanh tra. Theo quy định của Luật Thanh tra hiện hành, Trưởng đoàn phải chịu trách nhiệm cao nhất trước tập thể, trước người ra quyết định thanh tra.

Nếu Trưởng đoàn thiếu bản lĩnh, kém kỹ năng chỉ đạo và điều hành, yếu về chuyên môn nghiệp vụ, không am hiểu về lĩnh vực thanh tra, thiếu kỹ năng phân tích và tổng hợp thì việc triển khai thanh tra sẽ lúng túng, cản trở hoạt động bình thường của đơn vị được thanh tra; gây ra hiện tượng sách nhiễu, vòi vĩnh đối tượng thanh tra; đối tượng thanh tra có thể phát sinh tâm lý tiêu cực, phản ứng chống đối Đoàn thanh tra; phát sinh mâu thuẫn trong nội bộ Đoàn thanh tra; chất lượng cuộc thanh tra sẽ kém; báo cáo và kết luận thanh tra sẽ không đảm bảo tiến độ đúng quy định.

Đối với thành viên Đoàn thanh tra, căn cứ vào năng lực, nghiệp vụ chuyên môn, kinh nghiệm của mỗi thành viên Đoàn, Trưởng đoàn sẽ phân công công việc phù hợp để mỗi thành viên Đoàn đảm nhiệm và phối hợp với các thành viên khác thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Nhưng trong quá trình thanh tra, nếu năng lực, trình độ, kinh nghiệm của thành viên Đoàn còn yếu kém và hạn chế thì khi gặp tình huống có nhiều thông tin, tài liệu sẽ không có khả năng nhận định về bản chất vấn đề được kiểm tra; khi nội dung thanh tra phức tạp, đối tượng thanh tra chống đối (như: đối tượng thanh tra không làm việc, không cung cấp hồ sơ, không ký biên bản, cố tình báo cáo sai sự thật...) thì thành viên Đoàn sẽ thiếu kỹ năng xử lý tình huống nên kết quả kiểm tra không nhận định và đánh giá chính xác

được sai phạm. Tất cả những hạn chế đó sẽ dẫn đến việc thành viên Đoàn không tổng hợp được kết quả thanh tra, hoặc báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của thành viên Đoàn chưa đầy đủ, chưa chính xác, chưa rõ, làm ảnh hưởng đến tiến độ thanh tra và kết quả thanh tra của Đoàn thanh tra.

3. Xử lý hành vi chống đối trong quá trình thanh tra

Hành vi chống đối thường xảy ra khi có hành vi vi phạm, sai phạm nhưng đối tượng cố tình muốn che giấu, với biểu hiện thường là: Cố tình không cung cấp hồ sơ, tài liệu; sửa chữa hoặc hủy bỏ hồ sơ, tài liệu; cố ý thuyên chuyển, kỷ luật, điều động người có liên quan trực tiếp đến nội dung thanh tra; hối lộ, mua chuộc, đe dọa cán bộ thanh tra hoặc hối lộ cấp trên để che đỡ khuyết điểm, sai phạm cho mình hoặc can thiệp trái pháp luật vào cuộc thanh tra; xúi giục, xuyên tạc để kích động quần chúng hiểu sai sự thật, hiểu sai mục đích cuộc thanh tra và có khi dùng cả bạo lực chống lại người thi hành công vụ...

Nếu cán bộ thanh tra không có đạo đức công vụ, thiếu bản lĩnh sẽ vi phạm quy định về những điều cấm theo quy định của Luật Thanh tra năm 2010, của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, như: Vòi vĩnh, nhận tiền, nhận hiện vật có giá trị hay đề nghị một hình thức nào đó (như đi du lịch hay khám bệnh ở nước ngoài, xin việc cho người thân, đề nghị đơn vị cho người quen tham gia 1 phần của dự án...), từ đó theo nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cán bộ thanh tra sẽ làm sai lệch bản chất hoặc bỏ qua sai phạm của đối tượng thanh tra; làm lộ thông tin, tài liệu về kế hoạch tiến hành thanh tra, về kết quả thanh tra. Đây chính là một trong những biểu hiện của vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, thậm chí là vi phạm pháp luật.

Do vậy, cán bộ thanh tra không những cần nâng cao nghiệp vụ chuyên môn mà luôn phải rèn luyện bản lĩnh, đạo đức công vụ, đồng thời cần làm tốt công tác tư tưởng tại nơi được thanh tra, nhất là với những người có trách nhiệm để họ hiểu rõ mục đích, yêu cầu của cuộc thanh tra và trách nhiệm của họ, trên cơ sở đó phân hóa đối tượng, hạn chế nhân tố tiêu cực, phát huy nhân tố tích cực, góp phần vào kết quả cuộc thanh tra.

4. Sự quan tâm của người đứng đầu, người ra quyết định thanh tra

Theo kế hoạch tiến hành thanh tra hoặc do yêu cầu quản lý, người đứng đầu hay người ra quyết định thanh tra tại cơ quan, đơn vị thanh tra (gọi chung là người chủ trì) phải làm việc để nghe Đoàn thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra báo cáo về tiến độ, về nội dung công việc, về dự thảo kết quả và kết luận thanh tra… Qua các buổi làm việc này, người chủ trì không những nắm bắt được công việc triển khai có đảm bảo mục đích và yêu cầu của cuộc thanh tra hay không, mà còn xem xét, giải quyết những khó khăn, vướng mắc, xử lý kịp thời cá nhân có hành vi vi phạm hay thiếu trách nhiệm trong quá trình thanh tra, đồng thời phản biện các nội dung được phát hiện trong quá trình thanh tra, để chỉ đạo Đoàn thanh tra tiếp tục làm sâu, làm rõ bản chất, củng cố hồ sơ, chứng cứ chặt chẽ và đối chiếu lại quy định pháp luật. Nếu người đứng đầu hay người ra quyết định thanh tra không coi trọng, quan tâm đúng mức đến cuộc thanh tra nào đó thì chất lượng, hiệu quả và tiến độ cuộc thanh tra sẽ không tốt.

Tóm lại, trong tình hình hiện nay, cán bộ thanh tra phải luôn thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ: "***Thanh tra là tai mắt của trên, là bạn của dưới***", coi đó là kim chỉ nam trong hoạt động công vụ. Người cán bộ thanh tra phải có phong cách, phương pháp làm việc khoa học, đổi mới; sâu sát công việc; coi trọng nguyên tắc, kỷ cương, kỷ luật; phân tích xử lý vấn đề khách quan, công tâm, có lý, có tình, có tính thuyết phục cao… Bác còn dạy rằng: Cán bộ thanh tra phải có năng lực, kinh nghiệm, uy tín và giàu bản lĩnh. Đồng thời, phải cố gắng học tập, trau dồi đạo đức cách mạng, nâng cao trình độ lý luận, nghiệp vụ chuyên môn.

Thực tiễn cho thấy việc nâng cao đạo đức công vụ, nghiệp vụ thanh tra cho cán bộ thanh tra là đặc biệt quan trọng để siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện nghiêm Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc, Chỉ thị số 769/CT-TTCP ngày 17/5/2019 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với công chức, viên chức ngành thanh tra./.

Tài liệu tham khảo:

1. Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp;

2. Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc;

3. Thông tư số 05/2014/TT-TTCP ngày 16/10/2014 của Thanh tra Chính phủ;

4. Chỉ thị số 769/CT-TTCP ngày 17/5/2019 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với công chức, viên chức ngành Thanh tra.

MỘT VÀI ĐỀ XUẤT nhằm nâng cao chất lượng hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trong thời gian tới

Ths. Lê Thị Thúy
Viện Chiến lược và Khoa học thanh tra

Việc kiểm soát của Nhà nước đối với doanh nghiệp hiện nay được thực hiện thông qua nhiều phương thức khác nhau, trong đó thanh tra, kiểm tra là phương thức kiểm soát chủ yếu, quan trọng của các cơ quan quản lý Nhà nước. Phương thức này mang lại nhiều kết quả tích cực, nhưng đồng thời cũng tồn tại nhiều hạn chế, bất cập cần được khắc phục ngay.

Hiện nay, việc phân định hoạt động thanh tra, kiểm tra nói chung vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau. Có thể hiểu *"thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp là hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, nhằm xem xét, đánh giá việc chấp hành pháp luật và xử lý các hành vi vi phạm của doanh nghiệp trong các lĩnh vực quản lý Nhà nước"*. Trong đó, thanh tra doanh nghiệp là hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền nhằm xem xét, đánh giá việc chấp hành pháp luật của doanh nghiệp *ở quy mô nhất định, xem xét đánh giá cơ chế, chính sách, pháp luật* trong các lĩnh vực quản lý Nhà nước. Kiểm tra doanh nghiệp là hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm

quyền nhằm *xem xét việc chấp hành pháp luật và xử lý hành vi vi phạm* của doanh nghiệp trong các lĩnh vực quản lý Nhà nước.

Tuy nhiên, việc cố gắng phân biệt hoạt động thanh tra với hoạt động kiểm tra thực ra chỉ có ý nghĩa đối với chủ thể quản lý để xác định các yếu tố pháp lý cho việc tiến hành hoạt động như thẩm quyền, đối tượng, nội dung, phương thức mà không có nhiều ý nghĩa đối với đối tượng chịu sự thanh tra, kiểm tra, đặc biệt khi đối tượng đó là các doanh nghiệp[1]. Đối với doanh nghiệp, hoạt động thanh tra, kiểm tra chỉ thực sự có ý nghĩa khi nó giúp cho doanh nghiệp thực hiện đúng các quy định phức tạp của pháp luật hiện hành, giúp hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo sự thông thoáng cho doanh nghiệp phát triển. Đây cũng là một trong những yêu cầu lớn của Đảng và Nhà nước ta hiện nay đối với hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

Những hạn chế, bất cập chủ yếu trong hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, quy định của pháp luật hiện hành không phân biệt rõ hoạt động thanh tra chuyên ngành và hoạt động kiểm tra chuyên ngành. Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành thực chất đã sử dụng thuật ngữ "thanh tra chuyên ngành" để đặt tên cho hoạt động kiểm tra chuyên ngành của các cơ quan quản lý Nhà nước. Quy định này đã làm cho việc phân biệt giữa hai hoạt động "thanh tra chuyên ngành" và "kiểm tra chuyên ngành" càng trở nên phức tạp hơn. Sau khi có Nghị định số 07/2012/NĐ-CP, hàng loạt nghị định về tổ chức hoạt động thanh tra của các ngành, lĩnh vực được ra đời, xuất hiện thêm nhiều cơ quan được giao chức năng thanh tra chuyên ngành không nằm trong quy định ban đầu của Nghị định 07[2].

Thứ hai, quy định hiện hành về thẩm quyền thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp tạo ra sự chồng chéo, trùng lặp về thẩm quyền thanh tra, kiểm tra giữa các ngành, các cấp, đặc biệt là trong hoạt động kiểm tra chuyên ngành. Theo quy định pháp luật hiện hành, thẩm quyền kiểm tra doanh nghiệp được xác định trong các văn bản pháp luật về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan Nhà nước chịu trách nhiệm quản lý về ngành, lĩnh vực. Ngoài ra, thẩm quyền kiểm tra doanh nghiệp cũng được thể hiện trong các văn bản pháp luật chuyên ngành liên quan đến điều kiện hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, tiêu chuẩn, kỹ thuật, chuyên môn về ngành, lĩnh vực cụ thể. Điển hình của tình trạng chồng chéo về thẩm quyền có thể kể đến là lĩnh vực quản lý về an toàn thực phẩm. Trong các lĩnh vực quản lý Nhà nước khác cũng xảy ra tình trạng chồng chéo về thẩm quyền thanh tra, kiểm tra giữa cơ quan quản lý Nhà nước ở Trung ương và cơ quan quản lý Nhà nước ở địa phương, hoặc giữa các cơ quan quản lý Nhà nước ở địa phương với nhau. Chồng chéo về thẩm quyền thanh tra, kiểm tra bắt nguồn từ chính sự chồng chéo về thẩm quyền quản lý Nhà nước hiện nay. Chủ trương phân cấp quản lý đã được triển khai thực hiện ở nước ta, tuy nhiên, cho đến nay vẫn còn những điểm chưa hợp lý cần tiếp tục được tháo gỡ.

Thứ ba, quy định về căn cứ để tiến hành thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp còn chưa rõ ràng, chưa có cơ sở. Theo quy định tại Điều 37, Luật Thanh tra năm 2010, hoạt động thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành được thực hiện theo kế hoạch, thanh tra thường xuyên hoặc thanh tra đột xuất. Đối với hoạt động kiểm tra, mặc dù không có quy định chung, song thực tiễn cho thấy các cơ quan có thẩm quyền cũng tiến hành kiểm tra doanh nghiệp theo kế hoạch và đột xuất. Kiểm tra định kỳ, kiểm tra chuyên đề được thực hiện căn cứ vào kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc ban hành và không quá một lần trong một năm về cùng nội dung đối với một đối tượng kiểm tra. Tuy nhiên, đây chỉ là những quy định chung mang tính chất định tính nhiều hơn là dựa trên những căn cứ rõ ràng, cụ thể có thể định lượng được. Trên thực tế, căn cứ để tiến hành thanh tra, kiểm tra phụ thuộc nhiều vào ý muốn chủ quan của cơ quan quản lý Nhà nước.

Thứ tư, quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra chuyên ngành tản mát, không thống nhất dễ tạo ra sự tùy tiện. Trình tự, thủ tục kiểm tra doanh nghiệp được quy định tại nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành và có những đặc điểm riêng tùy thuộc vào yêu cầu kiểm tra chấp hành pháp luật về chuyên ngành, quy định về chuyên môn - kỹ thuật, quy tắc quản lý thuộc ngành, lĩnh vực đó. Trên thực tế, hiện nay không có một văn bản pháp luật khung quy định thống nhất về trình tự, thủ tục kiểm tra nói chung, cũng như kiểm tra doanh nghiệp nói riêng; mỗi ngành, lĩnh vực đều ban hành riêng quy định về trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc kiểm tra.

Ngoài những bất cập trong quy định của pháp luật, hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp cũng cho thấy nhiều hạn chế, như: Nội dung, phạm vi thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp chưa rõ ràng, chưa phù hợp, chưa sát với thực tế, có nơi, có lúc còn vượt khỏi phạm vi thẩm quyền quản lý; hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp chưa bảo đảm tính công bằng, công khai, minh bạch, thời gian thanh tra, kiểm tra còn kéo dài gây nhiều phiền hà cho doanh nghiệp; việc ban hành kết luận thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp còn chậm, đặc biệt còn chưa làm rõ được vi phạm của doanh nghiệp, chưa kiến nghị được biện pháp xử lý vi phạm cụ thể; vẫn còn những biểu hiện của tiêu cực, những nhiễu trong hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp.

Những bất cập, hạn chế trong hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp nói trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân như nhận thức chưa đúng và đầy đủ, quy định

của pháp luật còn nhiều hạn chế, quá trình tổ chức thực hiện còn nhiều bất cập. Những bất cập chủ yếu trong quá trình tổ chức thực hiện có thể kể đến là: Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đối với hoạt động thanh tra, kiểm tra nói chung và thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp ở một số bộ, ngành địa phương còn chưa sát sao, quyết liệt, có nơi, có lúc còn có tư tưởng cục bộ, không sẵn sàng phối hợp với các cơ quan Nhà nước có liên quan khác; trình độ chuyên môn, ý thức trách nhiệm và đạo đức công vụ của một bộ phận công chức, thanh tra viên, kiểm tra viên còn yếu kém, kỷ luật công vụ chưa nghiêm, chưa bảo đảm sự công bằng; sự kết nối và chia sẻ thông tin trong hoạt động thanh tra, kiểm tra nói chung, trong hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp nói riêng là điểm mấu chốt trong quá trình phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra còn chưa được thực hiện tốt. Cơ sở dữ liệu về hoạt động thanh tra, kiểm tra nói chung, hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp nói riêng còn thiếu hụt.

Một số giải pháp đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trong thời gian tới

Giải pháp hoàn thiện pháp luật về thanh tra doanh nghiệp

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật về chức năng thanh tra chuyên ngành theo hướng giao chức năng thanh tra chuyên ngành cho các chủ thể có chức năng tham mưu xây dựng chính sách (Thanh tra bộ, Thanh tra sở, Thanh tra tổng cục, cục thuộc bộ), bỏ chức năng thanh tra chuyên ngành của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đơn thuần (cục, chi cục thuộc tổng cục và chi cục thuộc cục).

Để thực hiện các giải pháp này cần tiến hành sửa đổi các văn bản pháp luật. Cụ thể, sửa quy định về "cơ quan được giao chức năng thanh tra chuyên ngành" trong Luật Thanh tra năm 2010. Quy định rõ trong Luật Thanh tra về việc giao chức năng thanh tra chuyên ngành, ngoài Thanh tra bộ, Thanh tra sở, chỉ được giao cho các Tổng cục, Cục thuộc bộ. Chi cục thuộc cục và Chi cục thuộc sở chỉ nên giao thẩm quyền kiểm tra, xử lý vi phạm. Đồng thời, sửa Nghị định 07/2012/NĐ-CP quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành theo các nội dung đã được sửa đổi, bổ sung trong Luật Thanh tra.

Thứ hai, sửa đổi quy định về hình thức thanh tra chuyên ngành. Hiện tại, Luật Thanh tra quy định hai hình thức thực hiện hoạt động thanh tra chuyên ngành là thanh tra theo Đoàn và thanh tra viên, công chức được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tiến hành thanh tra độc lập. Tuy nhiên, cùng với việc nhận thức lại bản chất, mục đích của hoạt động thanh tra chuyên ngành, đồng thời phân biệt nó với hoạt động kiểm tra chuyên ngành, chỉ nên quy định hình thức thanh tra chuyên ngành theo Đoàn thanh tra, bỏ hình thức thanh tra viên chuyên ngành, người được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tiến hành thanh tra độc lập.

Thứ ba, bổ sung vào Luật Thanh tra quy định thẩm quyền của Chánh Thanh tra tỉnh trong việc tham mưu giúp Chủ tịch UBND tỉnh điều phối việc xây dựng kế hoạch thanh tra doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Thứ tư, rà soát, sửa đổi, bổ sung Thông tư 01/2014/TT-TTCP ngày 23/4/2014 quy định quy trình xây dựng, phê duyệt định hướng chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra. Nghiên cứu sửa đổi quy định về thời gian, thời hạn xây dựng, trình, ban hành kế hoạch thanh tra bảo đảm sự thống nhất, hợp lý, nhịp nhàng giữa các bộ ngành, địa phương; quy định rõ các trường hợp được coi là chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra và các biện pháp xử lý chồng chéo; bổ sung quy định về công khai, minh bạch kế hoạch thanh tra của các cấp, các ngành để người dân và doanh nghiệp có thể theo dõi việc thực hiện.

Thứ năm, rà soát, sửa đổi quy trình tiến hành một cuộc thanh tra, bảo đảm tối đa sự rõ ràng, công khai, minh bạch. Đồng thời, cần quy định cụ thể trình tự thực hiện từng quyền trong hoạt động thanh tra trên cơ sở phân nhóm các quyền: Quyền quyết định; quyền yêu cầu; quyền kiến nghị. Cần quy định biểu mẫu thống nhất áp dụng cho việc thực hiện các quyền trong hoạt động thanh tra chuyên ngành trên từng lĩnh vực.

Thứ sáu, bổ sung quy định của pháp luật về thanh tra liên ngành. Do chưa có cơ sở pháp lý đầy đủ nên hoạt động thanh tra liên ngành ở một số địa phương chưa được tổ chức tốt. Vai trò, trách nhiệm của cơ quan chủ trì và các cơ quan có liên quan chưa được xác định đúng đắn. Cần có những quy định rõ ràng, cụ thể về trách nhiệm của đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, Trưởng đoàn và các thành viên Đoàn thanh tra liên ngành. Có thể thiết kế một một mục trong Luật Thanh tra hoặc ban hành nghị định điều chỉnh riêng về vấn đề này.

Giải pháp hoàn thiện pháp luật về kiểm tra doanh nghiệp

Để giải quyết triệt để những chồng chéo trong hoạt động kiểm tra chuyên ngành hiện nay, cần xây dựng văn bản điều chỉnh hoạt động kiểm tra chuyên ngành ở văn bản luật. Cần gộp chung vấn đề kiểm tra chuyên ngành với xử lý vi phạm hành chính thành một đạo luật, có thể gọi tên là Luật Kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính, trong đó quy định chung một số vấn đề như sau:

Thứ nhất, quy định về mô hình tổ chức thực hiện quyền kiểm tra chuyên ngành. Cần quy định về nguyên tắc cơ quan nào được giao chức năng quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực thì có chức năng kiểm tra chuyên ngành. Tổ chức thực hiện chức

năng kiểm tra chuyên ngành trong các cơ quan đó xuất phát từ quy mô quản lý, phù hợp với phạm vi thực thi quyền quản lý của từng cơ quan.

Thứ hai, quy định về mục đích và nguyên tắc của hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

Thứ ba, quy định rõ căn cứ để tiến hành hoạt động kiểm tra chuyên ngành. Căn cứ tiến hành hoạt động kiểm tra chuyên ngành phải trên cơ sở áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro, phân luồng đánh giá mức độ chấp hành của các đối tượng và chỉ tiến hành hoạt động kiểm tra theo những căn cứ luật định, thay tiền kiểm bằng hậu kiểm. Yêu cầu này đã được chỉ rõ trong các Nghị quyết 19 của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia vào các năm 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, Nghị quyết 35/NQ-2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

Thứ tư, quy định trình tự, thủ tục tiến hành hoạt động kiểm tra chuyên ngành, nêu rõ các trường hợp chồng chéo trong hoạt động kiểm tra chuyên ngành và biện pháp xử lý chồng chéo.

Thứ năm, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của chủ thể tiến hành hoạt động kiểm tra chuyên ngành, quyền và nghĩa vụ của đối tượng kiểm tra chuyên ngành là cơ sở cho việc giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của người có thẩm quyền và bảo vệ quyền lợi chính đáng cho đối tượng.

Về tổ chức thực hiện

Thứ nhất, cần tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về các quy định của pháp luật, nội dung của các nghị quyết, chỉ thị về hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp nhằm thống nhất nhận thức đúng đắn làm cơ sở cho hành động.

Thứ hai, cần triển khai việc xây dựng tiêu chí quản lý rủi ro trong chấp hành pháp luật ở từng ngành, lĩnh vực. Việc xây dựng các tiêu chí quản lý rủi ro trong chấp hành pháp luật hiện đang được triển khai trong một số ngành, lĩnh vực, tiêu biểu là ngành thuế. Việc áp dụng phần mềm quản lý rủi ro trong ngành Thuế bước đầu đã mang lại những kết quả hết sức tích cực, nhận được sự đồng tình của cộng đồng doanh nghiệp. Việc lựa chọn đối tượng để tiến hành thanh tra, kiểm tra không còn phụ thuộc và đánh giá và ý muốn chủ quan của nhà quản lý mà đã dựa trên những căn cứ hiện đại, khoa học. Đặc biệt là đã bảo đảm được tính công khai, minh bạch, công bằng, là những nguyên tắc vô cùng quan trọng trong hoạt động thanh tra, kiểm tra nói chung.

Thứ ba, tăng cường trách nhiệm và đạo đức công vụ từ cấp lãnh đạo, chỉ đạo đến cấp thực thi trong việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật và các nghị quyết, chỉ thị về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, xử lý nghiêm minh mọi hành vi vi phạm.

Thứ tư, thực hiện tốt việc chia sẻ và kết nối thông tin giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp. Thông tin về hoạt động thanh tra, kiểm tra từ các ngành, lĩnh vực nếu có dự kết nối tạo thành một cơ sở dữ liệu chung sẽ giúp ích cho quá trình xây dựng kế hoạch, giúp loại bỏ những chồng chéo, trùng lắp, giúp kế thừa các kết quả đã có, giúp phát hiện những lỗ hổng... Trước mắt, cần tiến hành việc xây dựng cơ sở dữ liệu trong từng ngành, lĩnh vực, từng địa phương. Về lâu dài, cần xây dựng cơ chế kết nối, chia sẻ các cơ sở dữ liệu này, tiến tới xây dựng cơ sở dữ liệu chung trong toàn quốc.

Thứ năm, để khắc phục ngay tình trạng chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, Chính phủ cần có chỉ đạo nhân rộng các mô hình phối hợp trong xây dựng kế hoạch, rà soát phát hiện chồng chéo tốt ở địa phương. Đó là các mô hình: Cơ quan thanh tra tỉnh điều phối kế hoạch thanh tra, kiểm tra chung trên toàn tỉnh; xây dựng phần mềm rà soát phát hiện chồng chéo, tích hợp thông tin về hoạt động thanh tra, kiểm tra của tất cả các cơ quan có chức năng ở địa phương.

Không thể phủ nhận những kết quả tích cực của hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trong những năm vừa qua. Thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực đã giúp doanh nghiệp hiểu và thực hiện tốt hơn các quy định của pháp luật về chuyên môn - kỹ thuật trong từng ngành, lĩnh vực. Nhiều địa phương đã áp dụng sáng tạo các quy định của pháp luật về xây dựng kế hoạch thanh tra. Một số ngành, lĩnh vực đã có những chuyển biến tương đối rõ nét về căn cứ, cách thức kiểm tra theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp mà vẫn bảo đảm chất lượng, hiệu quả của hoạt động kiểm tra chuyên ngành. Qua đó, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập./.

Chú thích:

(1) Kết quả thảo luận tại các tọa đàm khảo sát và phỏng vấn sâu đại diện các doanh nghiệp (trong khuôn khổ khảo sát về hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của Viện Chiến lược và Khoa học Thanh tra, Thanh tra Chính phủ thực hiện năm 2018) cho thấy đa số doanh nghiệp không phân biệt được hoạt động thanh tra với hoạt động kiểm tra. Việc cơ quan chức năng đến làm việc thì doanh nghiệp gọi chung đoàn thanh tra, kiểm tra.

(2) Ví dụ, theo Nghị định số 57/2013/NĐ-CP ngày 31/5/2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Giao thông vận tải, trong các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có: Cảng vụ Hàng không thuộc Cục Hàng không, Cảng vụ Hàng hải thuộc Cục Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa thuộc Cục Đường thủy nội địa, Chi cục Đường thủy nội địa thuộc Cục Đường thủy nội địa, Cơ quan Quản lý đường bộ ở khu vực thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam. Rõ ràng, quy định này không phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 3 Luật Thanh tra năm 2010 và không thống nhất với Nghị định số 07/2012/NĐ-CP.

Một số giải pháp xử lý HÀNH VI "NHŨNG NHIỄU", "THAM NHŨNG VẶT", TỪ THỰC TIỄN TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

Ths. Lê Quang Kiệm
Cục QLTT tỉnh Đồng Nai

Sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước và các tổ chức cung cấp dịch vụ công là thước đo hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, công vụ. Do đó, việc thực hiện tốt quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, góp phần ngăn chặn có hiệu quả tình trạng "tham nhũng vặt", nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp theo Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc là rất cấp thiết. Từ thực tiễn đánh giá về hành vi nhũng nhiễu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, tác giả tập trung phân tích về cách nhận diện và một số giải pháp để xử lý đối với hành vi "nhũng nhiễu" và "tham nhũng vặt".

Nhận diện về hành vi "nhũng nhiễu" và "tham nhũng vặt"

Theo Khoản 6 Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, "*nhũng nhiễu là hành vi cửa quyền, hách dịch, đòi hỏi, gây khó khăn, phiền hà của người có chức vụ, quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ*". Hành vi nhũng nhiễu thường xảy ra trong hoạt động của một số cơ quan công quyền, nhất là tại các cơ quan hành chính, nơi trực tiếp giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp. Đặc điểm nhận dạng đó là: Một số cán bộ, công chức hoặc người có chức vụ quyền hạn[(1)] không thực hiện trách nhiệm với thái độ công tâm và tinh thần phục vụ mà ngược lại, thường tìm cách lợi dụng những sơ hở hoặc không rõ ràng của các thủ tục, thậm chí tự ý đặt ra các điều kiện gây thêm khó khăn cho công dân và doanh nghiệp, để buộc người dân và doanh nghiệp phải biếu xén quà cáp cho mình. Thực chất của hành vi này là sự ép buộc đưa hối lộ được che đậy dưới hình thức tinh vi, rất khó có căn cứ để xử lý. Cũng có thể coi hành vi nhũng

nhiễu là hành vi "đòi hối lộ" một cách gián tiếp hoặc ở mức độ chưa thật nghiêm trọng và có thể dùng biện pháp xử lý hành chính.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng trong cuộc tiếp xúc với cử tri các quận Ba Đình, Tây Hồ (Hà Nội) sáng ngày 24/11/2018 đã khẳng định nạn "tham nhũng vặt" không phải chuyện nhỏ. Bên cạnh các vụ án lớn, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước cho rằng phải tập trung chống "tham nhũng vặt" vì "*nó như ghẻ ruồi rất khó chịu*". Sáng 23/11/2018, tại quận Lê Chân, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng tiếp xúc cử tri thành phố sau kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV. Tại buổi tiếp xúc cử tri, Thủ tướng đã nhấn mạnh: "*Tình trạng tham nhũng lớn đang bị nghiêm trị thành công, nhiều cán bộ liên quan đang được xử lý nghiêm. Tuy nhiên, "tham nhũng vặt" là vấn đề nhân dân rất kêu ca. Đây là thói xấu cần phải lên án, phải vận động, giám sát, không để xảy ra tình trạng đến bệnh viện, trường học, đi xin việc hay việc này việc khác phải phong bì, phong bao không lành mạnh*" [(2)].

Một số nguyên nhân điển hình có thể dẫn đến việc tồn tại của hành vi "nhũng nhiễu", "tham nhũng vặt", đó là:

Thứ nhất, vẫn còn trường hợp lãnh đạo ở một số nơi còn xem nhẹ hành vi "nhũng nhiễu", "tham nhũng vặt", còn suy nghĩ, thậm chí tư tưởng cho rằng bồi dưỡng ít tiền để anh em làm việc thuận lợi hơn, có động lực hơn; việc phát hiện cán bộ, công chức, viên chức vi phạm chưa kịp thời và khi xử lý thì còn nương nhẹ, nể nang, thiếu cương quyết. Bên cạnh đó, còn thiếu cơ chế để thu hút nhân tài; những người được tuyển dụng, đề bạt do lo lót thường có tâm lý khi vào được vị trí công tác, phải bằng mọi cách, mọi thủ đoạn để nhũng nhiễu, vơ vét của Nhà nước và nhân dân, "tham nhũng vặt" của người dân để thu hồi "cả vốn lẫn lời".

Thứ hai, việc xác định, xây dựng và triển khai thực hiện vị trí việc làm để khắc phục ngay những sơ hở, bất cập, thiếu sót đối với những vị trí việc làm mà công chức, viên chức thường xuyên tiếp xúc giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp có cơ hội vụ lợi đã không được nhiều cơ quan thực hiện nghiêm túc và khoa học. Rất nhiều trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo đúng vị trí, việc làm và có sở trường công tác lại không được bố trí đúng vị trí công tác để phát huy sở trường. Bên cạnh đó, vẫn còn cán bộ, công chức, viên chức yếu kém về năng lực, suy thoái về đạo đức nhưng không bị thay thế, lại đảm nhận những vị trí liên quan đến những lĩnh vực nhạy cảm sẽ rất dễ phạm phải sai lầm dẫn đến "nhũng nhiễu" và "tham nhũng vặt".

Thứ ba, do việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát không nghiêm, mang tính hình thức nên không ngăn ngừa, hạn chế được nạn "tham nhũng vặt". Mặt khác, biểu hiện dễ dãi, được chăng hay chớ vẫn đang tồn tại. Một số cán bộ, đảng viên, từ trong suy nghĩ cho rằng dù kém về năng lực, vi phạm quy định, đạo đức chưa chắc đã bị xử lý kỷ luật, thậm chí vẫn thăng tiến đều, nếu có "ô dù" che chắn, nâng đỡ.

Thực trạng việc thực hiện pháp luật về xử lý đối với hành vi nhũng nhiễu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Thứ nhất, UBND tỉnh Đồng Nai đã thực hiện sắp xếp, giảm được 44 đầu mối phòng, ban chuyên môn (39 phòng chuyên môn nghiệp vụ, 05 chi cục và tương đương), 23 phòng thuộc chi cục/ban trực thuộc sở; giảm tối thiểu được 109 chức danh lãnh đạo cấp phòng (34 Trưởng phòng và 50 Phó trưởng phòng thuộc sở; 17 Trưởng phòng và 8 Phó trưởng phòng thuộc chi cục trực thuộc sở). Đối với đơn vị sự nghiệp, giảm được 36 đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh với 98 đầu mối phòng trực thuộc, giảm 03 đơn vị sự nghiệp thuộc chi cục thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; giảm 38 đơn vị sự nghiệp thuộc huyện; giảm 78 nhân sự lãnh đạo đơn vị sự nghiệp, 135 chức danh Trưởng, Phó trưởng phòng thuộc đơn vị sự nghiệp.

Thứ hai, thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý; rà soát, đơn giản hoá, cắt giảm các thành phần hồ sơ giấy tờ không cần thiết của các thủ tục hành chính, đặc biệt là các thủ tục liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư - sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đời sống của người dân; qua đó, khắc phục những sơ hở, bất cập có thể gây phiền hà, nhũng nhiễu cho người dân, doanh nghiệp. Tăng cường công khai minh bạch các chính sách, quy định, thủ tục hành chính, quá trình giải quyết và trách nhiệm cơ quan Nhà nước trong quá trình giải quyết hồ sơ cho người dân, doanh nghiệp.

UBND tỉnh Đồng Nai đã thành lập Tổng đài Dịch vụ công (DVC) 1022 trên cơ sở thống nhất các đầu mối điện thoại đường dây nóng của các đơn vị, địa phương trên toàn tỉnh. Tổng đài DVC 1022 là đầu mối tiếp nhận các thắc mắc, phản ánh, kiến nghị liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính, các lĩnh vực người dân quan tâm, đăng ký sử dụng dịch vụ bưu chính... chỉ tính từ tháng 4/2019 đến hết tháng 02/2020, Tổng đài DVC 1022 đã tiếp nhận hơn 1.351 lượt liên hệ của người dân, doanh nghiệp yêu cầu hướng dẫn và gửi phản ánh liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính. Trong đó, có 3 phản ánh liên quan đến thái độ công chức, viên chức khi giao tiếp với công dân, không có phản ánh về công chức nhũng nhiễu; trung bình 98% các phản ánh đều được xử lý trong thời hạn quy định.

Thứ ba, thực hiện ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào đổi mới quá trình quản lý. Nhất là trong công tác giải quyết thủ tục hành chính và quá trình tiếp nhận xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; đảm bảo xác định chính xác, giám sát chặt chẽ trách nhiệm công vụ của từng cán bộ, công chức; thuận lợi và minh bạch cho người dân trong việc gửi phản ánh về tình trạng giải quyết hồ sơ và thái độ của

cán bộ, công chức. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp được công khai đầy đủ trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và huyện và cho phép người dân, doanh nghiệp tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Trong năm, tỉ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn cho người dân đạt trung bình trên 95%.

Thứ tư, việc thực hiện đánh giá sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp được chú trọng triển khai thường xuyên, mở rộng đối tượng khảo sát; đặc biệt ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả thu thập và khai thác nội dung ý kiến đánh giá của người dân, doanh nghiệp. Trong năm 2019, tỉnh triển khai khảo sát sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp về sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước đối với 17 sở, ban ngành; 11 UBND cấp huyện, 170 UBND cấp xã và 03 nhóm cơ quan ngành dọc: Thuế, công an, bảo hiểm xã hội. Kết quả, tỉnh đã thực hiện khảo sát 15.851 đối tượng; qua đó, ghi nhận mức độ hài lòng chung của 3 cấp đạt trên 90%, tỷ lệ công chức có thái độ phục vụ không đúng đắn với người dân dưới 1,5%. Kết quả khảo sát được thông báo tới các đơn vị, địa phương nhằm kịp thời rà soát, chấn chỉnh các trường hợp giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp không đúng quy định.

Thứ năm, việc xử lý vi phạm và trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị thiếu trách nhiệm, để cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý trực tiếp có hành vi những nhiễu, gây phiền hà đối với người dân, doanh nghiệp. Xác định trách nhiệm người đứng đầu là hạt nhân xây dựng, giữ gìn khối đoàn kết, thống nhất trong cơ quan, đơn vị, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành nhiều văn bản yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chủ động, gương mẫu chấp hành các quy định liên quan về đạo đức, văn hoá giao tiếp và làm gương cho cán bộ, công chức, viên chức cấp dưới noi theo. Trong năm 2019, có 16 trường hợp xử lý vi phạm và trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị thiếu trách nhiệm, để cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý trực tiếp vi phạm các quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính, sai phạm trong lĩnh vực phụ trách quản lý.

Thứ sáu, công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính. Công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính được thực hiện thường xuyên, UBND tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với Đài Phát Thanh - Truyền hình tỉnh Đồng Nai, Báo Đồng Nai tiến hành các cuộc kiểm tra kết quả triển khai thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính và cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Từ năm 2019 đến hết tháng 02/2020, Đoàn kiểm tra đã tổ chức 27 cuộc thanh tra, kiểm tra công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính, cải cách hành chính tại các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, xã và tổ chức 19 cuộc kiểm tra cải cách hành chính tại UBND các xã, huyện, tham mưu ban hành thông báo kết quả kiểm tra và đề nghị các đơn vị địa phương báo cáo kết quả xử lý trách nhiệm người đứng đầu, xử lý kỷ luật và kỷ cương hành chính. Kết quả kiểm tra đã phát hiện và đề nghị xử lý kiểm điểm, phê bình đối với 70 cá nhân, 02 tập thể thực hiện chưa đúng hoặc chậm tiến độ so với quy định, đồng thời, chấn chỉnh những sai sót nhằm triển khai hiệu quả công tác cải cách hành chính tại các đơn vị, địa phương. Bên cạnh đó, Tổ kiểm tra do Thủ trưởng các đơn vị, địa phương quyết định thành lập đã tiến hành kiểm tra 747 đợt, kết quả kiểm tra đã xử lý kỷ luật đối với 130 trường hợp vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Bên cạnh những kết quả đáng khích lệ đạt được trong việc thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai vẫn còn một số hạn chế và khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, cụ thể:

Một là, công tác quán triệt, chỉ đạo của một số ít đơn vị, địa phương chưa thật sự quyết liệt, chưa kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm. Việc theo dõi, kiểm tra giám sát ở một số đơn vị chưa được thường xuyên và chặt chẽ, còn mang tính hình thức, qua loa, ngại va chạm, né tránh trách nhiệm, do đó tính hiệu quả công việc chưa được cao. Một số cán bộ, công chức, viên chức có ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong thi hành nhiệm vụ chưa cao, chưa tự giác ý thức trách nhiệm trong thi hành nhiệm vụ công vụ, có hành vi vi phạm chuẩn mực trong các mối quan hệ, thậm chí có trường hợp vi phạm nhiều lần.

Hai là, một số thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư - xây dựng - đất đai còn phức tạp, phải lấy ý kiến liên ngành, liên cấp do đó còn dẫn đến tình trạng doanh nghiệp chưa hài lòng, còn phiền hà. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hành chính Nhà nước còn gặp một số khó khăn vướng mắc như hệ thống đường truyền, phần mềm chưa hoạt động ổn định dẫn đến khó khăn cho đội ngũ công chức trong tiếp nhận hồ sơ. Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của một số công chức cấp xã còn hạn chế, dẫn đến chưa phát huy hết hiệu quả hệ thống quản lý một cửa điện tử.

Ba là, qua khảo sát ý kiến người dân cho thấy còn trường hợp người dân e dè, chưa đưa ra ý kiến đánh giá cụ thể liên quan đến các nội dung lấy ý kiến về thái độ phục vụ của công chức, viên chức. Do đó, kết quả khảo sát có thể chưa phản ánh đầy đủ, khách quan nhất chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, thái độ phục vụ của công chức viên chức trên địa bàn tỉnh.

Bốn là, hiện nay, Tổng đài DVC 1022 chỉ thực hiện tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân liên quan đến thủ tục hành chính. Ngày 12/02/2020, Thanh tra tỉnh Đồng Nai đã có văn bản số 223/TT-NV3 gửi Thanh tra Chính phủ báo cáo, xin ý kiến về tổ chức đường dây nóng và hộp thư điện tử

để tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh, khiếu nại, tố cáo về hành vi những nhiễu, gây phiền hà đối với người dân, doanh nghiệp để được hướng dẫn.

Một số giải pháp nhằm xử lý đối với hành vi "những nhiễu" và "tham nhũng vặt" ở Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện thể chế, ban hành quy định, hướng dẫn, quy định cụ thể về cơ chế quản lý kiểm soát, đặc biệt là cơ chế kiểm soát đối tượng có hành vi tham nhũng, có nguy cơ tham nhũng và kiểm soát ngay tại các cơ quan Nhà nước và những người thực tiễn thực hiện nhiệm vụ kiểm soát tham nhũng làm cơ sở cho việc xử lý đối với hành vi "những nhiễu" và "tham nhũng vặt" hiện nay. Đồng thời, tiếp tục triển khai chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc tại các bộ, ngành, địa phương.

Thứ hai, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ sớm ban hành quy định cụ thể danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác thuộc phạm vi quản lý theo ngành, lĩnh vực tại địa phương theo danh mục vị trí phải chuyển đổi được quy định tại Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 (thay thế Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007) tạo điều kiện cho địa phương triển khai chuyển đổi vị trí công tác theo đúng quy định nhằm góp phần công tác phòng, chống tham nhũng. Sớm ban hành nghị định, thông tư hướng dẫn việc tổ chức thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 và Luật Viên chức số 58/2010/QH12; Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 24/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện cho phù hợp với tình hình thực tiễn của các địa phương và chủ trương của Đảng.

Thứ ba, các cơ quan thẩm quyền của Trung ương cần đẩy mạnh việc đơn giản hoá các thủ tục hành chính, cắt giảm các điều kiện kinh doanh, giảm thiểu các giấy tờ không cần thiết, tăng cường việc liên thông trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính nhằm hạn chế các khâu trung gian có thể gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp theo kiến nghị của các địa phương. Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tại phiên họp lần thứ 17 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng diễn ra ngày 15/01/2020, đó là: *Tập trung chỉ đạo xử lý dứt điểm những khâu còn yếu, những việc làm dở; những địa bàn, lĩnh vực trọng điểm, tạo chuyển biến mạnh mẽ, đồng bộ hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng ở địa phương, cơ sở; ngăn chặn, xử lý có hiệu quả tình trạng những nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc "tham nhũng vặt"*.

Thứ tư, đẩy mạnh phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng, tiêu cực trong chính lực lượng chức năng và đội ngũ cán bộ, công chức thực thi pháp luật. Thực hiện nghiêm quy tắc ứng xử, quy trình chuyên môn, nghiệp vụ.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương phải ban hành quy chế làm việc quy định rõ trách nhiệm, minh bạch, cụ thể và có cơ chế kiểm soát hiệu quả đối với cán bộ, công chức khi thực thi nhiệm vụ, nhất là đối với các lĩnh vực như thi hành án, hải quan, thuế, quản lý thị trường, thanh tra, kiểm toán, điều tra… Phải đảm bảo ngăn chặn tình trạng sách nhiễu, "vòi vĩnh", đòi "chung chi" để phục vụ động cơ cá nhân, vụ lợi trong thực thi công vụ; thường xuyên có bộ phận theo dõi, giám sát các hoạt động này và có hình thức lấy ý kiến đánh giá sự hài hòng của người dân khi tiếp xúc giải quyết công việc; đặc biệt, đẩy mạnh cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến góp phần hạn chế tham nhũng, tiêu cực trong thực hiện công vụ./.

Nhớ Bác

Viết nhân dịp kỷ niệm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước

Ngày ấy đêm trường Tổ quốc ơi
Bác thương nước mất, nhà chia rời
Ra khơi sóng gió, tâm không nản,
Đi hết tù lao, dạ sáng ngời;
Tìm đến Lê Nin bừng ánh Đảng,
Đường về đất mẹ rạng sao trời;
Cứu dân, vì Nước quên thân ngọc
Nước Việt noi gương Bác vạn đời.

Lê Công Thuận
Hiệu trưởng Trường THCS Đặng Dung - Tùng Lộc - Can Lộc.

Ảnh: ST

Tài liệu tham khảo:

(1) Theo Khoản 2 Điều 3 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

(2) https://vov.vn/chinh-tri/thu-tuong-tham-nhung-lon-dang-bi-nghiem-tri-tham-nhung-vat-dan-rat-keu-842472.vov

Các hình thức chịu trách nhiệm; MỨC ĐỘ, BIỆN PHÁP XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

(Tiếp theo và hết)

TS. Trần Tuyết Mai
Viện Nghiên cứu Lập pháp

Ảnh: ST

3.2. Mức độ, hình thức xử lý kỷ luật

Hiện nay, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước tập trung vào việc xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước trong việc thực hiện chế độ công vụ; trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và đặc biệt là khi để xảy ra các vụ việc sai phạm trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng.

**** Việc xử lý trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị trong thi hành công vụ***

Nội dung này được quy định tại Nghị định số 157/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ với những nội dung cụ thể:

- Những trường hợp xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu (Điều 10): (1) Vi phạm nội dung chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu quy định tại Điều 7 Nghị định này; (2) Khi phát hiện cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý vi phạm pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ, người đứng đầu không có biện pháp kiên quyết để chấm dứt hành vi vi phạm đó và không kịp thời áp dụng biện pháp khắc phục có hiệu quả; (3) Không giao nhiệm vụ hoặc giao nhiệm vụ cho cấp dưới không rõ; không kiểm tra hoặc thiếu kiểm tra, đôn đốc cấp dưới thực hiện; (4) Cấp dưới đã báo cáo, xin chỉ thị những vấn đề thuộc thẩm quyền của người đứng đầu nhưng không kịp thời giải quyết theo quy định; (5) Đưa ra ý kiến chỉ đạo trái pháp luật, chung chung, không rõ ràng, không nhất quán, gây lãng phí ngân sách, tài sản của Nhà nước; tham mưu, đề xuất, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản trái pháp luật; không thực hiện đúng thời hạn nhiệm vụ được giao; (6) Cấp phó, người đại diện hoặc người được ủy quyền làm trái chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ mà pháp luật đã giao cho người đứng đầu; (7) Để cấp phó và cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý tham nhũng, lãng phí; (8) Để tình trạng đơn, thư khiếu nại, tố cáo vượt cấp, kéo dài; (9) Xử lý không nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật của cấp dưới

hoặc bao che cho hành vi vi phạm pháp luật của cấp dưới.

- *Trường hợp đặc biệt (Điều 11):* Trong trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước thực hiện cơ chế điều hành tập thể, khi giải quyết vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của tập thể lãnh đạo, nếu ý kiến của đa số thành viên lãnh đạo là trái với chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước mà người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu được phân công lãnh đạo, quản lý lĩnh vực đó không có ý kiến khác thì phải bị xử lý trách nhiệm nặng hơn một mức so với các thành viên khác trong tập thể lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước theo quy định tại Nghị định này.

- *Các trường hợp được miễn, giảm nhẹ trách nhiệm đối với người đứng đầu* và cấp phó của người đứng đầu (Điều 13): (1) Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu được miễn trách nhiệm trong các trường hợp sau: a) Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu không thể biết hoặc đã làm hết trách nhiệm và áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng, lãng phí hoặc hành vi vi phạm pháp luật khác; b) Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu phụ trách lĩnh vực được phân công đã ban hành văn bản pháp luật để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật do mình ban hành và khắc phục xong hậu quả do việc ban hành và thực hiện văn bản trái pháp luật đó gây ra; c) Do thiên tai, địch họa, các tai nạn rủi ro khác hoặc trường hợp bất khả kháng mà người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đã có biện pháp phòng, chống; d) Người đứng đầu vắng mặt tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và có văn bản ủy quyền cho cấp phó trong thời gian vắng mặt; cấp phó của người đứng đầu phải chịu trách nhiệm về hành vi, quyết định của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu trong văn bản ủy quyền; đ) Trường hợp người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu phải chấp hành quyết định của cấp trên, khi có căn cứ để cho là quyết định đó trái pháp luật thì phải báo cáo ngay với người ra quyết định; trong trường hợp vẫn phải chấp hành thì phải báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người ra quyết định và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định đó; (2) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu vi phạm chế độ trách nhiệm được xem xét giảm nhẹ một mức kỷ luật khi người đó đã tự nhận hành vi vi phạm, có đơn xin từ chức và đã khắc phục hậu quả do mình gây ra, được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

- *Các trường hợp tăng nặng trách nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu* (Điều 14): Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu vi phạm chế độ trách nhiệm sẽ bị xem xét tăng nặng trách nhiệm trong các trường hợp sau: (1) Báo cáo sai sự thật về tình hình thực hiện, kết quả thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao; (2) Phương tiện thông tin đại chúng đưa tin về hiện tượng vi phạm pháp luật tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc cấp trên phát hiện và đã kịp thời có ý kiến chỉ đạo nhưng người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu không thực hiện hoặc không áp dụng ngay biện pháp để xử lý, dẫn đến xảy ra hậu quả; (3) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đã bị xử lý kỷ luật về hành vi vi phạm chế độ trách nhiệm mà lại tái phạm hoặc thiếu trung thực trong báo cáo, tường trình, tiếp thu phê bình, kiểm điểm hoặc cố tình né tránh, đùn đẩy trách nhiệm.

Việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu đơn vị trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Điều 18 Nghị định số 103/2007/NĐ-CP ngày 14/6/2007 của Chính phủ quy định hình thức kỷ luật trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí như sau:

"Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị là cán bộ, công chức quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và h Khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh Cán bộ, công chức đã được sửa đổi, bổ sung ngày 29/4/2003 (sau đây gọi chung là Pháp lệnh Cán bộ, công chức) và cán bộ quản lý doanh nghiệp Nhà nước nếu để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, đơn vị mình quản lý, phụ trách thì tuỳ theo tính chất, mức độ của vụ việc sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17/03/2005 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức bằng một trong những hình thức kỷ luật sau đây:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo;

c) Cách chức.

**** Việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra vụ, việc tham nhũng tại cơ quan, đơn vị***

Điều 7 Nghị định số 107/2006/NĐ-CP quy định rất cụ thể về việc xử lý người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, nếu để xảy ra vụ, việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách. Theo đó, tùy theo tính chất, mức độ của vụ, việc người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu sẽ xử lý kỷ luật như sau:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo;

c) Cách chức.

Đồng thời, pháp luật cũng quy định cụ thể về việc áp dụng các hình thức kỷ luật trách nhiệm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu. Theo đó, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị là cán bộ, công chức, viên chức và người quản lý doanh nghiệp nhà nước thì bị xử lý kỷ luật bằng một trong những hình thức sau:

- *Áp dụng hình thức khiển trách khi*: (i) Vụ, việc tham nhũng ở mức độ nghiêm trọng. Tức là vụ, việc mà trong đó người có hành vi tham nhũng bị truy tố và xét xử ở mức án từ 03 năm đến 07 năm tù; (ii) Xảy ra nhiều vụ, việc tham nhũng ở mức độ ít nghiêm trọng. Tức là vụ, việc mà trong đó người có hành vi tham nhũng chưa đến

mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng chỉ bị xử phạt bằng hình thức cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù đến 03 năm.

- Áp dụng hình thức cảnh cáo khi: (i) Vụ, việc tham nhũng xảy ra ở mức độ rất nghiêm trọng. Tức là vụ, việc mà trong đó người có hành vi tham nhũng bị truy tố và xét xử ở mức án từ 07 năm đến 15 năm tù; (ii) Xảy ra nhiều vụ, việc tham nhũng ở mức độ nghiêm trọng. Tức là vụ, việc mà trong đó người có hành vi tham nhũng bị truy tố và xét xử ở mức án từ 03 năm đến 07 năm tù.

- Áp dụng hình thức cách chức khi: (i) Vụ, việc tham nhũng xảy ra ở mức độ đặc biệt nghiêm trọng. Tức là vụ, việc mà trong đó người có hành vi tham nhũng bị truy tố và xét xử ở mức án từ 15 năm tù trở lên, tù chung thân hoặc tử hình; (ii) Xảy ra nhiều vụ, việc tham nhũng ở mức độ rất nghiêm trọng. Tức là vụ, việc mà trong đó người có hành vi tham nhũng bị truy tố và xét xử ở mức án từ 07 năm đến 15 năm tù.

- Những trường hợp được loại trừ trách nhiệm, miễn, giảm nhẹ hoặc tăng nặng hình thức kỷ luật bao gồm: a) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được loại trừ trách nhiệm trong trường hợp họ không thể biết hoặc đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết nhằm phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng hoặc họ đã chủ động phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; b) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách và bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách, nếu trước đó đã tự nguyện xin từ chức và đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận thì được miễn xử lý kỷ luật; c) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách được giảm nhẹ một mức kỷ luật thuộc một trong các trường hợp sau: - Đã có đơn xin từ chức và đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận; - Đã thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng; - Đã xử lý nghiêm minh, báo cáo kịp thời với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về hành vi tham nhũng; d) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách, nếu không thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng hoặc nếu phát hiện hành vi tham nhũng mà không xử lý nghiêm minh, không báo cáo kịp thời với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thì phải tăng nặng một mức kỷ luật.

Gần đây nhất, Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 quy định khá chi tiết về mức độ, cách thức xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có hành vi tham nhũng hoặc để xảy ra hành vi tham nhũng ở cơ quan, đơn vị mình quản lý. Cụ thể:

Điều 92 của Luật này quy định về xử lý người có hành vi tham nhũng như sau:

1) Người có hành vi tham nhũng giữ bất kì chức vụ, vị trí công tác nào đều phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật, kể cả người đã nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác.

2) Người có hành vi tham nhũng quy định tại Điều 2 của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, phải bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3) Trường hợp người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thì bị xem xét tăng hình thức kỷ luật…

Nhìn chung, các quy định về xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác trong cơ quan mình phụ trách mặc dù đã thể hiện được quyết tâm và chủ trương của Đảng và Nhà nước ta trong việc củng cố đội ngũ cán bộ, công chức, xây dựng nền công vụ trong sách, hiệu năng, ngăn ngừa tệ tham nhũng, lãng phí… Tuy nhiên, thực tế áp dụng cho thấy các quy định này vẫn còn thiếu rõ ràng, chưa thực chất và không khuyến khích được tính chủ động của người đứng đầu trong phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng. Hơn nữa quy định pháp luật hiện nay khi áp dụng vào thực tiễn cho thấy nhiều trường hợp đặt người đứng đầu vào tình huống xung đột lợi ích. Nếu tích cực kiểm tra, phát hiện tham nhũng trong nội bộ thì có thể bị xử lý trách nhiệm hoặc ảnh hưởng đến thành tích của cá nhân và đơn vị hoặc bị đe dọa đến bản thân và gia đình. Do đó, cần thiết phải hoàn thiện hơn nữa các quy định nhằm đề cao tính chịu trách nhiệm của người đứng đầu, nhưng đồng thời cũng cần có cơ chế bảo vệ người đứng đầu cơ quan, đơn vị./.

Tài liệu tham khảo

1. Luật Cán bộ, công chức;

2. Luật Viên chức;

3. Luật Phòng, chống tham nhũng;

4. Phạm Hồng Thái (2009), Chức vụ và thẩm quyền chức vụ trong cơ quan hành chính Nhà nước, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học 25, tr. 67-73;

5. Lê Như Thanh (2009), Cơ sở lý luận và thực tiễn về nghĩa vụ, quyền, trách nhiệm của người đứng đầu ở Việt Nam hiện nay, Luận án TS. Quản lý Hành chính công, Học viện Hành chính, Hà Nội;

6. Nguyễn Hữu Đổng, Phạm Thế Lực, Hoạt động lãnh đạo và quản lý của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước ở nước ta, Tạp chí Lý luận chính trị Online, ngày 24/7/2013;

7. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2010), Hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan hành chính Nhà nước Việt Nam hiện nay - Vấn đề và giải pháp, Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp Bộ năm 2009, Cơ quan chủ trì: Viện Nhà nước và Pháp luật, Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Trịnh Đức Thảo, Hà Nội;

8. Bùi Đức Lại, Về trách nhiệm người đứng đầu trong công tác cán bộ, Tạp chí Xây dựng Đảng Online, ngày 3/6/2007;

9. TS.Nguyễn Minh Tú, Trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước, Nguồn. www.nclp.org.vn.

Tố cáo tiếp và giải quyết tố cáo tiếp -

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

TS. Nguyễn Thị Hồng Thúy

Phó Trưởng Khoa QLNN và PCTN, Trường Cán bộ Thanh tra

Hội nghị tập huấn Luật Tố cáo của Thanh tra Hải Phòng năm 2018

Để bảo đảm và cụ thể hóa quyền tố cáo của cá nhân theo Hiến pháp 2013, Luật Tố cáo năm 2018 đã quy định tố cáo là việc cá nhân theo thủ tục quy định của Luật Tố cáo, báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, bao gồm: Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ; tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực.

Sự cần thiết phải quy định về tố cáo tiếp và giải quyết tố cáo tiếp

Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998 (sửa đổi, bổ sung năm 2004 và năm 2005) không quy định về việc tố cáo tiếp. Đến Luật Tố cáo năm 2011, đã quy định quyền tố cáo tiếp là 1 trong 6 quyền của người tố cáo (điểm d Khoản 1 Điều 9) và Điều 27 của Luật quy định việc tố cáo tiếp, giải quyết vụ việc tố cáo tiếp. Quy định này nhằm bảo vệ quyền của người tố cáo được tiếp tục tố cáo khi cho rằng tố cáo của mình chưa được giải quyết đúng pháp luật, hành vi vi phạm chưa được ngăn chặn, người vi phạm chưa được xử lý hoặc xử lý chưa nghiêm minh, thậm chí thiếu trách nhiệm hoặc bao che cho người vi phạm. Vì vậy, người tố cáo sẽ được quyền tố cáo tiếp khi có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không đúng pháp luật hoặc quá thời

hạn quy định mà tố cáo không được giải quyết.

Trong thực tế, pháp luật về tố cáo quy định người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp có thẩm quyền xem xét lại việc giải quyết tố cáo của người đứng đầu cơ quan cấp dưới trực tiếp, nhưng chưa quy định cụ thể về trình tự thủ tục, nội dung hay căn cứ để xem xét lại kết quả giải quyết tố cáo. Do đó, không ít vụ việc tố cáo tiếp, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo tiếp căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 20 Luật Tố cáo năm 2011 về việc không thụ lý giải quyết tố cáo trong trường hợp: *"Tố cáo về vụ việc đã được giải quyết mà người tố cáo không cung cấp thông tin, tình tiết mới"...* để từ chối việc thụ lý giải quyết tố cáo tiếp; hoặc có những trường hợp xem xét giải quyết tố cáo tiếp, nhưng người có thẩm quyền giải quyết tố cáo tiếp chưa xem xét, đánh giá một cách toàn diện về nội dung, chứng cứ và trình tự thủ tục giải quyết tố cáo trước đó theo một quy trình đầy đủ. Do vậy, cả việc tố cáo tiếp của công dân lẫn hoạt động giải quyết tố cáo tiếp của người có thẩm quyền đều gặp khó khăn, phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác giải quyết tố cáo tiếp nói riêng và quyền tố cáo của công dân nói chung.

Luật Tố cáo năm 2018 cũng tiếp tục quy định về việc tố cáo tiếp, đây là một trong bảy quyền của người tố cáo được quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 9: *"Tố cáo tiếp khi có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không đúng pháp luật hoặc quá thời hạn quy định mà tố cáo chưa được giải quyết"*. Tuy nhiên, để khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật Tố cáo 2011 về tố cáo tiếp, Luật Tố cáo năm 2018 đã quy định cụ thể hơn về thời hạn, trách nhiệm, trình tự thủ tục việc tố cáo tiếp và giải quyết lại vụ việc tố cáo. Các quy định này, ngoài tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền trong giải quyết tố cáo, có vai trò hỗ trợ cho người tố cáo nắm được các căn cứ liên quan đến việc tố cáo tiếp để cân nhắc khi tiếp tục tố cáo, tránh tình trạng do hiểu biết chưa đúng hoặc nắm thông tin về vụ việc không đầy đủ mà tố cáo tràn lan, vượt cấp gây khó khăn cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong việc tiếp nhận và giải quyết tố cáo.

Quy định của pháp luật về tố cáo tiếp và giải quyết tố cáo tiếp

Theo quy định của Luật Tố cáo 2018, việc giải quyết tố cáo tiếp được thực hiện khi có một trong các căn cứ sau:

Một là, quá thời hạn theo quy định của pháp luật mà vụ việc tố cáo chưa được giải quyết. Luật Tố cáo 2018, tại Điều 30 quy định: Thời hạn giải quyết tố cáo là 30 ngày, kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp, có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần, nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp, có thể gia hạn giải quyết tố cáo 2 lần, mỗi lần không quá 30 ngày. Như vậy, quá thời hạn quy định trên mà vụ việc tố cáo chưa được giải quyết, người tố cáo có quyền tố cáo tiếp lên Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người giải quyết tố cáo.

Hai là, khi người tố cáo có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo là không đúng quy định của pháp luật. Khi nhận được tố cáo tiếp, người đứng đầu của cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của người đã giải quyết tố cáo phải xem xét hồ sơ giải quyết vụ việc tố cáo trước đó. Nếu như việc giải quyết tố cáo trước đó là đúng quy định của pháp luật thì sẽ không giải quyết lại vụ việc tố cáo; trường hợp việc giải quyết tố cáo trước đó không đúng thẩm quyền thì tiến hành giải quyết tố cáo theo thẩm quyền hoặc chuyển tố cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo; trường hợp có căn cứ để giải quyết lại vụ việc tố cáo thì tiến hành giải quyết lại tố cáo.

Việc giải quyết lại vụ việc tố cáo chỉ được tiến hành khi việc giải quyết tố cáo trước đó có dấu hiệu vi phạm pháp luật, làm sai lệch bản chất vụ việc hoặc bỏ lọt thông tin tài liệu trong khi giải quyết tố cáo. Theo quy định tại Khoản 3, Điều 37 Luật Tố cáo 2018, các căn cứ của việc giải quyết lại vụ việc tố cáo bao gồm: Kết quả xác minh hoặc kết luận nội dung tố cáo thiếu chính xác, hoặc thiếu khách quan; bỏ sót, bỏ lọt thông tin, tài liệu chứng cứ quan trọng trong khi xác minh hoặc kết luận nội dung tố cáo; áp dụng không đúng pháp luật trong quá trình xác minh hoặc kết luận nội dung tố cáo.

Thẩm quyền giải quyết tố cáo tiếp được xác định theo các căn cứ tố cáo tiếp, cụ thể:

Thứ nhất, trong trường hợp việc giải quyết tố cáo của người có thẩm quyền giải quyết tố cáo không đúng với quy định của pháp luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp giải quyết lại vụ việc tố cáo. Như vậy, để đảm bảo vụ việc giải quyết tố cáo được khách quan thì phải là người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của người đã giải quyết tố cáo.

Trong hệ thống hành chính Nhà nước, thẩm quyền giải quyết tố cáo căn cứ vào nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính Nhà nước và nguyên tắc quản lý cán bộ công chức hiện nay ở nước ta. Cụ thể, Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền giải quyết lại tố cáo đối với tố cáo do Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan ngang bộ, đã giải quyết. Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có thẩm quyền giải quyết lại tố cáo do Tổng cục trưởng, Cục trưởng và tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ đã giải quyết; đối với tố cáo do Chủ tịch UBND cấp tỉnh đã giải quyết có nội dung thuộc thẩm quyền quản lý Nhà nước của bộ, ngành mình. Chủ tịch UBND cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết lại tố cáo đối với tố cáo do Chủ tịch UBND cấp huyện hoặc người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh đã giải quyết. Chủ tịch UBND cấp huyện có thẩm quyền giải quyết lại tố cáo đối với tố cáo do Chủ tịch UBND cấp xã đã giải quyết.

Thứ hai, đối với trường hợp việc giải quyết tố cáo trước đó là không đúng thẩm quyền, tiến hành giải quyết theo thẩm quyền hoặc chuyển tố cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

Thứ ba, trong trường hợp quá thời hạn quy định mà tố cáo chưa được giải quyết thì Thủ trưởng cấp trên yêu cầu cấp dưới phải giải quyết. Cụ thể, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tố cáo tiếp, người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp có văn bản yêu cầu người giải quyết tố cáo báo cáo về quá trình giải quyết tố cáo. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp, người giải quyết tố cáo phải gửi báo cáo theo quy định, tiếp tục giải quyết tố cáo theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp và báo cáo kết quả giải quyết. Tuy nhiên, Luật Tố cáo 2018 có quy định mới về thẩm quyền giải quyết tố cáo trong trường hợp quá thời hạn quy định mà tố cáo vẫn chưa được giải quyết, đó là trường hợp có căn cứ cho rằng, việc giải quyết tố cáo vi phạm pháp luật nghiêm trọng, có dấu hiệu không khách quan thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp giải quyết vụ việc tố cáo. Cụ thể, khi có căn cứ xác định việc giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức cấp dưới có vi phạm pháp luật nghiêm trọng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp phải giải quyết tố cáo trong những trường hợp: Có vi phạm về trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo dẫn đến kết luận tố cáo không chính xác, khách quan hoặc làm sai lệch hồ sơ vụ việc và có một trong các căn cứ: Khi kết quả xác minh hoặc kết luận nội dung tố cáo thiếu chính xác hoặc thiếu khách quan; bỏ sót, bỏ lọt thông tin, tài liệu, chứng cứ quan trọng trong khi xác minh hoặc kết luận nội dung tố cáo; áp dụng không đúng pháp luật trong quá trình xác minh hoặc kết luận nội dung tố cáo.

Khi có dấu hiệu không khách quan trong việc giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức cấp dưới thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp phải giải quyết tố cáo trong những trường hợp sau đây: Người bị tố cáo là vợ hoặc chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố mẹ bên vợ hoặc bên chồng, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột của người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo, của người giải quyết tố cáo; nội dung tố cáo có liên quan trực tiếp đến vợ hoặc chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố mẹ bên vợ hoặc bên chồng, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột của người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo, của người giải quyết tố cáo; người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo có lợi ích liên quan trực tiếp với người bị tố cáo.

Nhìn chung, Luật Tố cáo 2018 đã quy định rõ về tố cáo tiếp và thẩm quyền giải quyết đối với các vụ việc tố cáo tiếp, xác định các trường hợp cấp trên giải quyết vụ việc tố cáo khi nào, giải quyết lại vụ việc tố cáo khi nào, khi nào cấp dưới vẫn phải giải quyết vụ việc tố cáo. Việc quy định rõ thẩm quyền giải quyết đối với vụ việc tố cáo tiếp trong từng trường hợp cụ thể sẽ giúp các cơ quan xác định thẩm quyền trong quá trình xử lý đối với đơn tố cáo tiếp. Căn cứ để giải quyết lại vụ việc tố cáo tiếp được quy định cụ thể hơn. Qua đó, giúp cá nhân thực hiện quyền tố cáo của mình một cách thuận lợi hơn, bên cạnh đó các cơ quan có thẩm quyền có thể áp dụng thống nhất các quy định của pháp luật khi giải quyết vụ việc tố cáo tiếp.

Một số đề xuất, kiến nghị

Để đảm bảo quyền tố cáo tiếp của công dân, đảm bảo hiệu quả công tác giải quyết tố cáo tiếp của người có thẩm quyền, qua đó đảm bảo tính khả thi của các quy định về giải quyết tố cáo tiếp. Trong quá trình nghiên cứu, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật về tố cáo nói chung và tố cáo tiếp nói riêng, cần lưu ý một số vấn đề sau:

Về thực hiện quyền tố cáo tiếp

Hiện nay, Luật Tố cáo 2018 chỉ quy định cho cá nhân có quyền tố cáo tiếp khi có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo là không đúng pháp luật hoặc quá thời hạn quy định mà tố cáo không được giải quyết. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể cá nhân thực hiện quyền tố cáo tiếp như thế nào. Do đó, cần có những quy định cụ thể hơn, ví dụ như đơn tố cáo tiếp phải có những nội dung gì, những tài liệu, bằng chứng kèm theo đơn tố cáo tiếp (như kết luận nội dung tố cáo của người có thẩm quyền giải quyết tố cáo, những căn cứ thể hiện việc giải quyết tố cáo không đúng pháp luật, hoặc chứng cứ thể hiện việc chưa giải quyết xong vụ việc tố cáo mặc dù đã quá thời hạn giải quyết...).

Về trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo tiếp

Pháp luật tố cáo hiện hành không có sự khác nhau giữa trình tự thủ tục giải quyết tố cáo tiếp, với trình tự thủ tục giải quyết tố cáo thông thường. Trong khi đó, giải quyết tố cáo và giải quyết tố cáo tiếp có những điểm khác nhau rất căn bản về thẩm quyền giải quyết, căn cứ pháp lý để giải quyết… do vậy, cần có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo tiếp riêng. Đặc biệt, trong trường hợp giải quyết lại vụ việc tố cáo, thẩm quyền giải quyết vụ việc là thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người đã giải quyết tố cáo. Do đó, cần có quy định cụ thể về việc thủ trưởng cấp trên giao vụ việc xác minh cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nào, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao xác minh vụ việc tố cáo tiếp, trách nhiệm chuyển hồ sơ vụ việc giải quyết tố cáo của người đã giải quyết tố cáo, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan có liên quan trong việc cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ... Tất cả các vấn đề đó cần được quy định cụ thể, làm cơ sở cho việc tổ chức thực hiện công tác này.

Về chế tài xử lý đối với người tố cáo tiếp cố tình tố cáo sai sự thật, tố cáo nhiều lần và chế tài xử lý đối với các vi phạm

pháp luật trong quá trình giải quyết tố cáo tiếp

Hiện nay, trên thực tế, một số địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị vẫn còn tình trạng mặc dù vụ việc tố cáo đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết đúng pháp luật, nhưng người tố cáo vẫn cố tình tố cáo tiếp, tố cáo tràn lan, nhiều lần, sai sự thật, làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác. Tuy nhiên, cá nhân tố cáo nhiều lần, sai sự thật thì chưa có chế tài xử lý hành chính, dẫn đến khó khăn cho các cơ quan hành chính trong việc xử lý đối với các cá nhân thực hiện hành vi đó. Do vậy, cần bổ sung các chế tài xử lý hành chính đối với những cá nhân thực hiện hành vi này, nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, hạn chế tình trạng tố cáo tràn lan, vượt cấp, nhiều lần, sai sự thật, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Bên cạnh đó, các hành vi vi phạm khác cũng cần bổ sung các quy định xác định chế tài xử lý như: Xử lý đối với các hành vi cố tình không xử lý đơn tố cáo tiếp, cố ý bỏ qua các bằng chứng, bỏ lọt thông tin, tài liệu, làm mất hoặc làm sai lệch hồ sơ, tài liệu trong quá trình xác minh nội dung vụ việc tố cáo, bao che cho người bị tố cáo.

Trên đây là một số vấn đề từ thực trạng quy định của pháp luật đến thực tiễn thực hiện các quy định pháp luật về tố cáo tiếp. Trên cơ sở các đề xuất kiến nghị từ góc độ của những người làm thực tiễn, pháp luật về tố cáo nói chung và tố cáo tiếp nói riêng cần sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện cho phù hợp với yêu cầu từ thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác giải quyết tố cáo trong thời gian tới./.

Bàn về thanh tra, kiểm tra trách nhiệm trong quản lý

Ths. Giảng viên Đào Minh Tuân

Trường Cán bộ quản lý giao thông vận tải

Chiều 06/9/2019, tại trụ sở UBND tỉnh Đồng Nai, Phó Tổng Thanh tra Chính phủ Đặng Công Huẩn đã chủ trì công bố Quyết định thanh tra nhiều nội dung được dư luận quan tâm, liên quan đến công tác quản lý Nhà nước của UBND tỉnh. *Ảnh: PV*

Thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân là những nội dung được đề cập thường xuyên trong quản lý Nhà nước và trong đời sống, xã hội. Đó cũng là những thuật ngữ pháp lý liên quan đến việc hình thành, thực hiện cơ chế quản lý, điều hành của bất kỳ một cơ quan, tổ chức nào.

Trong thực tiễn quản lý và đời sống xã hội, trách nhiệm có thể được tiếp cận từ nhiều khía cạnh. Trong đó, tiếp cận từ phương diện quản lý, người ta chủ yếu đề cập đến các chế độ trách nhiệm khác nhau:

Một là, trách nhiệm của thủ trưởng hay trách nhiệm của cá nhân người đứng đầu là xác định vai trò, vị trí của người lãnh đạo, quản lý trong tổ chức với tư cách người đứng đầu, người

chịu trách nhiệm trước cấp trên, trước pháp luật.

Hai là, trách nhiệm của tập thể. Chế độ tập thể lãnh đạo, trách nhiệm của tập thể, xác lập vai trò của tập thể trong việc ra quyết định. Chế độ trách nhiệm tập thể thể hiện sự thống nhất trong ý chí, quyết định sau khi thảo luận, bàn bạc chung trước những vấn đề thuộc về chủ trương, đường lối, nguyên tắc hoặc những vấn đề cụ thể quan trọng.

Tuy nhiên, dù chế độ lãnh đạo, quản lý nào cũng cần xác lập vai trò, trách nhiệm người đứng đầu. Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc gián tiếp trong lãnh đạo, quản lý. Bởi thế, việc thanh tra, kiểm tra, đánh giá trách nhiệm người đứng đầu là yếu tố quan trọng, quyết định đối với nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý.

Về trách nhiệm công vụ và đánh giá trách nhiệm người đứng đầu

Hoạt động quản lý Nhà nước là hoạt động nhân danh quyền lực Nhà nước, liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao. Trong đó bao gồm cả các yếu tố về quyền và nghĩa vụ đã được pháp luật quy định, là phần việc, phận sự phải thực hiện, nếu không sẽ phải gánh chịu hậu quả nhất định.

Pháp luật có những quy định cụ thể về chế độ quản lý và chế độ trách nhiệm đối với mỗi chủ thể quản lý được Nhà nước trao quyền. Trong đó có chế độ tập thể và trách nhiệm tập thể; chế độ người đứng đầu và trách nhiệm của người đứng đầu.

Trách nhiệm công vụ là một phạm trù có tính pháp lý và chính trị. Đánh giá việc thực hiện trách nhiệm công vụ phải thông qua công tác thanh tra, kiểm tra của cấp có thẩm quyền. Việc thực thi nhiệm vụ và chống tiêu cực, phiền hà trong thực thi công vụ của cơ quan, đơn vị phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó yếu tố trách nhiệm người đứng đầu có vai trò quan trọng, quyết định.

Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm người đứng đầu là một phương thức để nâng cao nhận thức và làm thay đổi ý thức, thái độ, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong quản lý.

Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm là việc cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền tiến hành theo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhằm xem xét, đánh giá, kết luận những vấn đề về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị và vai trò lãnh đạo, quản lý của thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện pháp luật, thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao.

Về chế độ trách nhiệm người đứng đầu

Chế độ trách nhiệm người đứng đầu, được quy định trong nhiều loại hình văn bản pháp luật, bao gồm 10 điểm chính như sau:

1. Chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý.

2. Gương mẫu và nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của cấp trên; tổ chức, điều hành cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, có chất lượng và đúng thời hạn được giao; quyết định chủ trương, giải pháp cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về quyết định đó.

3. Ban hành hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật bảo đảm tính hợp pháp của văn bản (bao gồm: Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản cá biệt, chỉ đạo, điều hành, quy chế, điều lệ, quy định áp dụng trong nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý).

4. Căn cứ các quy định về phân công, phân cấp và nhiệm vụ, quyền hạn được giao, ban hành văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cấp phó, các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấu thành hoặc từng cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền; không để tình trạng chồng chéo, trùng lắp về nhiệm vụ hoặc trách nhiệm không rõ ràng; bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và đúng pháp luật.

5. Tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, nâng lương, cử dự thi nâng ngạch, quyết định nâng ngạch, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

6. Quản lý, sử dụng có hiệu quả tài sản công được giao; phòng, chống cháy nổ và bảo đảm an toàn lao động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị. Khi sử dụng các nguồn tài chính, các tài sản, trang thiết bị phải thực hiện đúng chế độ, chính sách và đúng quy định của pháp luật; quản lý, kiểm tra thường xuyên, không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, hư hỏng, mất mát, thất thoát.

7. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về văn hóa công sở; không để xảy ra tình trạng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý có thái độ hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà cho công dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

8. Tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước; về phát ngôn, khai thác, quản lý và sử dụng mạng Internet trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

10. Các chế độ trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.[1]

Để bảo đảm cho người đứng đầu thực hiện nhiệm vụ công vụ, pháp luật quy định trách nhiệm của cấp có thẩm quyền bổ nhiệm hoặc phân công nhiệm vụ cho người đứng đầu như sau:

1. Cấp có thẩm quyền khi quyết định bổ nhiệm hoặc phân công nhiệm vụ cho người đứng đầu phải quy định rõ quyền hạn, nhiệm vụ của người được bổ nhiệm vào vị trí người đứng đầu theo nguyên tắc:

a) Quyền hạn của người đứng đầu phải tương xứng với chức trách và nhiệm vụ được giao;

b) Quyền hạn, chức trách và nhiệm vụ giao cho người đứng đầu phải rõ ràng, cụ thể.

2. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm hoặc phân công nhiệm vụ cho người đứng đầu phải có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện về nguồn nhân lực, tài chính, trang thiết bị, thời gian cho người đứng đầu để thực hiện chức trách, quyền hạn và nhiệm vụ được giao.(2)

Thẩm quyền tiến hành thanh tra, kiểm tra trách nhiệm người đứng đầu

Từ các quy định của pháp luật về chế độ trách nhiệm và phân cấp trong quản lý của các cơ quan, tổ chức, xác định thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, trách nhiệm của cấp trên đối với cấp dưới, của các cơ quan quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực. Cụ thể:

Một là, thủ trưởng cơ quan hành chính Nhà nước cấp trên có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra trách nhiệm trong chấp hành pháp luật và thực hiện nhiệm vụ được giao đối với cấp dưới, các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của mình.

Hai là, cơ quan chuyên môn cùng cấp tham mưu, giúp thủ trưởng cơ quan hành chính Nhà nước cùng cấp về thanh tra, kiểm tra trách nhiệm đối với cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của cơ quan hành chính Nhà nước.

Ba là, Thanh tra Chính phủ và các cơ quan thanh tra Nhà nước là cơ quan quản lý Nhà nước theo thẩm quyền về thanh tra, kiểm tra trách nhiệm trong quản lý.

Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi là thủ trưởng) là người được cơ quan có thẩm quyền giao cho trách nhiệm (thường thông qua hình thức bổ nhiệm) đứng đầu một cơ quan, tổ chức, đơn vị. Mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ được pháp luật xác định trong các văn bản pháp luật. Người đứng đầu có trách nhiệm chỉ đạo điều hành cơ quan đó nhằm thực hiện chức năng nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị này.

Trên cơ sở nguyên tắc chung, mỗi cơ quan quản lý Nhà nước chịu trách nhiệm quản lý trong phạm vi hành chính hoặc ngành, lĩnh vực nhất định. Phạm vi quản lý phụ thuộc vào cấp độ của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị (trung ương hay địa phương; ngành hay lĩnh vực).

Cụ thể, bộ là cơ quan của Chính phủ, chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực trên phạm vi cả nước. Bộ quản lý theo chế độ thủ trưởng, Bộ trưởng là người đứng đầu, người chịu trách nhiệm pháp lý và đề cao trách nhiệm chính trị đối với quản lý ngành, lĩnh vực.

Đối với một lĩnh vực cụ thể, nhạy cảm và được toàn xã hội quan tâm sâu sắc như phòng, chống tham nhũng, Chính phủ ta xác định: Phòng, chống tham nhũng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp, nhấn mạnh trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đề cao vai trò của xã hội, các tổ chức đoàn thể và quần chúng nhân dân.(3)

Công tác phòng, chống tham nhũng là một nhiệm vụ phức tạp, nhạy cảm, cam go đòi hỏi sự nỗ lực và trách nhiệm cao của cơ quan, tổ chức và xã hội. Trong đó, đặc biệt đề cao trách nhiệm của người đứng đầu. Người đứng đầu cơ quan Nhà nước chính là người chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng trong phạm vi cơ quan tổ, chức, đơn vị mình.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 có những quy định cụ thể về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp và của người đứng đầu cơ quan Nhà nước trong phòng, chống tham nhũng.

Thứ nhất, về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước trong phòng, chống tham nhũng, Điều 4 của Luật này quy định như sau:

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm:

a) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; kịp thời phát hiện, xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình; thực hiện quy định khác của pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

b) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người phản ánh, báo cáo, tố cáo, tố giác, báo tin, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng;

c) Tiếp nhận, xử lý kịp thời phản ánh, báo cáo, tố cáo, tố giác, tin báo về hành vi tham nhũng;

d) Kịp thời cung cấp thông tin và thực hiện yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong quá trình phát hiện, xử lý tham nhũng.

2. Doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; kịp thời phát hiện, phản ánh và phối hợp với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để ngăn chặn, xử lý tham nhũng xảy ra trong doanh nghiệp, tổ chức mình theo quy định của pháp luật và điều lệ, quy chế, quy định của doanh nghiệp, tổ chức;

b) Kịp thời cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng của người có chức vụ, quyền hạn và phối hợp với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để ngăn chặn, xử lý tham nhũng.(4)

Thứ hai, về trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước, tại Điều 55 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định:

1. Người đứng đầu cơ quan quản lý Nhà nước có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý tham nhũng.

2. Khi phát hiện có hành vi tham nhũng, người đứng đầu cơ quan quản lý Nhà nước phải kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.(5)

Thứ ba, về trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Điều 56, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định:

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm chủ động tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người có chức vụ, quyền hạn do mình quản lý mà thường xuyên, trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý tham nhũng.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm thường xuyên đôn đốc đơn vị trực thuộc kiểm tra người có chức vụ, quyền hạn do mình quản lý trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

3. Khi phát hiện có hành vi tham nhũng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.(6)

Thứ tư, về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng, Điều 70, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định:

1. Chỉ đạo việc thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật này.

2. Gương mẫu, liêm khiết; chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh.

3. Chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách theo quy định tại Điều 72 và Điều 73 của Luật này.(7)

Thứ năm, về trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách, Điều 72, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định:

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng của người do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ.

2. Cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng trong lĩnh vực công tác và trong đơn vị do mình được giao trực tiếp phụ trách; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm liên đới.(8)

Thứ sáu, về xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách, Điều 73, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định cụ thể như sau:

1. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng quy định tại Điều 72 của Luật này thì bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm liên đới khi để xảy ra tham nhũng quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật này thì bị xử lý kỷ luật.

3. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được xem xét loại trừ, miễn, giảm hoặc bị tăng trách nhiệm pháp lý trong các trường hợp sau đây:

a) Được xem xét loại trừ trách nhiệm trong trường hợp không thể biết hoặc đã áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng;

b) Được xem xét miễn hoặc giảm trách nhiệm trong trường hợp đã áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng hoặc đã chủ động, kịp thời phát hiện, báo cáo và xử lý tham nhũng theo quy định của pháp luật;

c) Được xem xét miễn hoặc giảm hình thức kỷ luật nếu chủ động xin từ chức trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý, trừ trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Bị xem xét tăng trách nhiệm trong trường hợp phát hiện hành vi tham nhũng mà không áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng hoặc không kịp thời báo cáo, xử lý tham nhũng theo quy định của pháp luật.

4. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu trong tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội để xảy ra tham nhũng trong tổ chức mình ngoài việc bị xử lý theo quy định của Điều này còn bị xử lý theo điều lệ, quy chế, quy định của tổ chức đó.(9)

Để nâng cao chất lượng thực thi công vụ thông qua đánh giá trách nhiệm người đứng đầu, thiết nghĩ, trước hết cần phân công, phân cấp rõ ràng; quy định cụ thể, rành mạch theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cấp quản lý, khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống trong hoạt động quản lý. Đặc biệt, phân định cho rõ phạm vi, giới hạn quản lý, quyết định của tập thể, cá nhân. Bên cạnh đó, cần quy định cụ thể chức trách, nhiệm vụ của từng vị trí trong quản lý, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị. Trong đó, cần đề cao trách nhiệm giải trình của cán bộ, công chức, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý; hoàn thiện chế độ pháp lý và cơ chế thích hợp cho việc "chấm điểm" "đánh giá" và "miễn nhiệm, bãi nhiệm", "từ chức" của người đứng đầu khi không làm tròn trách nhiệm./.

Chú thích:

(1) Điều 7, Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2007 quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ;

(2) Điều 8, Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2007 quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan,tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ;

(3) Chiến lược Quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020;

(4) Điều 4, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

(5) Điều 55, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

(6) Điều 56, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

(7) Điều 70, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

(8) Điều 72, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

(9) Điều 73, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

Hoàn thiện Dự thảo Thông tư Quy định về tổ chức và hoạt động của Đoàn thanh tra

Ths. Dương Văn Quý

Phân hiệu Trường Đại học Luật Hà Nội tại tỉnh Đắk Lắk

Thời gian qua, hoạt động thanh tra chuyên ngành được tăng cường và đạt nhiều kết quả tích cực(1). Tuy nhiên, công tác quản lý Nhà nước về hoạt động thanh tra chưa được hiệu quả(2). Do vậy, xây dựng và hoàn thiện chế chế về công tác thanh tra là một trong những nhiệm vụ để đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra của ngành Thanh tra trong năm 2020(3). Bên cạnh đó, Đoàn thanh tra là một tổ chức thanh tra được thành lập nhằm thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành(4). Bởi vậy, hoàn thiện thể chế về tổ chức và hoạt động của Đoàn thanh tra là một việc làm cấp thiết hiện nay. Trong phạm vi bài viết này, tác giả đưa ra những đánh giá, phân tích, kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện Dự thảo Thông tư quy định về tổ chức và hoạt động của Đoàn thanh tra do Thanh tra Chính phủ chủ trì thực hiện(5) (sau đây gọi tắt là Dự thảo).

Ngày 13/1/2020, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình tới dự và phát biểu chỉ đạo Hội nghị trực tuyến tổng kết công tác năm 2019 và triển khai nhiệm vụ công tác ngành Thanh tra năm 2020. *Ảnh: PV*

Thứ nhất, về tổ chức Đoàn thanh tra

Điều 5 Dự thảo quy định về thành phần Đoàn thanh tra: *"Đoàn thanh tra có Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra. Trưởng đoàn thanh tra là người đứng đầu Đoàn thanh tra, có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo các thành viên Đoàn thanh tra thực hiện đúng nội dung thanh tra theo quyết định thanh tra và kế hoạch tiến hành thanh tra. Trường hợp cần thiết, Đoàn thanh tra có Phó Trưởng đoàn thanh tra. Phó Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm giúp Trưởng đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ được giao, phụ trách một số hoạt động của Đoàn thanh tra khi được Trưởng đoàn thanh tra giao. Thành viên Đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng đoàn thanh tra".*(6)

Theo Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành (Nghị định số 07), không phải bất cứ Đoàn thanh tra nào cũng phải có Phó Trưởng đoàn thanh tra. Nghị định trên cũng không quy định cụ thể trong trường hợp nào thì Đoàn thanh tra có Phó Trưởng đoàn thanh tra mà chỉ quy định mang tính chung chung là trong trường hợp cần thiết. Do đó, nhiệm vụ của Dự thảo Thông tư này là phải quy định chi tiết, cụ thể những trường hợp nào là cần thiết để Đoàn thanh tra có thêm Phó Trưởng đoàn thanh tra, qua đó có cơ sở pháp lý rõ ràng, minh bạch để áp dụng pháp luật trong thực tiễn. Tuy nhiên, Điều 5 Dự thảo lại chưa giải quyết được vấn đề này. Vì vậy, để hoàn thiện quy định này của Dự thảo, tác giả đề xuất nội dung: phân công một Phó Trưởng đoàn thanh tra giúp Trưởng đoàn thanh tra khi tiến hành thanh tra đột xuất(7).

Điều 6 Dự thảo quy định việc đề xuất người tham gia Đoàn thanh tra được thực hiện như sau: "*Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì tiến hành thanh tra có trách nhiệm đề xuất người có trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của cuộc thanh tra làm Trưởng đoàn thanh tra, Phó Trưởng đoàn thanh tra và số lượng, thành viên tham gia Đoàn thanh tra để người ra quyết định thanh tra xem xét, quyết định. Khi đề xuất phải thông báo, trao đổi với người được dự kiến đề xuất làm Trưởng đoàn, thành viên Đoàn thanh tra*". Đây là Dự thảo quy định về tổ chức và hoạt động của Đoàn thanh tra trong hoạt động thanh tra chuyên ngành của thanh tra Nhà nước. Hoạt động thanh tra chuyên ngành do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chủ trì tiến hành[8]. Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động thanh tra[9]. Nếu chúng ta sử dụng thuật ngữ tổ chức, đơn vị tại Điều 6 của Dự thảo thì tác giả cho rằng sẽ gây khó hiểu, không rõ ràng, dễ nhầm lẫn và không chính xác. Tác giả đề xuất Điều 6 của Dự thảo được chỉnh sửa lại như sau: "*Thủ trưởng cơ quan Nhà nước được giao nhiệm vụ chủ trì tiến hành thanh tra có trách nhiệm đề xuất thành phần tham gia Đoàn thanh tra để người ra quyết định thanh tra xem xét, quyết định. Khi đề xuất phải thông báo, trao đổi với người được dự kiến đề xuất làm thành phần Đoàn thanh tra*".

Tương tự, tại Điều 7 của Dự thảo quy định về tiêu chuẩn của Trưởng đoàn thanh tra, tác giả cũng đề nghị không cần thiết quy định tiêu chuẩn chung như Khoản 1 của Dự thảo. Bởi vì, theo Khoản 2 Điều 7 Dự thảo, quy định tiêu chuẩn cụ thể của Trưởng đoàn thanh tra, thì người được dự kiến làm Trưởng đoàn thanh tra phải có tiêu chuẩn tối thiểu từ Thanh tra viên trở lên. Trong khi đó, tiêu chuẩn chung của Thanh tra viên đã được quy định cụ thể[10]. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn chung như quy định của Khoản 1 Điều 7 Dự thảo, mang tính chung chung, tính định tính chứ không có định lượng cụ thể. Điều đó không đáp ứng yêu cầu của một quy định chi tiết của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Ngoài ra, tùy từng lĩnh vực cụ thể, từng ngạch thanh tra cũng đã có tiêu chuẩn riêng cho Thanh tra viên. Cho nên, theo tác giả, Điều 7 Dự thảo chỉ cần quy định như Khoản 2 là đầy đủ và không cần thiết quy định thêm Khoản 1.

Thứ hai, về chuẩn bị tiến hành thanh tra

Hiện nay, thẩm quyền ra quyết định thanh tra chuyên ngành bao gồm những chủ thể sau: Chánh Thanh tra bộ, Chánh Thanh tra sở, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra để thực hiện quyết định thanh tra. Khi xét thấy cần thiết, Bộ trưởng, Giám đốc sở ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra[11]. Như vậy, không phải mọi trường hợp, Thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước đều có thẩm quyền ra quyết định thanh tra. Điều đó có nghĩa là, người có thẩm quyền ra quyết định thanh tra không phải luôn luôn là Thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước. Trong khi đó, đối tượng thanh tra có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của người ra quyết định thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành, cộng tác viên thanh tra, thành viên khác của Đoàn thanh tra[12]. Theo đó, đối tượng thanh tra không có nghĩa vụ phải cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước. Luật Thanh tra năm 2010 có sự phân biệt giữa người có thẩm quyền ra quyết định thanh tra và người ra quyết định thanh tra[13]. Đây là hai chủ thể thuộc hai giai đoạn khác nhau, một người là trước khi hoạt động thanh tra phát sinh và một người là sau khi hoạt động thanh tra đã phát sinh. Do đó, nhiệm vụ, quyền hạn của những chủ thể đó cũng khác nhau. Tác giả kiến nghị bỏ quy định như Điều 11 của Dự thảo. Tác giả ủng hộ quan điểm đối tượng thanh tra nên trao đổi thông tin, tài liệu có liên quan đến vấn đề dự kiến tiến hành thanh tra với Thủ trưởng cơ quan chủ trì tiến hành hoạt động thanh tra trong trường hợp cần thiết khi chưa ra quyết định thanh tra. Đó sẽ là nguồn thông tin quý giá để việc xem xét hoạt động thanh tra được thuận lợi, kịp thời, nhanh chóng, không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan. Ngoài ra, đó cũng là dịp để giữa hai bên có cơ hội trao đổi, giải đáp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách, pháp luật. Từ đó, có thể giảm thiểu những hoạt động thanh tra không cần thiết, gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của tất cả các bên. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật về hoạt động thanh tra chuyên ngành chưa quy định vấn đề đó. Luật Thanh tra được ban hành năm 2010, Nghị định số 07 đã ban hành từ năm 2012 bên cạnh những kết quả tích cực góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước thì nó cũng xuất hiện nhiều bất cập, hạn chế. Do đó, trong thời gian tới, tác giả kiến nghị đẩy nhanh việc hoàn thiện thể chế về thanh tra, đáp ứng sự phát triển không ngừng mọi mặt của đất nước.

Ngoài ra, tác giả thấy, các Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16 và Điều 17 của Dự thảo về cơ bản được quy định lặp lại nội dung của các Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21 và Điều 22 của Nghị định số 07. Do đó, tác giả kiến nghị bỏ các quy định trên của Dự thảo để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Bên cạnh đó, nội dung của các điều trên trong Nghị định số 07, theo tác giả cũng đã rõ ràng, cụ thể, chi tiết. Do đó, tác giả đề xuất, chúng ta xây dựng một điều trong Dự thảo quy định về công việc chuẩn bị tiến hành thanh tra,

Tại Hội nghị trực tuyến tổng kết công tác năm 2019 và triển khai nhiệm vụ công tác ngành Thanh tra năm 2020, Tổng Thanh tra Chính phủ trao cờ thi đua cho 15 tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. *Ảnh: PV*

như sau: *"Điều 11. Chuẩn bị tiến hành thanh tra: 1. Căn cứ quy định tại Điều 38 của Luật Thanh tra, Thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước, Thủ trưởng cơ quan thanh tra Nhà nước, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành ra quyết định thanh tra theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này. 2. Xây dựng, phê duyệt kế hoạch tiến hành thanh tra theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này. 3. Phổ biến kế hoạch tiến hành thanh tra. 4. Xây dựng đề cương yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo. 6. Thông báo về việc công bố quyết định thanh tra".*

Thứ ba, xử lý vi phạm của Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra

Việc các chủ thể tiến hành hoạt động thanh tra đúng pháp luật, hiệu quả sẽ giúp phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật; giúp cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy định của pháp luật; phát huy nhân tố tích cực; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý Nhà nước; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, trong quá trình tiến hành hoạt động thanh tra, thường tiềm ẩn rất nhiều nguy cơ khác nhau như lạm quyền, tham nhũng… làm ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, cũng như làm xói mòn niềm tin, uy tín của những chủ thể tiến hành hoạt động thanh tra.

Vì vậy, để quyền lực Nhà nước được sử dụng hiệu lực, hiệu quả, cũng như tạo dựng lòng tin, uy tín của ngành Thanh tra trước nhân dân, thì việc xử lý vi phạm một cách nghiêm minh, công bằng, khách quan, kịp thời đối với những người có hành vi vi phạm pháp luật là một việc làm hết sức cần thiết. Tác giả rất ủng hộ tinh thần quy định rõ, cụ thể trách nhiệm pháp lý của Dự thảo đối với hành vi vi phạm của Trưởng đoàn thanh tra và thành viên Đoàn thanh tra, điều mà Luật Thanh tra năm 2010 và Nghị định số 07 chưa có quy định cụ thể. Tuy nhiên, theo tác giả, quy định tại Điều 50 của Dự thảo lại chưa hoàn toàn giải quyết triệt để được vấn đề, thậm chí lại chưa phù hợp với những quy định có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Theo quy định của pháp luật hiện hành, Thanh tra viên là công chức, sỹ quan Quân đội nhân dân, sỹ quan Công an nhân dân được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra và các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Thủ trưởng cơ quan thanh tra Nhà nước[14]. Đối với công chức, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong những hình thức kỷ luật sau đây: Khiển trách; cảnh cáo; hạ bậc lương; giáng chức; cách chức; buộc thôi việc[15].

Tuy nhiên, trong các hình thức kỷ luật đưa ra tại Điều 50 của Dự thảo lại không có hình thức kỷ luật: Buộc thôi việc. Ngoài ra, Dự thảo cũng liệt kê 7 hành vi vi phạm pháp luật mà Trưởng đoàn thanh tra và thành viên Đoàn thanh tra có thể vi phạm. Trong khi đó, những hành vi này đã được quy định tại Điều 13 Luật Thanh tra năm 2010. Quy định kiểu liệt kê như Dự thảo, tưởng chừng là cụ thể, đầy đủ, nhưng thực ra lại không thể đầy đủ được. Bởi vì, trong thực tế có thể xảy ra nhiều hành vi vi phạm khác mà chúng ta chưa dự liệu hết được. Theo tác giả, Dự thảo nên quy định những nguyên tắc chung của xử lý vi phạm của Trưởng đoàn thanh tra và thành viên Đoàn thanh tra. Vấn đề đánh giá tính chất, mức độ vi phạm, chúng ta nên để pháp luật

chuyên ngành về xử lý vi phạm quy định. Bởi vì, đây là Dự thảo Thông tư quy định về tổ chức và hoạt động của Đoàn thanh tra./.

Chú thích:

(1). Báo cáo tổng kết công tác năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu năm 2020 của ngành Thanh tra ngày 13 tháng 01 năm 2020, Thanh tra Chính phủ, tr.11;

(2). Báo cáo tổng kết công tác năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu năm 2020 của ngành Thanh tra ngày 13 tháng 01 năm 2020, Thanh tra Chính phủ, tr.13;

(3). Báo cáo tổng kết công tác năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu năm 2020 của ngành Thanh tra ngày 13 tháng 01 năm 2020, Thanh tra Chính phủ, tr.18;

(4). Khoản 1, Điều 51 Luật Thanh tra năm 2010;

(5), (6). Dự thảo Thông tư Quy định về tổ chức và hoạt động của Đoàn thanh tra được đăng trên Cổng thông tin điện tử Thanh tra Chính phủ từ ngày 18 tháng 02 năm 2020;

(7). Điều 15, Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành;

(8). Khoản 3, Điều 3 Luật Thanh tra năm 2010. Cụ thể, các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành được quy định tại Mục 1, Chương II, Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành;

(9). Điều 8 Luật Thanh tra năm 2010;

(10). Khoản 1, Điều 32 Luật Thanh tra năm 2010;

(11). Khoản 1, Điều 51 Luật Thanh tra năm 2010;

(12). Khoản 2, Điều 58 Luật Thanh tra năm 2010;

(13). Xem Điều 51 và Điều 55 Luật Thanh tra năm 2010;

(14). Điều 5 Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21/10/2011 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2014/NĐ-CP về thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra;

(15). Điều 79 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2019.

Tài liệu tham khảo

1. Luật Thanh tra năm 2010;

2. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

3. Luật Cán bộ, công chức năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2019;

4. Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2011 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2014/NĐ-CP về thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra;

5. Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành;

6. Báo cáo tổng kết công tác năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu năm 2020 của ngành Thanh tra ngày 13 tháng 01 năm 2020, Thanh tra Chính phủ;

7. Trần Thái Dương, Trần Thị Thanh Mai (2019), "Kiểm soát các nghị định của Chính phủ quy định chi tiết Luật Nhà ở bảo đảm quyền về chỗ ở, nhà ở", Tạp chí Luật học.

LÀNG SEN QUÊ BÁC

Kỷ niệm ngày sinh nhật Bác Hồ 19/5

Đơn sơ nhà Bác nơi đây
Mái tranh, vách nứa cỏ cây trước thềm
Tre xanh thả bóng êm đềm
Cau nghiêng tán lá, xoan mềm gió đưa

Chiếc bàn con thủa ấu thơ
Câu thơ trang vở Bác chờ trăng lên
Nghe câu ví dặm tròn đêm
Ru lòng Bác giữa ấm êm quê nhà

Bồi hồi nhớ Bác ngày xa
Làng Sen trưa hạ la đà hương bay!

Lê Hoài Minh

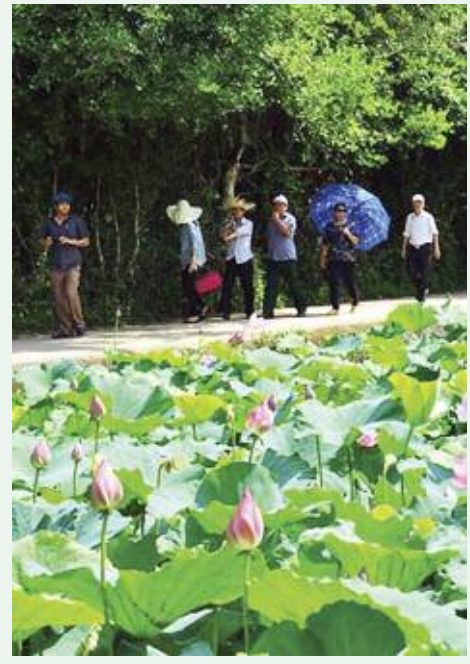

Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong xây dựng Chính phủ điện tử ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

TS. Nguyễn Xuân Văn
Học viện Cảnh sát nhân dân

Trong giai đoạn hiện nay, việc xây dựng Chính phủ điện tử ở Việt Nam đang được tiến hành một cách mạnh mẽ, toàn diện và bước đầu thu được những kết quả thuận lợi, khả quan. Để xây dựng và hoàn thiện Chính phủ điện tử theo yêu cầu mới, đòi hỏi phải tăng cường và đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Bài viết góp phần làm rõ thực trạng và đưa ra các giải pháp nhằm đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xây dựng Chính phủ điện tử ở Việt Nam trong thời gian tới.

Trí tuệ nhân tạo (AI: Artificial Intelligence) được hiểu là trí tuệ của máy móc được tạo ra bởi con người. Trí tuệ này có thể tư duy, suy nghĩ, học hỏi... như trí tuệ con người. Xử lý dữ liệu ở mức rộng lớn hơn, quy mô hơn, hệ thống, khoa học và nhanh hơn so với con người.

Chính phủ Điện tử (e-Government) là ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) để các cơ quan của Chính quyền từ Trung ương và địa phương đổi mới, làm việc có hiệu lực, hiệu quả và minh bạch hơn; cung cấp thông tin, dịch vụ tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp và các tổ chức, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân thực hiện quyền dân chủ và tham gia quản lý Nhà nước.

Thực tiễn ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xây dựng Chính phủ điện tử

Từ năm 2000, Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm, coi trọng phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước, xác định đây là động lực góp phần thúc đẩy công cuộc đổi mới tạo khả năng đi tắt, đón đầu để thực hiện thắng lợi công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Năm 2014, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW về đẩy mạnh ứng

dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế với quan điểm: *"Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực, song có trọng tâm, trọng điểm. Ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, cung cấp dịch vụ công, trước hết là trong lĩnh vực liên quan tới doanh nghiệp, người dân như giáo dục, y tế, giao thông, nông nghiệp…"*[1]. Nghị quyết đã xác định mục tiêu cụ thể đến năm 2020 *"triển khai có hiệu quả chương trình cải cách hành chính, gắn kết chặt chẽ với việc xây dựng Chính phủ điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ cao và trong nhiều lĩnh vực"*.

Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, năm 2015, Chính phủ đã có Nghị quyết đầu tiên tập trung về Chính phủ điện tử nhằm *"đẩy mạnh phát triển Chính phủ điện tử, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan Nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Nâng vị trí của Việt Nam về Chính phủ điện tử theo xếp hạng của Liên Hợp Quốc. Công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng"*[2].

Dưới sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, thời gian qua, việc triển khai Chính phủ điện tử đã phát huy được tính tập trung, thống nhất trong chỉ đạo, triển khai, nâng cao nhận thức của các cơ quan trong việc thực hiện, huy động được sự vào cuộc của khu vực tư nhân và những chuyên gia Việt Nam giỏi trong nước và quốc tế. Những định hướng trong triển khai Chính phủ điện tử được các tổ chức, chuyên gia quốc tế đánh giá là đúng hướng và phù hợp với xu hướng phát triển trên thế giới hiện nay.

Các hệ thống nền tảng Chính phủ điện tử được nhìn nhận một cách tổng thể và đã triển khai hoặc tiến hành thử nghiệm một số hệ thống nền tảng. Các hệ thống triển khai đều đóng vai trò quan trọng trong hiện đại hóa các hoạt động quản lý Nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp và nhận được sự ủng hộ, tham gia tích cực của các bộ, ngành, địa phương cũng như nhận được sự ghi nhận của người dân và doanh nghiệp.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai Chính phủ điện tử còn một số tồn tại, hạn chế. Cụ thể, hệ thống nền tảng kết nối, liên thông, tích hợp chia sẻ dữ liệu (NGSP) triển khai chậm, các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu điện tử (LGSP) tại các bộ, ngành, địa phương chưa hoàn thành. Một số cơ sở dữ liệu quốc gia quan trọng trong xây dựng Chính phủ điện tử như: Dân cư, đất đai, tài chính còn chậm triển khai dẫn đến việc chia sẻ, dùng chung các hệ thống thông tin chưa được thực hiện, làm ảnh hưởng đến triển khai Chính phủ điện tử. Việc xử lý, trao đổi, gửi nhận văn bản điện tử trong nội bộ và giữa các cơ quan nhà nước còn chưa phát huy được hiệu quả; hệ thống quản lý văn bản và điều hành của một số bộ, ngành, địa phương khác nhau.

Dịch vụ công trực tuyến được thiết kế riêng lẻ, rời rạc, chưa thân thiện, chưa lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm. Mặc dù số lượng dịch vụ công mức 3, mức 4 triển khai tại các bộ, ngành, địa phương ngày càng tăng, tuy nhiên số lượng hồ sơ trực tuyến theo từng dịch vụ rất thấp, thậm chí nhiều dịch vụ không phát sinh hồ sơ trực tuyến. Quy trình giải quyết thủ tục hành chính chưa bảo đảm tính khoa học, tạo gánh nặng cho cán bộ công chức.

Ngân sách đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống thông tin gắn với cải cách hành chính vẫn còn hạn chế, cơ chế đầu tư tài chính chậm sửa đổi nên chưa đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa nền hành chính, chưa đủ để tạo ra đòn bẩy nâng cao hiệu quả điều hành của Chính phủ, cũng như tăng chất lượng dịch vụ công.

Nguyên nhân chủ yếu của vấn đề trên là do nhiều cấp, nhiều ngành chưa xác định rõ lộ trình và các nhiệm vụ cụ thể để triển khai, còn thiếu gắn kết giữa ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách thủ tục hành chính và đổi mới lề lối, phương thức làm việc, nhất là trong quan hệ với người dân, doanh nghiệp; chưa phát huy vai trò của người đứng đầu trong chỉ đạo thực hiện. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan hành chính Nhà nước cũng như quy định về cơ chế tích hợp, chia sẻ dữ liệu còn thiếu; thói quen cát cứ dữ liệu còn tồn tại ở nhiều cơ quan; việc bảo đảm an toàn, an ninh cho các hệ thống thông tin của các cơ quan Nhà nước còn chưa được quan tâm đúng mức.

Đặc biệt chúng ta còn thiếu khung pháp lý đồng bộ về xây dựng Chính phủ điện tử, thiếu quy định cụ thể về xác thực cá nhân, tổ chức trong các giao dịch điện tử cũng như các quy định pháp lý về văn thư, lưu trữ điện tử, giá trị pháp lý của văn bản điện tử trong giao dịch hành chính và thanh toán. Cơ chế bảo đảm thực thi nhiệm vụ xây dựng Chính phủ điện tử chưa đủ mạnh cũng là nguyên nhân của việc thực hiện còn thiếu hiệu quả và mang nặng tính hình thức. Chúng ta cũng chưa phát huy tối đa sự tham gia của khu vực tư nhân trong xây dựng Chính phủ điện tử và thiếu cơ chế tài chính và đầu tư phù hợp với đặc thù dự án công nghệ thông tin.

Để tiếp tục kế thừa, phát huy những thành quả đạt được, đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, khắc phục những hạn chế tồn tại, từng bước hiện thực hóa quyết tâm xây dựng Chính phủ kiến tạo, phát triển, liêm chính, hành động, phục vụ người dân, doanh nghiệp nhất là trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, thời gian tới, cần tập trung vào những nhiệm vụ sau đây:

Một là, đẩy nhanh việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện cho việc triển khai, xây dựng phát triển Chính phủ điện tử. Cần nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật Chính phủ điện tử và các văn bản hướng dẫn bảo đảm hành lang pháp lý phát triển Chính phủ điện tử dựa trên dữ liệu mở, ứng dụng các

công nghệ mới hướng tới nền kinh tế số, xã hội số.

Hai là, hoàn thành các cơ sở dữ liệu quốc gia mang tính chất nền tảng, đặc biệt là cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai… để bảo đảm hiệu quả sử dụng của các cơ sở dữ liệu quốc gia này cần tiến hành xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương; hệ thống liên thông gửi, nhận văn bản điện tử; hệ thống xác thực định danh điện tử; liên thông giữa các hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ và chữ ký số công cộng; cổng thanh toán quốc gia… để bảo đảm dữ liệu, thông tin được thông suốt giữa các cấp Chính phủ.

Ba là, vận hành thông suốt hệ thống ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp và phục vụ quản lý điều hành của Chính phủ. Đây là hệ thống quan trọng để kết nối Chính phủ với người dân và doanh nghiệp, thể hiện tinh thần phục vụ của Chính phủ. Cổng dịch vụ công quốc gia cần tiến tới là một hiện diện số nhất quán, đầy đủ và thân thiện của Chính phủ phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Bốn là, rà soát, sắp xếp lại và huy động mọi nguồn lực cả về tài chính và con người. Cần rà soát, sắp xếp lại và huy động các nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ ưu tiên phát triển Chính phủ điện tử, điều chỉnh cơ chế đầu tư đặc thù cho công nghệ thông tin, tăng cường xã hội hóa để phát huy hiệu quả hợp tác công - tư trong công tác này. Đồng thời, cần tổ chức đào tạo, tập huấn, khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cho người dân, doanh nghiệp và nghiên cứu, xây dựng cơ chế khuyến khích thu hút nhân tài tham gia xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử.

Chúng ta cũng cần nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, nhận thức về Chính phủ điện tử, kinh tế số, hạ tầng số thông qua việc triển khai chương trình truyền thông để nâng cao nhận thức thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của các bên về phát triển Chính phủ điện tử.

Ảnh: Trần Chính

Năm là, phát huy vai trò người đứng đầu, nâng cao hiệu quả thực thi và trách nhiệm giải trình.

Thể hiện quyết tâm xây dựng Chính phủ điện tử, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo việc thành lập Ủy ban quốc gia về Chính phủ điện tử trên cơ sở kiện toàn Ủy ban quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin do Thủ tướng Chính phủ là Chủ tịch Ủy ban. Ủy ban có các thành viên là Bộ trưởng các bộ liên quan trực tiếp tới các nhiệm vụ trong xây dựng Chính phủ điện tử để gắn kết xuyên suốt các bộ, ngành, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời Ủy ban có sự tham gia của đại diện cho khu vực tư nhân giúp phát huy hiệu quả hợp tác công - tư trong triển khai thực hiện nhiệm vụ này. Các nhiệm vụ triển khai Chính phủ điện tử sẽ được đánh giá gắn liền với trách nhiệm cá nhân người đứng đầu từng bộ, ngành, địa phương và được đo lường qua bộ chỉ tiêu đánh giá hiệu quả, đo lường chất lượng kết quả xây dựng Chính phủ điện tử để bảo đảm tính chính xác và công bằng thông qua Tổ công tác giúp việc của Ủy ban.

Có thể nói, xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số là một chủ trương lớn cần được đẩy mạnh triển khai trong thời gian tới. Để hoàn thành được các mục tiêu đã đề ra cần có sự vào cuộc với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị tạo ra một phương thức điều hành mới, một cách làm mới nhằm góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển, ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin nhằm phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; tận dụng tối đa lợi ích của công nghệ số mang lại, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững đất nước./.

Chú thích:

(1), (2) Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế

Tài liệu tham khảo:

1. Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

2. Quyết định số 215/QĐ-VPCP được Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ ký ban hành ngày 26/3/2019 về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Chính phủ điện tử của Văn phòng Chính phủ;

3. Nghị quyết số 17/NQ-CP của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020 định hướng đến năm 2025;

4. Báo cáo số 6170/BC-VPCP, ngày 29/6/2018 về tình hình thực hiện và kết quả triển khai xây dựng Chính phủ điện tử quý I, năm 2019.

TẠP CHÍ THANH TRA • SỐ 05/2020 | 43

Tháng Năm - miền nhớ ngày thơ...

Đi giữa những ngày tháng Năm rực nắng, lòng ta lại dâng lên một miền xúc cảm bâng khuâng. Dường như thời gian mỗi lúc một trôi nhanh hơn, mới đây thôi, những cơn mưa phùn còn lướt thướt bên hiên nhà, nhưng hôm nay ta đã thấy phượng hồng rực cháy cả một góc sân.

Lang thang cùng tháng Năm vội vã, ta mới thấy mình đánh rơi nhiều thứ. Hàng ghế đá trong sân trường vắng lặng thắp lên trong lòng người một niềm tiếc nhớ mênh mang. Để cuộc chia tay học trò cứ bồi hồi mãi trong ta. Nhặt cánh phượng hồng vừa rơi xuống, ta như nhặt lại tuổi trẻ mình đã đánh rơi ở lại nơi này. Từng tháng Năm trôi qua, lòng người lại chất đầy thêm nỗi nhớ, hết lớp này rồi đến lớp khác. Bài thơ đầu mới viết, ta vẫn giữ lại bên lòng mình, trong góc nhớ thênh thang.

Tháng Năm về bên hiên nhà đầy nắng. Những tia nắng hình rẻ quạt sóng sánh trên làn tóc trắng của mẹ. Ta lại về đứng nép vào cửa, cố ngăn từng giọt nước mắt ấm nóng chực rơi xuống. Ta ngồi tựa đầu vào vai mẹ, nghe hương tóc nồng nàn của mẹ vẫn như xưa, nghe nhịp trái tim mẹ bồi hồi khi nhắc chuyện ngày xưa, nghe tiếng gà trưa vút lên sau lũy tre già kẽo kẹt.

Bộ ấm trà quê vẫn tỏa lên những sợi khói mỏng manh như níu lòng người ở lại. Bà ngồi bên tách trà quê được nấu từ chén nước mưa mát lành cùng câu chuyện cũ. Ta ngồi cùng ba đến chiều khi bóng hoàng hôn đổ dài trên mặt sông mà chẳng bao giờ hết những câu chuyện kể ngày xưa. Dáng ba gầy in hằn lên vách, đôi bàn tay chai sần vững chắc của ba cứ đưa ta qua những ngày giông bão.

Tháng Năm hiền từ đến lạ. Ta ngồi bên mâm cơm chiều đạm bạc nhà quê, nơi có tiếng cười giòn ngon hơn mọi thứ trên đời. Con đường về nhà thênh thang gió lộng, đứng lặng bên góc đường quen thuộc, ta nghe thời gian thì thầm khẽ lướt qua tai. Nhặt lại từ ký ức đánh rơi trên con đường im ắng, ta mới nghe lòng mình chấp chới những mùa nhớ bình yên.

Tháng Năm về, gạt hết những chơi vơi kiếm tìm. Đám trẻ nhà bên giờ đã trưởng thành, được tung bay khắp mọi phương trời mà chẳng có bất kỳ người lớn nào ngăn cản. Giây phút được làm điều mình thích, bọn trẻ ngày xưa có bao giờ nuối tiếc những ngày tháng đã qua. Có hối hận khi mình đã trưởng thành quá sớm? Ta bước qua từng tháng Năm bất chợt, có lúc tưởng rằng đã quên dần kí ức của một thời tuổi nhỏ. Nhưng bằng cách này hay cách khác, những kỷ niệm cứ len lỏi dần lớn lên cùng ta đi qua tháng năm dài xa cách.

Thời gian đã qua chẳng bao giờ trở lại, ta giữ lại bên lòng những điều tốt đẹp, để nó mãi tươi nguyên trong ngăn nhớ bềnh bồng. Ta lại càng trân trọng những gì mình đang có, biết yêu thương hơn người bên cạnh mình. Tiếng cơm sôi nơi góc bếp, tiếng gà trưa, tiếng rao chiều ngoài đầu ngõ, tiếng đánh cờ của ba... sao mà thân thương quá đỗi. Bước qua những ngày tháng chơi vơi, tháng Năm với ta như một trạm dừng để nhìn lại quá khứ.

Buổi chiều tháng Năm không nắng, hàng rào xưa nở những chùm hoa tím biếc. Con ngõ trước nhà lại đón chờ bước chân quen về lại xóm nhỏ. Cơn gió nhẹ nhàng thổi qua làm xôn xao hàng rào đầy hoa, hương thơm ngập lòng như gieo vào lòng người từng nhánh nhớ không tên. Ba má vẫn đứng ở bậc thềm ngày xưa, nở một nụ cười trong vắt. Tháng Năm chợt ùa về mang sợi khói đốt đồng làm cay nơi khóe mắt...

Trần Thương Tính

Phía bên kia rào...

Truyện ngắn của **Nguyễn Chí Ngoan**

Minh họa: Phạm Tấn Phú

Nhà ông Sáu Cụt nằm sâu trong con ngõ nhỏ buồn buồn với cái hàng rào dâm bụt bao quanh, trông có vẻ gì đó rất bí hiểm. Tụi trẻ con xóm Rẽ Hành chẳng có đứa nào dám bén mảng lại gần căn nhà của ông. Tôi vẫn thường đứng thập thò ở ngoài lộ ngó vào để coi cho rõ mọi ngóc ngách bên trong. Nhà ông có con chó mực cực kỳ hung hãn, hễ thấy có bóng dáng của người lạ là nó lại gân cổ lên sủa, như thể chẳng cho phép bất cứ một ai đến gần ngôi nhà của chủ nó. Tôi với thằng Cò thường lấy đá ném về phía con chó cho hả dạ mà chẳng có lần nào ném trúng cả.

Núp trong bụi lùm ngó ra, tôi thấy con chó cứ vẫy đuôi quanh quẩn bên chân ông Sáu Cụt. Lúc đó, con chó hiền từ hẳn, không còn là con chó hung hăng, gân cổ lên mà sủa. Thằng Cò vỗ vai tôi.

- Tao với mày phải làm cho con chó đó nghe lời mình như nghe lời ông Sáu mới được.

Tôi nhìn thằng Cò lắc đầu. Trong bụng vẫn không tin con chó đó có thể nghe lời của một ai khác ngoài ông già. Vườn cây trái của ông già luôn là niềm khao khát của

bất kỳ đứa trẻ nào trong xóm Rẽ Hành. Tôi và thằng Cò luôn tiếc hùi hụi cho ông Sáu Cụt, phải chi chân cẳng của ổng lành lặn như người ta. Ổng sẽ lội đi khắp xóm, tạt hết chỗ này chỗ kia. Hay say xỉn lên bờ xuống ruộng ở đâu đó, để chúng tôi tha hồ xông vào vườn hái trộm và dạy cho con chó mực một bài học nhớ đời. Nhưng điều chúng tôi trông đợi chẳng bao giờ xảy ra, ông Sáu Cụt chỉ quanh quẩn trong vườn với con chó đen thui đen thủi.

Thằng Cò nằm gác kèo ong, miệng còn ngậm ngọn cỏ mần trầu ngồi bật dậy vỗ đùi đen đét.

- Ổng không ra khỏi nhà thì mình dụ ổng ra khỏi nhà. Có gì đâu mà sợ.

- Nếu mày không sợ con chó của ổng thì mày ngon nhào vô coi.

Thằng Cò có phần sững lại trước lời thách thức của tôi. Nhưng hình ảnh ông Sáu Cụt nằm lắc lư trên cái võng trong vườn càng khiến chúng tôi thấy xốn xang. Cái võng nhà ông Sáu Cụt được mắc tòn ten giữa hai cây mít to đùng. Mùi trái cây chín bói thơm lùng, mấy con chim ríu rít kéo nhau về làm tổ trên nhánh cây bưởi, lâu lâu lại cất giọng hót líu lo nghe rất vui tai. Tôi từng ước mơ mình có khu vườn như vậy hồi năm 8 tuổi, khi ba má bỏ nghề thương hồ nay đây mai đó, dừng lại nơi bến Rẽ Hành tìm trường cho tôi học chữ. Tiền tích góp bao năm cộng với tiền bán ghe cũng chỉ vừa đủ để ba má mua miếng đất nhỏ cất cái nhà.

***

Thằng Cò chạy hớt hải đến nhà tìm tôi, giọng nó cứ ông ổng ngoài ngõ. Má tôi ngưng tay vá lưới nhìn thằng Cò thở hổn hển.

- Hai đứa bây định tụ tập phá làng phá xóm gì nữa phải không?

Tôi nhìn má gãi đầu ngượng nghịu, còn thằng Cò thì lấm lét nở một nụ cười bí hiểm.

- Dạ hổng có đâu thím.

Ba má tôi và ba má thằng Cò đã quá quen với mấy trò "chơi ngu lấy tiếng" nổi tiếng cả cái xóm Rẽ Hành của chúng tôi. Ngồi chưa kịp nóng đít, thằng Cò đã thúc cùi chỏ ra hiệu cho tôi xin má đi chỗ khác. Vẻ mặt nôn nóng của nó làm tôi thêm tò mò. Thằng Cò vẫn nở nụ cười với câu nói nghe đến thuộc làu "về sớm sớm, không có phá phách gì đó nghen". Thằng Cò lôi giật ngược tôi chạy về phía nhà ông Sáu Cụt, nó dí sát tôi vào bụi cây trâm bầu, vẻ mặt đầy hệ trọng.

- Trời cao có mắt. Cuối cùng chúng ta cũng đợi được ngày này.

Tôi bĩu môi nhìn nó.

- Hôm qua tao nghe lỏm được anh Hai tao nói chuyện với mấy người trong xóm là ngày mai xã tổ chức họp mặt thương binh gì đó, ông Sáu Cụt cũng đi nữa. Đây là cơ hội cho tụi mình.

- Mà mày có chắc là ổng đi không?

Thằng Cò chắp tay sau đít dửng dưng.

- Để rồi mày coi.

***

Sau hai mươi ba lần nhấp nhổm cái mông, cuối cùng ông Sáu Cụt cũng bước ra khỏi nhà. Nhác thấy con chó mực tí tởn đi đằng trước, ông Sáu Cụt chống tó đi khập khiễng phía sau. Con chó mực lâu lâu lại nhìn lại phía sau chờ chủ cứ như cảnh vật bên đường chẳng làm nó xao động nhiều. Tôi và thằng Cò lén mở cổng rào đi vào nhà ông Sáu Cụt, nó nhẹ nhàng khép cổng rào lại rồi vội vàng lao thẳng đến khu vườn. Nó nhắm mắt chu mỏ, đưa mũi hít hà xung quanh rồi giơ ngón tay lên quả quyết.

- Tao nghe có mùi ổi chín, mùi mận chín nữa. À, có cả mùi khoai lang luộc nữa.

Tôi nhìn điệu bộ của nó mà không nhịn được cười. Nhưng quả thật, ngôi nhà của ông Sáu Cụt mát mẻ và bình yên đến lạ. Tôi nằm trên võng đung đưa trong khi thằng Cò đã leo tọt lên cây há miệng cắn vào trái mận đang lủng lẳng trên cành. Tôi bật dậy trợn mắt nhìn nó.

- Mày làm gì vậy Cò?

Thằng Cò giật thót người, miệng nuốt nước miếng thèm thuồng.

- Thì tao định cắn thử chút xíu coi nó ra sao.

- Mày mà làm vậy là tao bỏ về đó.

- Dạ, "ông nội"! Chỉ được vào chơi không được lấy bất cứ cái gì? Xin thề! Xin thề!

Thằng Cò thở dài, dắt tay tôi ra phía sau nhà. Cây me sau nhà bự bằng một vòng tay ôm của tôi, nhánh nào nhánh nấy xum xuê trái. Thằng Cò giỏng tai nghe ngóng. Nó tiến gần mé đìa, một con chim non nằm lăn lóc dưới mé nước. Nó đưa tay vớt con chim non tội nghiệp rồi ngước nhìn lên tổ chim trên nhánh cây me. Tôi kéo vạt áo lau cho con chim, còn thằng Cò thì không ngừng thổi thổi vào. Nó mừng húm.

- Đem nó về nuôi nha.

- Nó còn non lắm. Mình trả nó về tổ đi. Là chim mà không bay trên bầu trời thì tội nghiệp lắm.

Thằng Cò nhìn tôi chán chường. Nhưng chắc nó không thể nào hiểu nỗi lòng của cái đứa suốt ngày lênh đênh sông nước, băng qua những bến bờ xa lạ. Tôi nhảy tót lên cây trong khi thằng Cò đứng phía dưới dùng vai đỡ tôi leo lên. Thằng Cò nhẹ nhàng đưa con chim cho tôi trong cái nhìn tiếc nuối. Tôi dò dẫm từng bước tiến về phía tổ chim. Má nói nhánh cây me rất dẻo chứ không có cứng, lơ mơ té như chơi. Thằng Cò

đứng dưới gốc cây cũng không dám thở mạnh với những bước chân của tôi. Nó mừng húm khi tôi nói vọng xuống.

- Trên đây còn có ba con chim non nữa nè.

Tôi thả nhẹ con chim vào tổ. Ba con chim còn lại mắt nhắm nghiền há mỏ kêu khi nghe thấy tiếng động, tôi lấy lá đan tổ rồi đặt tổ chim lại ngay ngắn. Thằng Cò dưới gốc me dậm chân giục tôi leo xuống. Tiếng chó sủa ăng ẳng càng khiến tôi cuống cuồng chẳng biết đường thoái lui. Tôi bước hụt chân rồi ngã nhào xuống nước. Mấy năm kinh nghiệm lênh đênh sông nước đâu có giúp tôi bơi ngược vào bờ. Thằng Cò đứng trên bờ nhảy dựng mà chẳng biết làm gì, nó đứng dựa vào gốc me khi con chó mực gầm gừ nhe răng lăm le. Ông Sáu Cụt bước hối hả về phía chúng tôi, đưa cây tó về phía tôi, miệng không ngừng la lên.

- Nắm chặt lấy cây tó.

Ông với thằng Cò kéo tôi vào bờ với cái bụng óc ách nước. Con chó mực vẫn không quên sự hiện diện của hai kẻ lạ mặt. Nó chỉ thật sự im lặng khi ông Sáu Cụt đưa mắt về phía nó ra hiệu im lặng. Tôi với thằng Cò lẽo đẽo theo ông vào nhà, ông lấy cái khăn rằn cho tôi lau mình. Thằng Cò mếu máo.

- Ông đừng có méc má tụi con nha. Tụi con vô đây chơi thôi chứ không có lấy bất cứ thứ gì hết. Ông không tin thì coi lại đi.

Thằng Cò xòe hai bàn tay đưa về phía ông Sáu Cụt. Tôi vẫn đứng run như cầy sấy. Ông Sáu Cụt nở nụ cười hiền làm cho chúng tôi rất đỗi ngạc nhiên, gương mặt lạnh lùng chúng tôi vẫn thấy lúc nép sau bụi lùm nhìn vào như chẳng còn chút dấu vết nào. Ông Sáu đưa bộ quần áo cho tôi thay. Thằng Cò bụm miệng cười khi thấy tôi trong bộ đồ thun của con gái. Ông Sáu Cụt cười ngặt nghẽo lúc nghe lại "Đường đến khu vườn" của chúng tôi. Ông lấy rổ trái cây trong cái khạp da bò đem ra cho chúng tôi ăn. Thằng Cò đưa mắt nhìn về phía tôi, coi động tĩnh thế nào. Như hiểu được ý đồ của thằng Cò, ông Sáu dúi vào tay nó trái mận đỏ au.

- Ăn đi con. Ở vườn còn nhót, có ai ăn đâu.

Nghe đến đoạn đó, thằng Cò chẳng còn thèm để ý đến phản ứng của tôi như thế nào. Nó nhanh tay cầm lấy trái mận mà ngấu nghiến. Tôi cắn ngập răng trái ổi chín thơm lừng mà không quên nhìn nét mặt có chút gì đó gợi buồn và tiếng thở dài mênh mông của ông. Tôi nuốt vội miếng ổi, cầm vạt áo ông Sáu lắc lắc.

- Tụi con làm gì cho ông buồn hả?

Thằng Cò buông trái mận xuống, chưng hửng nhìn. Ông Sáu nheo mắt rồi nở nụ cười hiền.

- Nhìn mấy con ăn mà ông nhớ cháu nội của ông quá. Hồi nó còn ở đây, nó thường phụ ông trồng cây, tưới nước. Nó thích mảnh vườn này lắm.

- Vậy giờ cháu ông ở đâu? - Thằng Cò nhanh miệng.

- Nó theo ba nó về Sài Gòn sống rồi. Cây trái um tùm mà nó có được ăn đâu. Muốn gởi cho nó một ít ăn cũng không được.

Không biết lúc đó tại sao tôi lại ngồi xích lại gần ông. Thằng Cò cũng quên đi rổ trái cây thơm lừng, nó ngồi đung đưa hai chân trên bộ vạt.

- Ông đừng buồn. Từ nay ông có tụi con rồi.

Ông Sáu xoa đầu tôi.

- Con đang mặc bộ đồ của cháu ông đấy. Con nhỏ cũng cỡ bằng tuổi tụi con. Phải chi có nó ở đây thì hay biết mấy.

Ngoài sân nắng vẫn hắt xuống từng tia nắng chói chang, con chó mực sủa inh ỏi khi thấy người lạ lấp ló bên rào. Thằng Cò đứng dưới đất ngước mặt nhìn lên vách đọc chữ được chữ mất trên tấm bằng Huân chương Kháng chiến của ông Sáu Cụt. Tôi dìu ông Sáu ngồi xuống, lấy ấm nước sôi châm trà cho ông. Thằng Cò chạy te te kéo ghế ngồi cạnh ông.

- Hồi đó, đi đánh giặc ông có được cầm súng không ông?

- Được chứ con.

Tôi bỏ ấm trà xuống ngước mặt nhìn ông với vẻ đầy ngưỡng mộ.

- Vậy chắc lúc đó ông oai lắm phải không ông?

Ông Sáu thở dài nhìn ra khoảng sân đầy nắng.

- Giá mà hồi đó đừng có chiến tranh, để không ai phải cầm súng. Chiến tranh tàn khốc lắm con. Bên nào cũng mất mát và đau thương.

Ông Sáu và con chó mực đưa chúng tôi ra tận ngoài ngõ. Lúc khép cửa rào, ông Sáu cũng không quên nói với theo chúng tôi.

- Khi nào rảnh qua ông chơi.

***

Đoạn đường về nhà dường như xa hơn. Chốc chốc thằng Cò lại thở dài, tôi và nó chẳng ai nói với ai tiếng gì, chỉ có tiếng gió thổi qua xạc xào bờ lá. Câu chuyện của ông Sáu cứ ám ảnh suốt dọc đường đi của chúng tôi. Một phần cơ thể của ông đã nằm lại nơi chiến trường, đồng đội của ông có người đã mãi mãi không thể trở về nhà. Vậy mà lúc thấy ông chống tó đi ngang qua, cả đám con nít trong xóm chạy vào nhà đóng cửa, hé mắt nhìn ra cười chỉ chỏ "ông già cụt chân". Giữa lúc đó, cả tôi và thằng Cò cũng ném vào ông những lời miệt thị. Không biết ông nghĩ gì lúc cả đám con nít xóm Rẽ Hành rút ván bắc cầu để ông đứng bơ vơ mà con chó đâu có nói được gì ngoài tiếng sủa dồn. Tụi trẻ con xóm Rẽ Hành chắc còn

lâu mới biết lúc cưa đoạn chân bị nhiễm trùng, thuốc gây tê chỉ là một bài hát quen thuộc tụi nó học ở trường. Cái bàn thờ không một di ảnh mà khói nhang vẫn ngập cả gian nhà, nơi ông ngồi kể chuyện cho đồng đội nghe. Hỏi ông Sáu sao không lên Sài Gòn sống. Ông chỉ cười "sống ở trển không có quen". Ông muốn ở lại mảnh đất mà ông đã chiến đấu suốt một thời tuổi trẻ. Thằng Cò nói, nó sẽ lội bộ khắp xóm kể cho đám bạn trong xóm nghe chuyện ông Sáu.

Thằng Cò quấn lên mình đủ các loại áo đứng chờ tôi ở cửa. Ánh nhìn của má có phần kỳ quoặc khi thấy hai đứa tôi đột nhiên thay đổi.

- Hai đưa bây mấy nay ăn trúng thứ gì mà hiền lành đột xuất vậy?

Tôi nắm tay thằng Cò chạy đi mà vẫn không quên nói vọng lại, tụi con hiền đó giờ mà.

Cổng rào của ông Sáu đóng cửa im lìm. Hàng xóm nói, con ông Sáu về rước ổng lên Sài Gòn chữa bệnh. Miếng đạn trong đầu ông cứ trở trời lại lên cơn đau nhức. Con trai ông khuyên mổ mấy lần mà ông chẳng chịu nghe, cứ bảo "tao còn chịu được". Tôi với thằng Cò đứng lặng một lúc lâu, cánh cửa rào chỉ khép hờ như chờ đợi chúng tôi. Ông Sáu để lại lời nhắn nhờ chúng tôi coi nhà giúp từ chủ ranh đất bên kia. Thằng Cò ngồi tiu nghỉu trước sân mà chẳng mảy may đến cây trái trong vườn. Nó quay sang hỏi tôi.

- Không biết chừng nào ông Sáu mới về ha?

Nó hỏi mà không cần đợi câu trả lời của tôi. Nó lôi tôi đi một mạch ra phía sau, chỉ tay vào mấy liếp mía bên bờ.

- Mày đánh lá mía, còn tao vô chân mía.

Vừa dứt câu nói nó đã xắn tay áo lên chui vào liếp mía. Tôi và thằng Cò ở lì trong mảnh vườn đợi ông Sáu trở về. Mỗi ngày tôi và thằng Cò đều chăm sóc, trò chuyện với cây cối trong vườn.

***

Buổi chiều thứ mười lăm, gió chiều thổi nhè nhẹ qua hiên, tôi và thằng Cò chia trái cây ra từng bọc nhỏ chuẩn bị đem cho hàng xóm như cái cách ông Sáu vẫn thường làm. Tiếng xe ô tô dừng lại trước ngõ, thằng Cò bỏ lại tôi và rổ trái cây chạy ra nhìn. Nó nhảy cẫng lên giọng không ngừng hét lên "ông Sáu về rồi". Tôi ùa chạy ra sân, ông Sáu lần bước xuống xe, phía sau ông một cô bé gái với hai bím tóc xinh xinh mang vác đủ thứ đồ đạc trên người. Cô bé nở nụ cười trong vắt. Ông Sáu chỉnh lại miếng vải băng trên đầu rồi vẫy tay về phía chúng tôi. Con chó phóng nhanh xuống chạy thẳng về phía cổng rào mừng rỡ. Đám trẻ xóm Rẽ Hành í ới gọi nhau phụ xách đồ cho ông Sáu, có đứa còn đi trước dọn đường cho ông. Bữa đó cổng rào nhà ông Sáu mở rộng lắm…

Tim anh không khép

Phía trước là mộng ảo
Em ơi! Em đừng đi
Tình ta như ngọc bích
Lẽ nào lại chia ly

Lòng em rừng rực cháy
Cuồng nhiệt lửa tình yêu
Đường đời nhiều ngõ ngách
Em chim nhỏ rừng chiều

Ngày mai, trời giông bão
Về đây! Em về đây
Cửa tim anh không khép
Em vẫn em hôm nay!

Đào Hanh

Thương những mùa xoài...

Tôi về lại quê nhà giữa mùa xoài trĩu quả, lủng lẳng trên tán cây cao thu hút những ánh nhìn. Chùm quả mọng níu ghì cành nhánh khẳng khiu, vạt nắng đầu mùa dịu dàng phớt lên quả xoài một màu ửng vàng bắt mắt. Tán xoài rộng bao dung, tỏa bóng mát yên lành, lá đan xen lá cùng lao xao khúc rì rào bất tận mỗi khi có làn gió ngang qua. Hương xoài chín rất nhẹ tan vào góc quê êm ả, vẫn kịp để lại chút dư âm dịu ngọt trong lòng người. Mùa xoài đã về giữa xôn xao tiếng chim rót vào tâm hồn, trong giấc mơ quê nhà lặng thầm giữa dòng thời gian…

Cánh cửa mùa hè mở ra một miền xanh trong rộn rã thanh sắc, như giục gọi bước chân tôi quay về mảnh vườn của mẹ. Gốc xoài già đứng trầm tư ở một góc vườn, theo vòng tuần hoàn của mùa màng lại đến kì ra hoa kết trái, thu hút ong bướm bay về tưng bừng, rập rờn đôi cánh mỏng.

Vô vàn chùm hoa xoài bé xíu màu vàng nhạt, qua bao ngày chờ đợi đã thành quả xoài non đong đưa trong gió. Chúng âm thầm lớn dần dưới bàn tay khéo léo của mẹ thiên nhiên, để rồi một ngày nọ, tôi đã phải ngỡ ngàng nhận ra giữa khoảng trời trong veo là những chùm xoài đầy đặn, lúc lỉu. Trong ánh nắng mênh mông phóng khoáng đổ xuống như rót mật, màu của vỏ xoài được nhuộm vàng từ đỉnh đầu lan dần xuống dưới. Quả xoài trở nên rắn chắc rồi chuyển sang chín mềm, ngọt lịm. Những quả xoài dân dã, bình dị lớn lên giữa bao ánh mắt đợi mong, khơi gợi trong tôi dòng chảy ký ức miên man dạt về bến bờ thơ ấu.

Mùa xoài chín, cha lom khom vót tre làm chiếc lồng hái quả, chỉ cần đứng dưới gốc cây khéo léo giật nhẹ là quả xoài sẽ nằm gọn trong lồng. Nếu không hái sớm thì chúng dễ bị gió lay rụng xuống đất, hoặc bị chim mổ sẽ không còn được nguyên vẹn. Mẹ lót rơm khô trên chiếc rổ nan, rồi nhẹ nhàng đặt vào đó những quả xoài chín ửng cha mới hái. Vào đầu mỗi mùa xoài, bao giờ cha cũng chọn những quả chín hườm, to tròn, tươi ngon nhất để kính cẩn dâng lên ông bà.

Những ngày còn bé, tôi thường lon ton theo mẹ ra góc chợ quê ngồi bán xoài, rồi nóng lòng đợi mẹ thưởng cho vài chiếc bánh trôi, bánh đúc. Từng quả xoài chín mọng, vàng ươm còn lấm vết nhựa cây, chắt chiu vị ngọt dịu êm, hương thơm mộc mạc mà vấn vương, quyến luyến. Mẹ vừa bán vừa biếu những người quen gặp được ở chợ, nồng hậu trao cho nhau tấm lòng người nhà quê thơm thảo, nên thường là buổi chợ chưa tan mà rổ xoài đã hết. Những đồng tiền lẻ bán được mẹ vuốt lại cho phẳng phiu, rồi khéo léo vun vén từng bữa cơm gia đình.

Những mùa xoài khi anh em tôi phải xa nhà đi học, mẹ tảo tần gói ghém từng quả xoài chín vào chiếc thùng đựng lỉnh kỉnh quà quê, rồi gửi vào phố cho đàn con luôn canh cánh nỗi nhớ nhà. Cầm trên tay quả xoài thơm nồng, trong lòng tôi lại xốn xang bao ký ức trong veo của những trưa trốn ngủ trèo cây, ngồi vắt vẻo trên cành cao thích thú ăn luôn những quả xoài chín ngọt lịm. Nhớ những bữa cơm cả nhà quây quần lao xao cười nói, giữa mâm cơm là tô xoài bằm dầm nước mắm đường chua ngọt khó quên. Nhớ cả những chiếc bánh xoài màu vàng mật, mẹ tráng từng lát mỏng trên chiếc nia to rồi nhón chân phơi lên hiên nắng. Từng quả xoài mẹ gửi vào như lưu giữ vẹn nguyên tình yêu thương lặng thầm, cùng bao nỗi hy sinh thấm thía, để lòng tôi vỡ oà trong từng giọt ký ức rưng rưng.

Nhìn những trái xoài được xếp ngay ngắn trong ổ rơm khô, tôi xót xa mường tượng dáng cha liêu xiêu ngước lên cao hái quả, bên cạnh là mẹ ngồi lụi cụi đặt chúng vào chiếc rổ tre. Chợt nhận ra lẫn trong vị ngọt của xoài là vị mồ hôi ròng rã suốt một đời lam lũ của cha mẹ. Có lẽ bởi thế mà dẫu tôi có ăn nhiều loại xoài khác được bày bán khắp nơi, cũng không thể tìm được vị của quả xoài quê nhà. Ăn những quả xoài quê nhà cũng là lúc tôi đang nếm vị của ký ức, của tình yêu thương vô hạn, cùng nỗi quay quắt dõi về cố hương...

Trần Văn Thiên

Tìm hiểu về thẩm quyền xử phạt

của lực lượng thanh tra chuyên ngành lao động, bảo hiểm xã hội theo quy định của Nghị định 28/2020/NĐ-CP

Ngày 15/04/2020, Nghị định số 28/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01/3/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sau đây gọi tắt là Nghị định 28) chính thức có hiệu lực thi hành.

Ảnh minh họa *Nguồn: Internet*

Nghị định 28 gồm 6 chương, 58 điều, quy định cụ thể về hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt, thẩm quyền lập biên bản, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Theo đó, vi phạm trong lĩnh vực lao động bao gồm các hành vi vi phạm quy định về dịch vụ việc làm; về tuyển, quản lý lao động; giao kết hợp đồng lao động; thử việc, thực hiện hợp đồng lao động; sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng lao động; cho thuê lại lao động; về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề, đối thoại tại nơi làm việc; thương lượng tập thể, thỏa ước lao động tập thể; về tiền lương; thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất; báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động, các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, phòng ngừa tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp; hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; quan trắc môi trường lao động; về lao động nữ, lao động chưa thành niên, người giúp việc gia đình, người cao tuổi, người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; tuyển dụng, sử dụng người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; giải quyết tranh chấp lao động; đảm bảo thực hiện quyền công đoàn; phân biệt đối xử vì lý do thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn; sử dụng các biện pháp kinh tế hoặc các biện pháp khác gây bất lợi đối với tổ chức và hoạt động công đoàn; đóng kinh phí công đoàn.

Trong lĩnh vực bao hiểm xã hội bao gồm các hành vi vi phạm quy định về đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp; lập hồ sơ để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và các quy định khác về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

Trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài bao gồm các hành vi vi phạm điều kiện hoạt động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; đăng ký hợp đồng, báo cáo việc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; tuyển chọn, ký kết và thanh lý hợp đồng; bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ, kiến thức cần thiết cho người lao động; thu, nộp, quản lý, sử dụng tiền môi giới, tiền ký quỹ, tiền dịch vụ và các khoản tiền thu của người lao động; đóng Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước; tổ

chức đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và quản lý người lao động ở ngoài nước. Ngoài ra còn có vi phạm của người lao động đi làm việc ở nước ngoài và một số đối tượng liên quan khác.

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thì bị xử phạt theo hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền. Bên cạnh đó, căn cứ tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung được quy định tại Khoản 2, Điều 3, Nghị định số 28.

Về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra lao động, theo Điều 50, Nghị định 28, 05 chủ thể có thẩm quyền xử phạt gồm: Thanh tra viên lao động, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ; Chánh Thanh tra Sở, Chánh Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng đoàn Thanh tra lao động cấp bộ; Trưởng đoàn Thanh tra lao động cấp sở, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của cơ quan quản lý Nhà nước được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Tất cả các chủ thể nói trên đều có quyền phạt cảnh cáo đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội quy định tại Chương II và Chương III của Nghị định này.

Đối với hình thức phạt tiền, ngoại trừ thanh tra viên lao động, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ, 04 chủ thể còn lại đều có thẩm quyền xử phạt. Tuy nhiên, quy định về thẩm quyền phạt tiền của các chủ thể này có sự khác nhau.

Trong đó, Chánh Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có quyền phạt tiền ở mức cao nhất đến **75.000.000 đồng** đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đến **100.000.000 đồng** đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động tại 13 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, tháng 10/2019. Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

Cũng với những hành vi vi phạm trên, Trưởng đoàn Thanh tra lao động cấp bộ có quyền phạt tiền đến **52.500.000 đồng** đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đến **70.000.000 đồng** đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Chánh Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng đoàn Thanh tra lao động cấp sở, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của cơ quan quản lý Nhà nước được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đều có quyền phạt tiền đến **37.500.000** đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đến **50.000.000 đồng.**

Cũng liên quan đến thẩm quyền xử phạt của lực lượng thanh tra chuyên ngành, bên cạnh thẩm quyền xử phạt của thanh tra lao động, Nghị định 28/2020/NĐ-CP cũng quy định về thẩm quyền xử phạt của cơ quan bảo hiểm xã hội tại Điều 53.

Trong đó, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định thành lập có quyền: phạt cảnh cáo; Phạt tiền đến **52.500.000 đồng** đối với các hành vi vi phạm về đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp quy định tại Điều 38 của Nghị định này; đồng thời có thể áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 7 Điều 38 của Nghị định này.

Về trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài thực hiện ngoài lãnh thổ Việt Nam, nghị định 28 quy định, người lao động bị phạt tiền ở nước ngoài có thể nộp tiền phạt tại cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài./.

K. Dung

VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH

Tăng cường thanh tra giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông và tự chủ giáo dục đại học

Ngày 28/4/2020, Bộ Giáo dục và đào tạo (GDĐT) đã ban hành Chỉ thị số 1048/CT-BGDĐT về việc tăng cường thanh tra giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông và tự chủ giáo dục đại học. Qua đó, Bộ đưa ra 5 nhiệm vụ cụ thể cần thực hiện. Cụ thể:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về giáo dục như Luật Giáo dục số 43/2019/QH13 ngày 14/6/2019, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018, Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung của một số điều của Luật Giáo dục đại học; quy định pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo (KNTC), phòng, chống tham nhũng (PCTN) và tiếp công dân đến các đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành để thống nhất thực hiện.

2. Xây dựng và hoàn thiện các văn bản, quy định pháp luật, hướng dẫn về thanh tra, giải quyết KNTC, PCTN, tiếp công dân và xử lý vi phạm trong lĩnh vực giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông và tự chủ giáo dục đại học.

3. Xây dựng hệ thống thanh tra giáo dục. Kiện toàn cơ cấu tổ chức, nhân sự làm công tác thanh tra, cộng tác viên thanh tra giáo dục theo đúng quy định hiện hành; có cán bộ phụ trách các lĩnh vực theo chức năng nhiệm vụ; cán bộ phụ trách tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết KNTC, PCTN và thực hiện kết luận thanh tra. Tiếp tục tổ chức đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác thanh tra, cộng tác viên thanh tra giáo dục theo hướng chuẩn hóa, chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông và tự chủ giáo dục đại học. Ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý công tác thanh tra trong quản lý hoạt động thanh tra, giải quyết KNTC; tăng cường các điều kiện bảo đảm về kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện cho hoạt động thanh tra đảm bảo thiết thực hiệu quả.

4. Tổ chức thực hiện

Thanh tra Bộ GDĐT chủ trì, phối hợp với các vụ, cục chức năng của Bộ rà soát trình Bộ trưởng xem xét quyết định việc hoàn thiện quy định pháp luật về thanh tra giáo dục; hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Thanh tra bộ; bổ sung đội ngũ cán bộ, công chức thanh tra đảm bảo số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, biên chế được duyệt theo quy định; cũng như tăng cường công tác dự báo, tham mưu để xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về giáo dục. Đồng thời, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra có hiệu quả, tránh chồng chéo, có trọng tâm, trọng điểm,

Sở GDĐT rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành quy định tiêu chuẩn Chánh Thanh tra sở, Phó chánh Thanh tra sở; bổ nhiệm Chánh Thanh tra sở, Phó chánh Thanh tra sở, ngạch thanh tra theo quy định. Chỉ đạo Thanh tra sở xây dựng kế hoạch thanh tra có trọng tâm, trọng điểm, trong đó tập trung vào việc triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, việc bồi dưỡng, tập huấn giáo viên; các điều kiện đảm bảo cho việc dạy và học, thi, kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục; chuẩn bị cho việc đổi mới kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2021 theo lộ trình, phương án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học xây dựng và bố trí lực lượng thanh tra nội bộ thiết thực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình; đảm bảo kinh phí và các điều kiện cho hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KNTC, PCTN và các khoản chi khác đảm bảo thực hiện nhiệm vụ. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch thanh tra nội bộ có trọng tâm, trọng điểm trong đó tập trung vào việc thực hiện tự chủ giáo dục đại học. Đồng thời, thực hiện nhiệm vụ của thủ trưởng đơn vị trong việc tiếp công dân, giải quyết KNTC, PCTN tại đơn vị theo quy định pháp luật.

5. Chánh Thanh tra bộ giúp Bộ trưởng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị này; định kỳ báo cáo Bộ trưởng tình hình thực hiện Chỉ thị; tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng các cá nhân, tập thể thực hiện tốt Chỉ thị.

Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Ngày 13/4/2020, Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam ban hành Quyết định số 584/QĐ-BHXH về việc ban hành chương trình thực hành tiết kiệm (THTK), chống lãng phí (CLP) năm 2020. Chương trình nhằm phát huy cao nhất mọi nguồn lực hoàn thành các mục tiêu về bảo đảm an sinh xã hội; thực hiện đồng bộ các giải pháp THTK, CLP trong mọi lĩnh vực quản lý của ngành đảm bảo mục tiêu yêu cầu và các nhiệm vụ đã đề ra tại Chương trình tổng thể về THTK, CLP giai đoạn 2016 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 824/QĐ-BHXH ngày 25/5/2017 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam.

Chương trình yêu cầu việc THTK, CLP phải gắn với các chỉ tiêu chủ yếu về thu, chi, giải quyết chế độ, cải cách thủ tục hành chính, đầu tư trong năm 2020 và hướng tới hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm tại Chương trình tổng thể của ngành về THTK, CLP giai đoạn 2016 - 2020; bám sát chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước; xác định THTK, CLP là nhiệm vụ trọng tâm của các đơn vị gắn với trách nhiệm của người đứng đầu và phải được thực hiện đồng bộ, toàn diện, gắn kết giữa các đơn vị trong ngành BHXH và giữa các lĩnh vực; gắn với các hoạt động phòng chống tham nhũng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, cải cách hành chính, đánh giá cán bộ, tinh giản biên chế và sắp xếp tổ chức bộ máy của ngành.

Chương trình đưa ra các giải pháp cụ thể để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm như sau:

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo về THTK, CLP tại các đơn vị

Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam có trách nhiệm chỉ đạo thống nhất việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu THTK, CLP năm 2020; kế hoạch thực hiện cụ thể các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm đã đề ra;

Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm xây dựng và ban hành chương trình THTK, CLP năm 2020 của đơn vị mình; phân công rõ ràng trách nhiệm của từng tổ chức; chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai THTK, CLP tại đơn vị;

Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Thi đua - Khen thưởng đưa kết quả THTK, CLP là tiêu chí để đánh giá công tác thi đua, khen thưởng và bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức;

Ảnh: ST

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức, triển khai THTK, CLP tại đơn vị.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến Luật THTK, CLP và các văn bản về THTK, CLP của Nhà nước

Trung tâm Truyền thông, Báo BHXH, Tạp chí BHXH, Vụ Pháp chế, BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là BHXH tỉnh), các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam phối hợp đẩy mạnh thông tin, phổ biến pháp luật về THTK, CLP và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến THTK cùng với tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) với các hình thức đa dạng đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nhằm nâng cao, thống nhất nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THTK, CLP; Tích cực phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan thông tấn, báo chí không ngừng đổi mới nội dung và hình thức nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền để thực hiện tuyên truyền, vận động về THTK, CLP đạt hiệu quả; kịp thời biểu dương, khen thưởng những gương điển hình trong THTK, CLP; bảo vệ người cung cấp thông tin CLP.

3. Tăng cường công tác tổ chức THTK, CLP trên các lĩnh vực trọng tâm

Bao gồm: Trong công tác quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN, tăng cường các biện pháp nhằm giảm nợ đọng BHXH, BHYT, BHTN; thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN; chi trả các chế độ BHXH, BHTN; quản lý, sử dụng chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN; quản lý, sử dụng vốn đầu tư phát triển; quản lý và đầu tư các quỹ bảo hiểm và trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động.

4. Đẩy mạnh thực hiện công khai, nâng cao hiệu quả giám sát THTK, CLP

Giám đốc BHXH tỉnh đẩy mạnh thực hiện công khai, nâng cao hiệu quả giám sát THTK, CLP, chỉ đạo, hướng dẫn BHXH các huyện thực hiện các quy định về công khai, minh bạch để tạo điều kiện cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát THTK, CLP;

Thực hiện trách nhiệm công khai theo đúng quy định của Luật THTK, CLP và các luật chuyên ngành; thực hiện công khai hành vi lãng phí, kết quả xử lý hành vi lãng phí theo quy định và văn bản hướng dẫn của BHXH Việt Nam.

5. Kiểm tra, kiểm toán, giám sát và xử lý nghiêm các vi phạm về THTK, CLP

Vụ Thanh tra - Kiểm tra và Vụ Kiểm toán nội bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam và BHXH các tỉnh, thành phố, các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương. Thủ trưởng các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra tại đơn vị và chỉ đạo công tác kiểm tra, tự kiểm tra tại đơn vị cấp dưới trực thuộc. Qua đó, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện Luật BHXH, Luật BHYT, Luật Việc làm, Luật An toàn vệ sinh lao động tại các đơn vị sử dụng lao động và các cơ sở khám chữa bệnh. Đối với những vi phạm được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, thủ trưởng đơn vị phải khắc phục, xử lý hoặc đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền có biện pháp xử lý. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra lãng phí.

6. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin

Vụ Pháp chế chủ trì phối hợp với các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam và BHXH các tỉnh đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hóa quản lý; gắn THTK, CLP với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng và các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục nộp BHXH nhằm tiếp tục cắt giảm thời gian thực hiện; xử lý dứt điểm các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp và cập nhật, công khai kết quả tiếp nhận, xử lý kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Trung tâm Công nghệ thông tin chủ trì, BHXH tỉnh, các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam phối hợp triển khai hiệu quả Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghiệp vụ của ngành năm 2020; hoàn thiện kiến trúc Chính phủ điện tử phiên bản 2.0 đảm bảo triển khai Chính phủ điện tử hiệu quả; triển khai ứng dụng dịch vụ thông tin trên nền tảng thiết bị di động; kết nối thông tin với Cổng Dịch vụ công quốc gia, tập trung nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cho doanh nghiệp.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 13/4/2020./.

Quỳnh An

CÁCH LY ...

(Nhớ những ngày cả nước chống đại dịch Covid-19)

Cách ly mà chẳng cách lòng
Người tuy xa cách nhưng lòng không xa
Quyết tâm chống virut: CORONA
Chiến thắng đại dịch: Có ta, có nàng

Chống thờ ơ, chống chủ quan
Toàn dân đoàn kết vững vàng vượt qua
Cách ly mà chẳng cách xa
Chiến thắng dịch bệnh có ta, có mình

Nhân dân cả nước đồng tình
Khó khăn, thách thức ta cùng vượt qua
Cách lòng mà chẳng cách xa
Chiến thắng đại dịch: Có ta, có nàng!

Lê Xuân Đạm

Ảnh: ST

Hoạt động nghiên cứu khoa học của Nghị viện một số nước trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam

TS. Nguyễn Thị Dung
Viện Nghiên cứu Lập pháp

Trong thiết chế Nghị viện ở nhiều nước trên thế giới, nghiên cứu khoa học là một phương diện hoạt động thường xuyên, quan trọng. Nghiên cứu khoa học góp phần cung cấp thông tin, hỗ trợ quá trình phân tích, xử lý thông tin một cách khách quan, khoa học, trung thực và độc lập. Ở nhiều nước trên thế giới như Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Hàn Quốc, Nhật Bản và các nước thuộc Liên minh Châu Âu hoặc bản thân Liên minh châu Âu, hoạt động nghiên cứu khoa học được chú trọng nhằm cung cấp bằng chứng, lập luận chính xác, không phụ thuộc vào nhánh hành pháp hay các nhóm lợi ích khác nhau trong xã hội, góp phần quan trọng tạo nên hiệu quả và chất lượng hoạt động của thiết chế Nghị viện. Do đó, việc nghiên cứu các mô hình tổ chức triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học trong các Nghị viện này sẽ là giá trị tham khảo quan trọng nhằm củng cố, tăng cường vai trò của hoạt động nghiên cứu khoa học trong Quốc hội Việt Nam hiện nay.

1. Khái quát mô hình cơ quan nghiên cứu khoa học phục vụ hoạt động lập pháp của Nghị viện một số nước trên thế giới

Trên thế giới, lịch sử hình thành cơ quan nghiên cứu phục vụ hoạt động lập pháp bắt nguồn từ mô tuýp chung: Cơ quan nghiên cứu lập pháp = Thư viện Quốc hội + Viện Nghiên cứu, tư vấn chính sách (Thinktank) + Nhu cầu kiểm soát quyền lực Nhà nước từ phía Quốc hội[1]. Trong đó, sự ra đời, phát triển của Thư viện Quốc hội và Viện Nghiên cứu, tư vấn chính sách

Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ. Nguồn: internet

(Thinktank) là tiền đề hình thành nên Cơ quan nghiên cứu lập pháp (chức năng lưu giữ, khai thác để cung cấp thông tin lập pháp của Thư viện Quốc hội và chức năng nghiên cứu chuyên sâu, tham vấn chính sách lập pháp của các tổ chức nghiên cứu); còn sự lớn mạnh của Quốc hội, nhu cầu kiểm soát quyền lực Nhà nước từ phía Quốc hội là tiền đề phát triển mạnh mẽ của Cơ quan nghiên cứu lập pháp.

Hiện nay, phần lớn Nghị viện các nước đều xây dựng Cơ quan nghiên cứu lập pháp với các mô hình khác nhau. Tùy thuộc vào căn cứ, mục đích cụ thể mà có các cách phân loại cơ quan riêng. Nếu căn cứ vào mô hình Quốc hội, có thể chia thành mô hình cơ quan nghiên cứu ở Quốc hội lưỡng viện (có cơ quan nghiên cứu của Hạ viện hay của Thượng viện) và mô hình cơ quan nghiên cứu ở Quốc hội đơn viện.

Nếu căn cứ vào vị trí của cơ quan nghiên cứu trong hệ thống bộ máy cơ quan Quốc hội và thẩm quyền thành lập, có thể chia thành mô hình cơ quan nghiên cứu thuộc Quốc hội (do Quốc hội thành lập) hoặc mô hình cơ quan nghiên cứu thuộc cơ quan của Quốc hội (do cơ quan của Quốc hội thành lập).

Nếu căn cứ vào đối tượng phục vụ, có thể chia thành mô hình Cơ quan nghiên cứu lập pháp phục vụ đối tượng hẹp (chỉ phục vụ đại biểu Quốc hội) và mô hình Cơ quan nghiên cứu lập pháp phục vụ đối tượng rộng (ngoài đại biểu Quốc hội thì còn có thể là công chúng)...

Xuất phát từ nguồn gốc hình thành và phát triển của Cơ quan nghiên cứu lập pháp, có thể phân loại thành 3 mô hình tiêu biểu sau đây:

- Mô hình 1: Cơ quan nghiên cứu lập pháp nằm trong Thư viện Quốc hội. Đây là mô hình tồn tại ở một số quốc gia có Thư viện Quốc hội lâu đời, quy mô và hiện đại hàng đầu thế giới hiện nay. Điển hình của mô hình này là Mỹ, Canada. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, ở các nước này, Thư viện Quốc hội đồng thời là Thư viện Quốc gia. Theo mô hình này, Cơ quan nghiên cứu lập pháp có vị trí là một bộ phận trực thuộc Thư viện Quốc hội. Ví dụ: Trong Thư viện Quốc hội Mỹ có Cơ quan nghiên cứu Quốc hội (CRS), trong Thư viện Quốc hội Canada có Cục Nghiên cứu (CB). Cơ quan này vừa làm công tác nghiên cứu vừa làm công tác cung cấp thông tin cho đại biểu Quốc hội (tuy nhiên, trong Cơ quan nghiên cứu này lại có một bộ phận thư viện riêng được gọi là Thư viện pháp luật) phục vụ công tác lập pháp, nghiên cứu và thông tin.

- Mô hình 2: Cơ quan nghiên cứu lập pháp độc lập với Thư viện Quốc hội. Đây là mô hình ở nhiều Nghị viện trong giai đoạn trước đây và một số Nghị viện ngày nay như Đức, Nhật Bản, Ba Lan... Theo đó, trong hệ thống cơ quan giúp việc cho Nghị viện sẽ có một đơn vị đảm nhiệm công tác thư viện và một hoặc nhiều bộ phận đảm nhiệm công tác nghiên cứu và cung cấp thông tin. Phổ biến nhất trong mô hình này, Cơ quan nghiên cứu lập pháp là một đơn vị cấp vụ thuộc Văn phòng Quốc hội. Ví dụ: Ở Hạ viện Nhật Bản, có Thư viện Hạ viện và có Ban Nghiên cứu Hạ viện[2]. Còn ở Hạ viện Cộng hòa Liên bang Đức, có Thư viện và Cơ quan Nghiên cứu[3] là hai đơn vị độc lập. Hay ở Hạ viện Ba Lan có một số đơn vị trực thuộc đảm nhiệm các mảng hoạt động liên quan đến nghiên cứu khoa học, cung cấp thông tin lập pháp và thư viện. Trong đó, Ban Nghiên cứu Hạ viện (chức năng giống Viện Nghiên cứ lập pháp) đảm nhiệm chức năng nghiên cứu và cung cấp thông tin gắn với quy trình lập pháp (chủ động và theo yêu cầu); Thư viện đảm nhiệm công tác lưu trữ và khai thác thông tin trên nguồn tài nguyên vốn có.

- Mô hình 3: Cơ quan nghiên cứu bao gồm cả Thư viện Quốc hội

Mô hình này là xu thế trong những năm gần đây. Theo đó, Cơ quan Nghiên cứu lập pháp có vị trí là cơ quan thuộc Quốc hội, do Quốc hội thành lập và trong cơ cấu của nó có bộ phận Thư viện. Một số nước theo mô hình này là Cộng hoà Nam Phi, Australia và Hàn Quốc.

2. Các dịch vụ nghiên cứu khoa học phục vụ hoạt động lập pháp của Nghị viện một số nước trên thế giới

**** Dịch vụ nghiên cứu lập pháp của Quốc hội Hoa Kỳ[4]***

Cơ quan Dịch vụ Nghiên cứu của Quốc hội (CRS) chỉ phục vụ Quốc hội Hoa Kỳ bằng cách cung cấp phân tích chính sách và pháp lý (bí mật), khách quan và không đảng phái cho các ủy ban và Nghị sĩ của cả Hạ viện và Thượng viện. Bằng cách tiến hành nghiên cứu lập pháp toàn diện về các vấn đề hiện tại và mới nổi của chính sách quốc gia, CRS hỗ trợ Quốc hội trong các chức năng lập pháp, giám sát và đại diện. Từ năm 1914, CRS đã hoạt động với tư cách là một Cơ quan nghiên cứu lập pháp trong Thư viện Quốc hội. Hiện nay, CRS có khoảng 600 nhân viên làm việc tại Washington DC, trong đó, hơn 400 nhân viên là các nhà phân tích chính sách, luật sư và chuyên gia thông tin làm việc trong nhiều lĩnh vực khác nhau tại một trong năm bộ phận nghiên cứu của CRS. CRS cung cấp chuyên môn trong năm bộ phận nghiên cứu liên ngành: Luật Hoa Kỳ; Chính sách xã hội trong nước; Đối ngoại, Quốc phòng và Thương mại; Chính phủ và Tài chính; Tài nguyên, Khoa học và Công nghiệp. Mỗi bộ phận được tổ chức thành các phần nhỏ hơn, tập trung vào các lĩnh vực cụ thể của chính sách công. Công việc của các bộ phận này được hỗ trợ bởi bốn văn phòng: Văn phòng hoạt động hành chính; Văn phòng Giám đốc; Thông tin và xuất bản của Quốc hội; và Tham tán cho Giám đốc.

CRS hỗ trợ các Nghị sĩ, Ủy ban, lãnh đạo Hạ viện và Thượng viện trong tất cả các giai đoạn của quy trình lập pháp, từ việc giúp họ đánh giá sự cần thiết của luật pháp mới trước khi đưa ra, cho họ hỗ trợ kỹ thuật khi họ đạt được thỏa thuận cuối cùng về dự luật trước khi chúng được trình lên Tổng thống để được chấp thuận hoặc không chấp thuận. Hơn nữa, các dịch vụ CRS không giới hạn ở những dịch vụ liên quan đến ban hành luật mới nhưng CRS cũng đánh giá các vấn đề mới nổi và phát triển các vấn đề để chuẩn bị hỗ trợ Quốc hội nếu cần thiết. Ngoài ra, nó cung cấp nhiều khóa học, bao gồm các hội thảo và viện nghiên cứu pháp lý về quy trình lập pháp, quy trình

ngân sách và công việc của nhân viên quận và Nhà nước.

**** Dịch vụ nghiên cứu của Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội Trung Quốc[5]***

Trong hệ thống cơ quan giúp việc Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội (UBTVQH) Trung Quốc, liên quan đến hoạt động nghiên cứu và thông tin lập pháp có 4 đơn vị với vai trò, chức năng chính như sau:

(i) Thư viện Quốc hội: Có chức năng tương tự Thư viện Quốc hội Việt Nam đó là sưu tầm, phổ biến các văn bản, tài liệu sẵn có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Nghị viện nói chung và Quốc hội Trung Quốc nói riêng. Đối tượng phục vụ chủ yếu của Thư viện Quốc hội là Quốc hội, UBTVQH, Đại biểu Quốc hội, các Uỷ ban của Quốc hội, cơ quan của UBTVQH và nhân viên Văn phòng UBTVQH.

(ii) Trung tâm Thông tin Quốc hội: Có chức năng chính là cung cấp thông tin khoa học lập pháp phục vụ thiết chế Quốc hội (chủ yếu là điều tra, khảo sát) và thông tin công chúng; xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin và quản lý dữ liệu; phát hành các ấn phẩm liên quan đến hoạt động của Quốc hội.

(iii) Tạp chí Quốc hội: Có chức năng chính là xuất bản Tạp chí về Quốc hội và tạo lập môi trường phản biện khoa học về chính sách lập pháp (tương tự Tạp chí Nghiên cứu lập pháp ở Quốc hội Việt Nam)

(iv) Ban Nghiên cứu: Là cơ quan nghiên cứu khoa học lập pháp có chức năng cơ bản là tham vấn chính sách và phục vụ việc ra quyết định của các đồng chí lãnh đạo UBTVQH Trung Quốc. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Nghiên cứu là: (1) Thực hiện hoặc tham gia các hoạt động điều tra, nghiên cứu và tư vấn giúp lãnh đạo UBTVQH trong việc ra quyết định về các vấn đề chính trong cải cách, mở cửa và phát triển kinh tế - xã hội; đề xuất các khuyến nghị và tư vấn chính sách cho lãnh đạo UBTVQH; (2) Chịu trách nhiệm soạn thảo "Báo cáo công tác Chính phủ", chủ trì tổ chức soạn thảo các văn bản quan trọng của UBTVQH và tham gia soạn thảo văn bản tại các cuộc họp quan trọng của Trung ương Đảng; (3) Theo yêu cầu của lãnh đạo UBTVQH, soạn thảo hoặc sửa đổi các tài liệu quan trọng của UBTVQH hoặc phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan trong soạn thảo các bài phát biểu quan trọng của lãnh đạo UBTVQH; (4) Tiến hành phân tích và nghiên cứu về tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, chính sách kinh tế và chính sách phát triển xã hội của các nước lớn, và đề xuất các khuyến nghị chính sách. Thu thập, phân tích, báo cáo về thông tin quan trọng và động lực của sự phát triển kinh tế và xã hội, cung cấp tài liệu tham khảo cho việc ra quyết định của UBTVQH; (5) Thực hiện các vấn đề khác do UBTVQH giao.

**** Dịch vụ nghiên cứu của Nghị viện châu Âu (EPRS)***

Cơ quan dịch vụ nghiên cứu của Nghị viện châu Âu (European Parliament Research Services) có nhiệm vụ cung cấp cho các Thành viên của Nghị viện và Ủy ban châu Âu, với các nghiên cứu và phân tích độc lập, khách quan và có thẩm quyền về các vấn đề chính sách liên quan đến Liên minh Châu Âu. Các sản phẩm của EPRS được cung cấp đến đối tượng Nghị sỹ và công chúng rất đa dạng. Loại sản phẩm đầu tiên là các báo cáo nghiên cứu chuyên sâu về các chủ đề chính sách đang tranh luận hoặc được đưa vào chương trình nghị sự của Nghị viện châu Âu. Loại báo cáo nghiên cứu chuyên sâu này thường dài khoảng 60 - 70 trang, được đặt hàng từ các chuyên gia hàng đầu[6].

Loại báo cáo thứ hai là các nghiên cứu mang tính chất tổng hợp, độ dài trung bình khoảng 30 trang, về các chủ đề chính sách rộng hơn, mang tính chung hơn. Loại sản phẩm này thường là tổng hợp và tóm tắt lại các vấn đề chính từ báo cáo chuyên sâu nói trên để dành cho đối tượng độc giả là các Nghị sỹ. Loại sản phẩm thứ ba là các báo cáo vắn tắt (policy briefing), độ dài khoảng 7 - 8 trang, cung cấp bức tranh chung nhất, ngắn gọn, súc tích nhất về các nội dung chính sách chủ yếu để đọc nhanh. Loại sản phẩm thứ hai và thứ ba là do cán bộ, chuyên viên của EPRS trực tiếp soạn thảo trong khi báo cáo chuyên sâu phải thuê chuyên gia bên ngoài thực hiện theo quy trình đặt hàng nhiệm vụ (thông qua điều khoản tham chiếu - TOR) và đấu thầu thực hiện. Ngân sách trung bình của EPRS là khoảng 10 triệu Euro một năm thì khoảng 1/3 là dành cho hoạt động đặt hàng, thuê chuyên gia bên ngoài.

Ngoài ra, EPRS còn cung cấp một phần mềm ứng dụng trên môi trường web và trên điện thoại di động cập nhật thông tin về các vấn đề chính sách trong chương trình nghị sự của Nghị viện hoặc đang được Nghị viện quan tâm, cung cấp kênh tiếp cận cập nhật với các sản phẩm của EPRS qua môi trường điện tử.

3. Một số kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình đổi mới hoạt động nghiên cứu phục vụ hoạt động lập pháp của Quốc hội

Tham khảo mô hình cơ quan nghiên cứu khoa học phục vụ Nghị viện một số nước trên thế giới, có thể rút ra một số nhận xét, đánh giá, đồng thời là kinh nghiệm mà Việt Nam có thể kế thừa, phát triển trong quá trình đổi mới tổ chức, hoạt động của cơ quan nghiên cứu phục vụ Quốc hội trong thời gian tới như sau:

Một là, hoạt động nghiên cứu phục vụ hoạt động lập pháp bao gồm hai hình thức: Nghiên cứu chủ động và nghiên cứu theo yêu cầu. Điều này vừa bảo đảm tính chủ động, ổn định của cơ quan nghiên cứu, vừa bảo đảm tính định hướng của khoa học, đồng thời bảo đảm tính chất phục vụ của thiết chế này.

Hai là, hình thức, phương thức hoạt động và sản phẩm cung cấp rất đa dạng, phong phú và thiết thực nhưng luôn bám sát và phục vụ trực tiếp Chương trình hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm.

Ba là, do phạm vi nghiên cứu rất rộng, yêu cầu nghiên cứu lại chuyên sâu với trọng tâm là cung cấp thông tin và tư vấn chính sách, vì vậy, Cơ quan nghiên cứu lập pháp ở Quốc hội các nước luôn coi trọng, mở rộng

hệ thống cộng tác viên và thu hút sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý. Đồng thời, có sự kết nối hết sức chặt chẽ giữa Cơ quan nghiên cứu lập pháp với thư viện và báo chí của Quốc hội.

Bốn là, chú trọng hoạt động hợp tác với hình thức, phương thức hợp tác đa dạng, phong phú và thiết thực, nổi bật là trao đổi thông tin, hỗ trợ nghiên cứu và chia sẻ nguồn cơ sở dữ liệu. Trong thời đại thông tin, đây là phương thức hợp tác hiệu quả, không chỉ quảng bá hình ảnh cho cơ quan nghiên cứu và Quốc hội nước nhà, thúc đẩy hợp tác tầm Nghị viện giữa các nước, đồng thời còn để tiết kiệm nguồn lực cho hoạt động chuyên môn.

Năm là, vị trí pháp lý, số lượng biên chế, cơ cấu tổ chức của Cơ quan nghiên cứu lập pháp có thể khác nhau giữa các nước nhưng vấn đề chuyên môn hóa luôn được đề cao và gắn liền với hoạt động của các ủy ban của Quốc hội.

Sáu là, quá trình ra đời, phát triển của Cơ quan nghiên cứu lập pháp mang tính tất yếu, khách quan nhưng để đổi mới, phát triển thì phụ thuộc vào ba yếu tố cơ bản: (i) Phải xuất phát từ nhu cầu nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động và đề cao vị trí, vai trò của cơ quan lập pháp trong các thiết chế quản trị quốc gia. Đây được coi là điều kiện cần, bởi nếu ở quốc gia nào mà Quốc hội "yếu", hoạt động không thiết thực, hiệu quả thì không phát sinh nhu cầu nghiên cứu, cung cấp thông tin phục vụ hoạt động lập pháp; (ii) Nhận thức và hành động của Lãnh đạo Quốc hội về vị trí, vai trò của khoa học, công nghệ nói chung và về Cơ quan nghiên cứu lập pháp nói riêng. (iii) Sự nỗ lực phấn đấu phát triển của bản thân Cơ quan nghiên cứu lập pháp đó. Đây là điều kiện đủ. Bởi, kinh nghiệm ở các nước trên đã cho thấy, nếu các "cơ quan tiền thân" của Cơ quan nghiên cứu lập pháp ở các nước này trước đó không nỗ lực phát triển để tự khẳng định nhu cầu tồn tại và ý nghĩa to lớn mà mình mang lại cho Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội thì khó có cơ sở để Quốc hội đồng thuận "đầu tư", "nâng tầm" thành những Cơ quan nghiên cứu lập pháp hàng đầu thế giới như hiện nay.

Bảy là, các cơ quan nghiên cứu phục vụ hoạt động lập pháp của nghị viện đều là tổ chức hoạt động vì mục đích chính trị, phi lợi nhuận, vì vậy, Quốc hội các nước thường có những cơ chế đặc thù để bảo đảm nguồn lực cho cơ quan này./.

Chú thích:

(1) Xem thêm: PGS.TS Hoàng Văn Tú - Cơ sở lý luận và thực tiễn đổi mới tổ chức, hoạt động của Viện Nghiên cứu lập pháp. Đề tài NCKH cấp Bộ 2015.

(2) Có chức năng giống Viện Nghiên cứu lập pháp của Việt Nam.

(3) Cũng có chức năng giống Viện Nghiên cứu lập pháp của Việt Nam.

(4) Xem thêm: Phụ lục Đề án về cơ cấu tổ chức, bộ máy nhân sự, và cơ chế tài chính của Viện Nghiên cứu lập pháp, tháng 8/2019.

(5) Xem thêm: Viện Nghiên cứu lập pháp, Báo cáo kết quả công tác của Đoàn nghiên cứu, trao đổi tại Trung Quốc năm 2019.

(6) Xem thêm: Phụ lục Đề án về cơ cấu tổ chức, bộ máy nhân sự, và cơ chế tài chính của Viện Nghiên cứu lập pháp, tháng 8/2019.

Tài liệu tham khảo:

(1) Viện Nghiên cứu Lập pháp, Đề án về cơ cấu tổ chức, bộ máy nhân sự, và cơ chế tài chính của Viện Nghiên cứu Lập pháp, tháng 8/2019.

(2) Viện Nghiên cứu Lập pháp, Báo cáo kết quả chuyến đi nghiên cứu mô hình hoạt động của cơ quan nghiên cứu phục vụ Nghị viện của Hàn Quốc và Ốt-trây-li-a của Đoàn công tác Viện Nghiên cứu Lập pháp, tháng 10/2008.

(3) Viện Nghiên cứu Lập pháp, Báo cáo kết quả chuyến đi nghiên cứu tại Nhật Bản và Hàn Quốc của Đoàn công tác Viện Nghiên cứu Lập pháp, tháng 6/2016.

(4) Viện Nghiên cứu Lập pháp, Báo cáo kết quả công tác của Đoàn nghiên cứu, trao đổi tại Trung Quốc năm 2019.

Tìm về bến nhớ...

Tôi về qua nỗi nhớ
Bờ đê chiều xôn xao
Ngọn cỏ gà trong gió
Ngẩn ngơ phía chiều tan

Lũy tre già kẽo kịt
Bước chân về mênh mông
Tiếng chim chiều ríu rít
Kể chuyện ngày mưa rơi

Con sông quê bồi lở
Giọt phù sa mỡ màu
Cánh đồng mùa trăn trở
Hạt lúa vàng rung rinh

Bếp nhà quê đỏ lửa
Ngọn khói chiều miên man
Mẹ ngồi bên bậu cửa
Năm tháng hoài xa xôi…
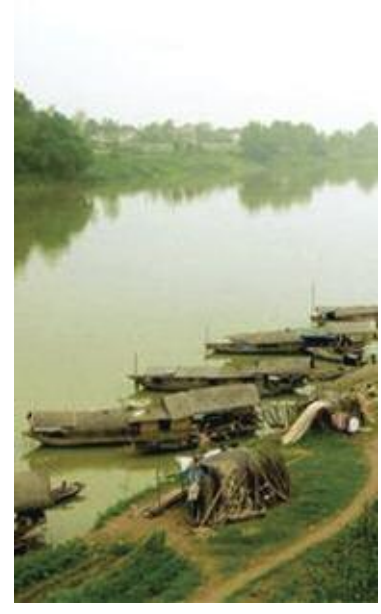
Mộng Tuyền